



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

66B-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84.8) 3821 3913

Fax: (84.8) 3821 3553 - (84.8) 3821 5992

Email: [savico@savico.com.vn](mailto:savico@savico.com.vn)

[www.savico.com.vn](http://www.savico.com.vn)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011 | TẠO DỰNG GIÁ TRỊ MỚI

# Tạo dựng GIÁ TRỊ MỚI





# Tạo dựng GIÁ TRỊ MỚI

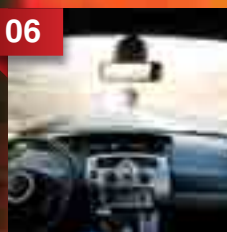
Qua mỗi chặng đường khó khăn và thách thức chúng ta càng vững tin và khẳng định năng lực cũng như khả năng thực hiện những ước mơ và hoài bão của mình, với niềm tin trở thành Công ty đầu tư chuyên ngành dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam, hội nhập Khu vực và Quốc tế, luôn “Đoàn kết, vượt qua thách thức, tự đổi mới, đón đầu cơ hội, gặt hái thành công”, SAVICO tiếp tục phát huy những nền tảng đã có để thực hiện sứ mệnh của mình và vươn lên một tầm cao mới.



02



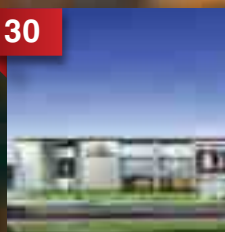
06



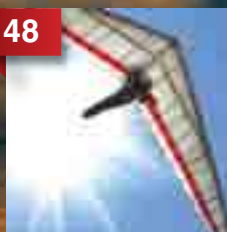
20



30



48



54



107



## Mục Lục

|                                          |    |
|------------------------------------------|----|
| Tăng trưởng bền vững                     | 02 |
| Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi     | 03 |
| Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng Quản trị | 04 |
| Xứng đáng đặt niềm tin                   | 06 |
| Lịch sử hình thành và phát triển         | 08 |
| Sơ đồ tổ chức của Công ty                | 10 |
| Cơ cấu tổ chức và nhân sự                | 12 |
| Hội đồng Quản trị                        | 14 |
| Ban Tổng Giám đốc                        | 16 |
| Ban Kiểm soát                            | 18 |
| Vững vàng một vị thế                     | 20 |
| Các lĩnh vực hoạt động của SAVICO        | 22 |
| Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại            | 22 |
| Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản            | 24 |
| Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính               | 29 |

|                                             |     |
|---------------------------------------------|-----|
| Vượt qua thách thức                         | 30  |
| Báo cáo của Tổng Giám đốc                   | 32  |
| Báo cáo của Hội đồng Quản trị               | 38  |
| Báo cáo của Ban Kiểm soát                   | 42  |
| Thông tin về Cổ đông                        | 44  |
| Quan hệ nhà đầu tư                          | 47  |
| Tạo dựng giá trị mới                        | 48  |
| SAVICO - Giải thưởng đã đạt được            | 50  |
| SAVICO và công tác phát triển thương hiệu   | 51  |
| SAVICO hướng đến cộng đồng                  | 52  |
| Báo cáo tài chính                           | 54  |
| Báo cáo tài chính riêng                     | 54  |
| Báo cáo tài chính hợp nhất                  | 64  |
| Đoàn kết phát triển                         | 106 |
| Hệ thống các chi nhánh và đơn vị thành viên | 108 |



*Tăng trưởng*  
**VỮNG BỀN**

## SỨ MẠNG

Nhà cung cấp dịch vụ tốt nhất luôn hướng mọi hoạt động của Công ty nhằm phục vụ sự thỏa mãn của khách hàng.

“Thỏa mãn khách hàng là hạnh phúc chính mình”

## TẦM NHÌN

Trở thành Công ty đầu tư chuyên ngành dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam, hội nhập Khu vực và Quốc tế.



## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

“SAVICO địa chỉ tin cậy của các Cổ đông và Nhà Đầu tư, nơi kết nối, gia tăng các lợi ích của Khách hàng, Cổ đông, Người lao động, và Cộng đồng xã hội trên nền tảng văn hóa SAVICO”.

“Tôn trọng, lắng nghe và xem lợi ích của Khách hàng, Đối tác, Cổ đông là lợi ích của chính mình”.

“Đoàn kết, vượt qua thách thức; Tự đổi mới, đón đầu cơ hội, gặt hái thành công”.

## Kính thưa Quý Cổ đông, các Nhà Đầu tư

Tình hình kinh tế thế giới năm 2011 đứng trước những khó khăn và thách thức rất lớn, nền kinh tế nước ta còn một số hạn chế, yếu kém, kinh tế vĩ mô chưa thật ổn định. Lạm phát và lãi suất tín dụng tuy có giảm nhưng vẫn ở mức khá cao; thanh khoản của ngân hàng và của cả nền kinh tế còn khó khăn, nợ xấu có dấu hiệu tăng lên; thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán trầm lắng. Các Doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận vốn, chi phí vốn tăng gần gấp đôi năm 2010, việc cắt giảm sản lượng của các nhà sản xuất ô tô do thiên tai, lũ lụt... đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động dịch vụ thương mại và phát triển các dự án đầu tư của Công ty.

Để chủ động ứng phó với những biến động của thị trường, nâng cao hiệu quả và chất lượng quản trị điều hành, ngay từ đầu năm Công ty đã tập trung triển khai nhiều giải pháp quyết liệt nhằm mục tiêu kiểm soát và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Với ý thức trách nhiệm cao nhất của HĐQT, BDH và sự nỗ lực vượt bậc của toàn thể cán bộ quản lý, người đại diện phần vốn và cán bộ nhân viên tại các công ty trong toàn hệ thống, SAVICO vẫn không ngừng củng cố, mở rộng quy mô để đảm bảo thực hiện chiến lược kinh doanh 2011-2015. Toàn hệ thống SAVICO đã phấn đấu thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2011. Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại vẫn khẳng định vị trí hàng đầu, tiếp tục duy trì và giữ vững vị trí là Nhà cung cấp Ô tô số 1 tại Việt Nam. Điểm nổi bật nhất là trong tình hình khó khăn về nguồn vốn, lãi suất cao nhưng Công ty vẫn nỗ lực hoàn thành và khai trương Trung tâm thương mại SAVICO Mega Mall tại quận Long Biên, TP. Hà Nội vào tháng 12/2011 với tổng nguồn vốn đầu tư trên 700 tỷ đồng, cung ứng trên 63.000 m<sup>2</sup> diện tích cho thuê được đánh giá là Trung tâm mua sắm và vui chơi giải trí có quy mô lớn hàng đầu tại Việt Nam.

Để có được những kết quả trên là nhờ: (1) Tăng cường bám sát đường lối, chủ trương của Nhà nước, bám sát thị trường để phân tích, đánh giá, dự báo trên cơ sở đó có giải pháp điều hành linh hoạt thích hợp vào từng thời điểm; (2) Tập trung công tác quản trị rủi ro, thường xuyên cảnh báo đến từng đơn vị thành viên chuyển hướng từ quản trị chiều rộng sang quản trị chiều sâu; (3) Phát huy thế mạnh các nguồn lực hiện có của Công ty để tận dụng các thời cơ; (4) Tinh đồng thuận, vượt khó, chung tay góp sức của đội ngũ cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống; (5) Được sự chia sẻ, đồng thuận của Cổ đông, Nhà Đầu tư thông qua việc gặp gỡ, trao đổi đã tạo nguồn động viên, khích lệ cho đội ngũ quản trị điều hành. Đặc biệt, xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, toàn thể Quý Cổ đông, Tổng Công ty Bến Thành, các

đối tác, các đơn vị tư vấn, ngân hàng, các cơ quan ban ngành Trung ương, Thành phố, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống đã giúp cho Hội đồng Quản trị thực hiện tốt nhiệm vụ của mình với tốc độ tăng trưởng ổn định, xứng đáng với sự tin cậy của Quý Cổ đông, Khách hàng, Nhà Đầu tư.

Năm 2012, tác động tiêu cực từ khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, biến động chính trị ở nhiều nước trên thế giới, kinh tế Mỹ, Trung Quốc và khối EU suy giảm ảnh hưởng đến tình hình kinh tế chung; lạm phát, lãi suất có thể vẫn ở mức cao; giá vàng, giá nhiên liệu sẽ có những biến động ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty, nhất là lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại. Hội đồng Quản trị tiếp tục chỉ đạo điều hành với tất cả tinh thần trách nhiệm cao nhất vì lợi ích Cổ đông, Nhà Đầu tư, Khách hàng, đồng thời theo dõi sát diễn biến, kịp thời cập nhật tình hình để có những phản ứng, giải pháp phù hợp nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, nội lực của từng đơn vị thành viên tại các thành phố lớn để thực hiện các mục tiêu phát triển đã đề ra như: tiếp tục phát triển các loại hình hoạt động có hiệu quả đảm bảo tăng trưởng bền vững, an toàn về tài chính; tái cấu trúc lại bộ máy tổ chức để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; xây dựng liên kết ngành, lĩnh vực theo vùng thị trường đảm bảo SAVICO luôn là Nhà phân phối Ô tô số 1 tại Việt Nam. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển dịch vụ ô tô xe máy, phụ tùng phụ kiện, xe cũ cũng như các dịch vụ khác... nhằm giảm thiểu các rủi ro và đảm bảo phát triển bền vững, đa dạng hóa các sản phẩm để nâng cao sức cạnh tranh cũng như vị thế của SAVICO trên thị trường; Phát triển và vốn hóa các dự án theo hướng tối đa hóa hiệu quả đầu tư.

Năm 2012 là năm đánh dấu lịch sử 30 năm hình thành và phát triển của SAVICO, với chủ đề là “Năm phát triển nguồn nhân lực” thực hiện chính sách “Trọng dụng nhân tài” xem đây là nguồn vốn quý giá để đạt các mục tiêu, hướng đến việc thu hút và đào tạo một đội ngũ nhân lực giỏi, có trình độ cao, gắn bó và cống hiến hết mình cho sự nghiệp phát triển của toàn hệ thống SAVICO. Tôi tin tưởng rằng qua mỗi chặng đường khó khăn và thách thức chúng ta càng vững tin và khẳng định năng lực cũng như khả năng thực hiện những ước mơ và hoài bão của mình, với niềm tin trở thành Công ty đầu tư chuyên ngành dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam, hội nhập Khu vực và Quốc tế, luôn “Đoàn kết, vượt qua thách thức, tự đổi mới, đón đầu cơ hội, gạt hái thành công”, SAVICO tiếp tục phát huy những nền tảng đã có để thực hiện sứ mệnh của mình và vươn lên một tầm cao mới. Tôi kêu gọi tất cả các thành viên

**“Năm 2012, SAVICO tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực quản trị cấp cao và cấp trung để bổ sung những vị trí then chốt của Công ty nhằm tập trung thực hiện chiến lược 2010 - 2015”**

trong hệ thống SAVICO hãy có những hành động thiết thực đóng góp cho sự trưởng thành và phát triển của SAVICO để chào mừng sự kiện lớn này.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, xin chân thành cảm ơn Quý Cổ đông, Nhà Đầu tư, Khách hàng đã tích cực hỗ trợ và hợp tác đóng góp cho sự phát triển của Công ty trong thời gian vừa qua và luôn mong được đón nhận tất cả những góp ý, chia sẻ và hợp tác của toàn thể quý vị để cùng chăm lo xây dựng và phát triển ngôi nhà chung SAVICO.

Xin chân thành cảm ơn.

NGUYỄN VINH THỌ  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



*Xứng đáng đặt*  
**NIỀM TIN**



Chúng tôi cam kết là một đối tác đáng tin cậy của các Nhà Đầu tư, Khách hàng. Luôn tôn trọng và lắng nghe kỳ vọng của Khách hàng, đồng hành cùng Khách hàng để vượt qua mọi khó khăn thách thức của thị trường nhằm tìm ra những giải pháp tối ưu nhất, đảm bảo thỏa mãn được lợi ích và kỳ vọng của Khách hàng.





Qua 29 năm hoạt động, với 06 năm hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, SAVICO đã xác định mục tiêu chiến lược trở thành Công ty đầu tư chuyên ngành dịch vụ hoạt động trên ba lĩnh vực:

**Dịch vụ - Thương mại; Dịch vụ Bất động sản; Dịch vụ Tài chính**

## Giai đoạn Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước (từ 1982 đến 2004)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập vào ngày 01/09/1982 với tên gọi là Công ty Dịch vụ Quận 1. Năm 1986, Công ty đổi tên từ Công ty Dịch vụ Quận 1 thành Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn với tên giao dịch gọi tắt là SAVICO. Năm 1990, Công ty là đơn vị tiên phong tổ chức khai thác kinh doanh dịch vụ ngành ô tô, xe gắn máy, du lịch, dịch vụ vận chuyển - taxi,... tạo nền tảng cho việc phát triển hệ thống Dịch vụ - Thương mại sau này.

Năm 1998 đến năm 2004, bên cạnh việc phát triển các dự án bất động sản và đầu tư vào những ngành then chốt, để hỗ trợ và củng cố hoạt động, Công ty đã từng bước chuyển hướng hoạt động sang mô hình Công ty đầu tư, xây dựng và phát triển chuỗi đại lý phân phối xe ô tô, xe gắn máy của các nhãn hiệu có uy tín như: Toyota, Ford, Daewoo, Suzuki, SYM,...

## Giai đoạn cổ phần hóa (từ 2005 đến 2011...)

Ngày 04/01/2005 Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) chính thức đi vào hoạt động. Ngày 21/12/2006, cổ phiếu SAVICO với mã chứng khoán SVC chính thức niêm yết và giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Đến ngày 01/06/2009, cổ phiếu SAVICO được chuyển niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Qua 29 năm hoạt động, với 06 năm hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, SAVICO đã xác định mục tiêu chiến lược trở thành Công ty đầu tư chuyên ngành dịch vụ hoạt động trên ba lĩnh vực:

**Dịch vụ - Thương mại:** Được xem là nền tảng hoạt động của Công ty, phát triển trên cơ sở tổ chức các chuỗi hệ thống phân phối về ô tô, xe gắn máy, các trung tâm thương mại, liên doanh Comfort Delgro SAVICO Taxi và những loại hình dịch vụ thương mại khác thông qua hệ thống các đơn vị thành viên để tổ chức mạng lưới kinh doanh, phân phối ô tô cho các nhãn hiệu lớn, có uy tín như Toyota, Ford, GM Việt Nam, Hyundai, Suzuki, Yamaha, SYM...

**Dịch vụ Bất động sản:** Công ty tập trung xây dựng và phát triển chuỗi hệ thống các khu phức hợp, trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, căn hộ, khách sạn, khu du lịch nghỉ dưỡng,... nhằm hỗ trợ phát triển lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại.

**Dịch vụ Tài chính:** Công ty tập trung đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty như dịch vụ thương mại, bất động sản...



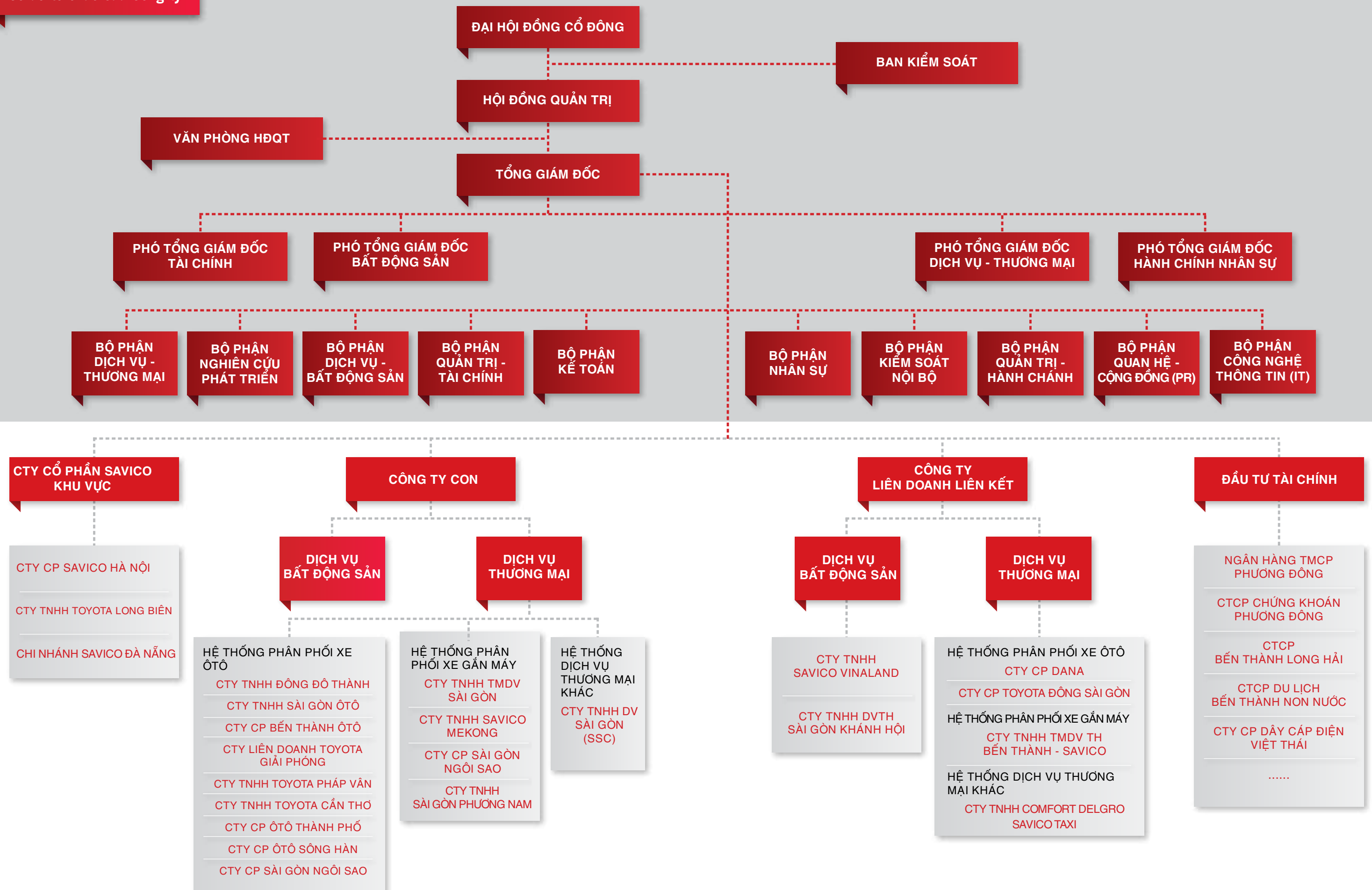
Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN  
Tên giao dịch : SAVICO  
Mã chứng khoán : SVC

### Trụ sở chính

Địa chỉ : 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (84-8) 3821 3913  
Fax : (84-8) 3821 3553 / 3821 5992  
Website : www.savico.com.vn  
Email : savico@savico.com.vn



## Sơ đồ tổ chức của Công ty



## Chính sách nhân sự

### Lao động

Toàn hệ thống SAVICO có tổng số 2.156 lao động (đã bao gồm 232 tài xế taxi ký kết hợp đồng dân sự), tăng 13% so với năm 2010.

Lao động của hệ thống SAVICO đa số ở độ tuổi trẻ, tuổi đời bình quân là 31 tuổi, độ tuổi dưới 40 tuổi chiếm 70,8% trên tổng số lao động. Trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên chiếm 59,67% trên tổng số lao động.

### Tuyển dụng và thu hút nguồn nhân lực

Với chính sách nhân sự và chế độ đãi ngộ rõ ràng, đáp ứng nhu cầu cơ bản của người lao động, SAVICO và các đơn vị trong hệ thống là điểm đến của 241 lao động được bố trí làm việc tại SAVICO và các đơn vị trong hệ thống; trong đó có 26 lao động là cán bộ quản lý, 215 lao động có kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng.

Sau nhiều năm thực hiện cùng với công tác chuẩn bị khá bài bản từ xây dựng tiêu chí, quy trình theo dõi, đánh giá điều kiện chọn đối tượng, ngành nghề đáp ứng nhu cầu của SAVICO và các đơn vị trong hệ thống, chương trình “Thực tập sinh” dành cho các sinh viên có kết quả học tập từ khá trở lên được SAVICO tiếp tục thực hiện; kết quả có 10 sinh viên được tuyển chọn, đạt tỷ lệ 1,68% trên tổng số hồ sơ đăng ký tham gia chương trình, tạo cơ sở chuẩn bị nguồn nhân lực có chất lượng cao cho Công ty.



### Đào tạo & phát triển

Bên cạnh việc thu hút nguồn nhân lực mới với mong muốn người lao động nhanh chóng thích ứng và cải thiện hiệu quả công việc, nâng cao kỹ năng làm việc, SAVICO kết hợp việc đào tạo, bồi dưỡng thực tế với việc chọn đối tượng cử đi học tại các cơ sở, đào tạo những ngành nghề kinh doanh phù hợp với Công ty; các Cán bộ nhân viên sau khi hoàn thành khóa đào tạo do Công ty tài trợ đều phát huy được kiến thức và khả năng trong chuyên môn. Năm 2011 Công ty đã tổ chức và cử đi đào tạo, bồi dưỡng 117 CBNV.

Trong năm 2011, Công ty cũng đã triển khai và tổ chức thực hiện “Quỹ chăm sóc tài năng trẻ hệ thống SAVICO” nhằm phát hiện và tuyển chọn, đào tạo và bồi dưỡng những cá nhân dưới 35 tuổi, có năng lực và triển vọng phát triển để đào tạo nguồn Quản trị viên cao cấp lâu dài cho hệ thống SAVICO; kết quả có 20 hồ sơ đăng ký tham gia chương trình; Hội đồng thẩm định Quỹ chăm sóc tài năng trẻ đã chọn 8 hồ sơ tài trợ đào tạo trực tiếp và chuyển 12 hồ sơ giao cho các Công ty thành viên trong hệ thống tiếp tục thực hiện đào tạo, bổ nhiệm.

### Tiền lương và phúc lợi tập thể

SAVICO luôn xác định nguồn nhân lực là tài sản quý giá để duy trì, phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và củng cố sự phát triển bền vững của cả hệ thống. Để thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực, ngoài chính sách đào tạo, môi trường làm việc, cơ hội thăng tiến; SAVICO xây dựng chính sách nhân sự nhằm tạo mọi điều kiện để nhân viên cống hiến, phát triển tài năng, đặc biệt ở những vị trí quản trị trung, cao cấp.

Bên cạnh chế độ đãi ngộ, Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về chế độ chính sách đối với người lao động; các chế độ chính sách theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty năm sau luôn cao hơn năm trước với rất nhiều chế độ như du lịch, tham quan, học tập, khám sức khỏe định, bảo hiểm tai nạn con người...

Công ty cũng đã triển khai và tổ chức thực hiện quỹ tương trợ hệ thống SAVICO để chăm lo đời sống cho người lao động và CBNV nghỉ hưu có hoàn cảnh khó khăn, Công ty đã chi để chăm lo cho 40 trường hợp với số tiền 50.100.000 đồng.

### Tạo môi trường làm việc

SAVICO và các đơn vị trong hệ thống luôn quan tâm xây dựng môi trường làm việc mà nơi đó nhân viên có điều kiện thể hiện mình và được công nhận giá trị đóng góp, được chia sẻ, tôn trọng với những ý kiến góp ý cho sự phát triển của Công ty; SAVICO đánh giá cao và có những chính sách khen thưởng thích đáng cho những đóng góp tích cực của đội ngũ nhân viên.

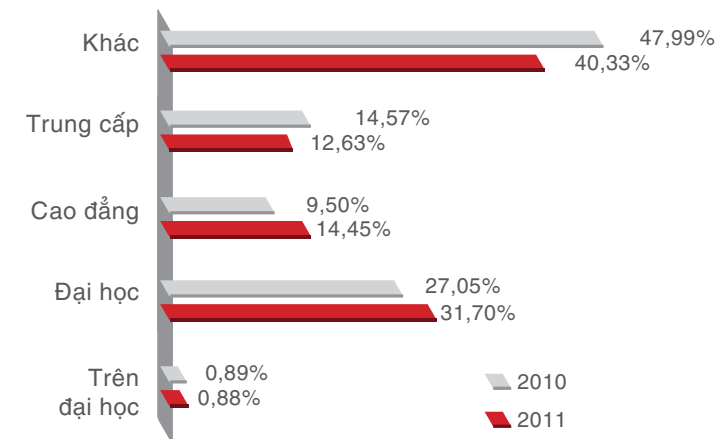
Bên cạnh đó, các hoạt động sinh hoạt, giao lưu, trao đổi như Ngày hội gia đình SAVICO, câu lạc bộ ngành nghề chuyên môn, văn nghệ, thể dục thể thao... luôn được duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động, tạo điều kiện cho toàn thể nhân viên trong hệ thống SAVICO gặp gỡ học tập, chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau.

## Hoạt động thi đua khen thưởng

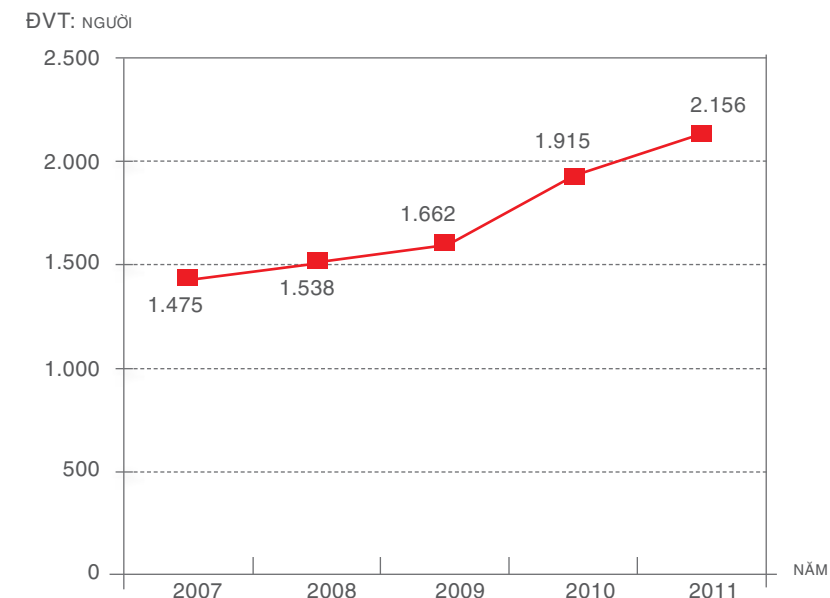
Năm 2011, SAVICO đã được UBND thành phố Hồ Chí Minh tặng “Cờ thi đua đơn vị xuất sắc” do đã có thành tích hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm do Đại hội đồng Cổ đông giao; 05 cán bộ quản lý được Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ trao tặng Huân chương Lao động hạng 3 và Bằng khen Thủ tướng Chính phủ; 3 công ty đạt danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn Tiêu Biểu” và 5 cán bộ quản lý cấp cao trong hệ thống SAVICO được trao tặng danh hiệu “Doanh nhân làm theo lời bác”; SAVICO và 2 Công ty thành viên (Toyota Giải phóng, Toyota Đông Sài Gòn) được công nhận vào top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. SAVICO cũng đã tổ chức khen thưởng và tôn vinh 22 tập thể lao động xuất sắc và 115 cá nhân xuất sắc hoàn thành kế hoạch năm.

## Năm 2012

Năm 2012, với chủ đề là “Năm phát triển nguồn nhân lực”, SAVICO và các đơn vị trong hệ thống tập trung đầu tư vào công tác phát triển nguồn nhân lực hơn nữa, hướng đến việc thu hút và đào tạo một nguồn nhân lực giỏi, xây dựng đội ngũ Quản trị viên các cấp có trình độ cao, gắn bó và cống hiến hết mình cho sự nghiệp phát triển của toàn hệ thống SAVICO.



Tỷ lệ trình độ chuyên môn của lao động toàn hệ thống SAVICO năm 2010 - 2011



Lao động tại SAVICO từ 2007 - 2011





**Ông Nguyễn Vĩnh Thọ**  
Chủ tịch  
Hội đồng Quản trị

Ngày sinh: 01/01/1961  
Nơi sinh: Bình Định  
Địa chỉ thường trú:  
17 Trần Nhật Duật, Q.1,  
TP. HCM  
Trình độ chuyên môn:  
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh  
Các chức vụ đang nắm giữ  
tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần SAVICO Hà Nội
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Toyota Cần Thơ
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dana
- Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng



**Ông Lương Quang Hiến**  
Thành viên  
Hội đồng Quản trị

Ngày sinh: 25/11/1967  
Nơi sinh: Đà Nẵng  
Địa chỉ thường trú:  
93 đường 37, P. Tân Quy,  
Q.7, TP. HCM  
Trình độ chuyên môn:  
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh  
Các chức vụ đang nắm giữ  
tại các tổ chức kinh tế khác:

- Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Hùng Vương



**Ông Tề Trí Dũng**  
Thành viên  
Hội đồng Quản trị

Ngày sinh: 14/08/1981  
Nơi sinh: Hồ Chí Minh  
Địa chỉ thường trú:  
56 Đinh Công Tráng,  
P. Tân Định, Q.1, TP. HCM  
Trình độ chuyên môn:  
Thạc sỹ Kinh tế  
Các chức vụ đang nắm giữ  
tại các tổ chức kinh tế khác:

- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bến Thành
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Bến Thành
- Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh Khách sạn Norfolk
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Du Lịch Sài Gòn Mũi Né
- Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Phương Đông
- Thành viên HĐQT Công ty Chứng khoán Phương Đông
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn



**Ông Võ Hiến**  
Thành viên  
Hội đồng Quản trị

Ngày sinh: 20/06/1956  
Nơi sinh: Đà Nẵng  
Địa chỉ thường trú:  
159 Lý Tự Trọng, P. Bến  
Thành, Q.1, TP. HCM  
Trình độ chuyên môn:  
Cao đẳng  
Các chức vụ đang nắm giữ  
tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Tổng hợp SAVICO MeKong



**Ông Tạ Phước Đạt**  
Thành viên  
Hội đồng Quản trị

Ngày sinh: 15/06/1969  
Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh  
Địa chỉ thường trú:  
115/110A Lê Văn Sỹ, P.13,  
Q.Phú Nhuận, TP. HCM  
Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Kế Toán  
Các chức vụ đang nắm giữ  
tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ TH Bến Thành - SAVICO
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Việt Thái
- Thành viên HĐQT Công ty Du Lịch Bến Thành Long Hải
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông
- Thành viên BKS Công ty Cổ phần TMDV Tổng hợp Bến Thành



**Ông Nguyễn Bình Minh**  
Thành viên  
Hội đồng Quản trị

Ngày sinh: 13/02/1972  
Nơi sinh: Hà Nội  
Địa chỉ thường trú:  
150/1 Ung Văn Khiêm, P.25,  
Q.Bình Thạnh, TP. HCM  
Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Quản trị Kinh doanh  
Các chức vụ đang nắm giữ  
tại các tổ chức kinh tế khác:

- Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh SAVICO - Vinaland
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SAVICO Hà Nội
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Ôtô Toyota Cần Thơ
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Comfort Delgro SAVICO Taxi



**Ông Lê Hùng**  
Thành viên  
Hội đồng Quản trị

Ngày sinh: 24/08/1974  
Nơi sinh: Quảng Ngãi  
Địa chỉ thường trú:  
Xã Nghĩa Đông,  
TP. Quảng Ngãi,  
Tỉnh Quảng Ngãi  
Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Quản trị Kinh doanh  
Các chức vụ đang nắm giữ  
tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Bình Thạnh

## Ban Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc



Ông Võ Hiến  
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Bình Minh  
Phó Tổng Giám đốc



Ông Tạ Phước Đạt  
Phó Tổng Giám đốc



Ông Phan Tuấn Dũng  
Phó Tổng Giám đốc



Ông Mai Việt Hà  
Phó Tổng Giám đốc

Chủ tịch  
- Tổng Giám đốc

(Vui lòng tham khảo thông tin trên)

Thành viên Hội đồng Quản trị  
- Phó Tổng Giám đốc

(Vui lòng tham khảo thông tin trên)

Thành viên Hội đồng Quản trị  
- Phó Tổng Giám đốc

(Vui lòng tham khảo thông tin trên)

Thành viên Hội đồng Quản trị -  
Phó Tổng Giám đốc

(Vui lòng tham khảo thông tin trên)

Ngày sinh: 21/08/1969

Nơi sinh: Quảng Nam

Địa chỉ thường trú:  
10 Nguyễn Đức Cảnh,  
P. Thuận Phước,  
Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Kinh tế

Các chức vụ đang nắm giữ  
tại các tổ chức kinh tế khác:

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dana
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Du Lịch Bến Thành Non Nước
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn

Ngày sinh: 18/02/1973

Nơi sinh: Hưng Yên

Địa chỉ thường trú:  
Lô A 4-6 Cc Khánh Hội, 360C  
Bến Vân Đồn, P.1, Q.4, TP. HCM

Trình độ chuyên môn:  
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại  
các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Ô tô Thành Phố
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH DVTM Sài Gòn
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đông Đô Thành



## Ban Kiểm soát



Ông Lê Xuân Đức  
Trưởng Ban Kiểm soát



Bà Nguyễn Phương Loan  
Thành viên Ban Kiểm soát



Ông Nguyễn Công Bình  
Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 10/08/1953

Nơi sinh: Thanh Hoá

Địa chỉ thường trú:  
471 Phan Văn Trị, P.7, Q.5,  
TP. HCM

Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Tài chính - Kế toán  
Các chức vụ đang nắm giữ tại  
các tổ chức kinh tế khác:

- Phó Ban Kiểm soát Tổng  
Công ty Bến Thành

Ngày sinh: 06/11/1962

Nơi sinh: Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú:  
518/8/1 Lê Văn Sỹ, P.11,  
Q.Phú Nhuận, TP. HCM

Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Thương Mại ngành  
Kế toán

Các chức vụ đang nắm giữ  
tại các tổ chức kinh tế khác:  
Không

Ngày sinh: 31/03/1978

Nơi sinh: Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú:  
327 Lô C, Cc Nguyễn Thiện  
Thuật, P.1, Q.3, TP. HCM

Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Kinh tế  
Các chức vụ đang nắm giữ tại  
các tổ chức kinh tế khác:

- Trưởng BKS Công ty Cổ  
phần Toyota Đông Sài Gòn
- Trưởng BKS Công ty  
Cổ phần Bến Thành Ôtô
- Thành viên BKS Công ty  
Cổ phần SAVICO Hà Nội



Với ý thức trách nhiệm cao nhất của HĐQT, BDH và sự nỗ lực vượt bậc của toàn thể cán bộ quản lý, người đại diện phần vốn và cán bộ nhân viên tại các công ty trong toàn hệ thống, SAVICO vẫn không ngừng củng cố, mở rộng quy mô để đảm bảo thực hiện chiến lược kinh doanh 2010 - 2015.





*Vững vàng một*  
**VỊ THẾ**



Những năm gần đây, kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng liên tục xảy ra nhiều biến động, các doanh nghiệp liên tục đối đầu với những khó khăn và thử thách khó lường, tuy nhiên với công tác thường xuyên dự báo kịp thời, chúng tôi luôn có những giải pháp kịp thời tối thiểu hóa rủi ro đối với Công ty, cụ thể kết quả kinh doanh 2011 tiếp tục tăng trưởng 47,4% so với năm 2010.



## Các lĩnh vực hoạt động của SAVICO

### Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại

Mục tiêu chiến lược của lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại với trọng tâm giữ vững, gia tăng thị phần, phát triển hoạt động dịch vụ làm nền tảng và nâng cao hiệu quả đầu tư; điều này đã được thể hiện qua 03 năm hoạt động 2009 - 2011

#### ➤ Hệ thống Dịch vụ - Thương mại ngành Ôtô:

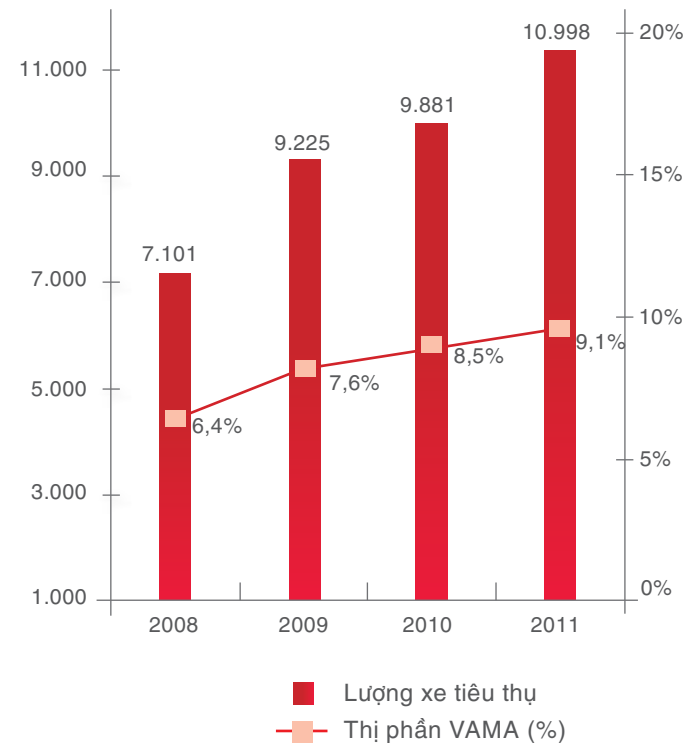
##### Lượng xe tiêu thụ - Thị phần

Lượng xe tiêu thụ của toàn hệ thống ô tô SAVICO tăng trưởng qua các năm, bình quân 16%/năm.

Hệ thống SAVICO đã khẳng định vị thế là Nhà phân phối Ôtô số 1 Việt Nam; với thị phần trong Hiệp hội các Nhà sản xuất Ôtô Việt Nam (VAMA) tăng trưởng ổn định, từ 7,6% trong năm 2009 lên 9,1% trong năm 2011.

Đồng thời hệ thống ô tô SAVICO luôn giữ vững thị phần dẫn đầu đối với từng nhà sản xuất liên tục trong các năm qua, hiện tại chiếm:

- 21,5% thị phần Toyota Việt Nam.
- 26,7% thị phần Ford Việt Nam.
- 5,1% thị phần GM Việt Nam.
- 16,2% thị phần Suzuki Việt Nam.
- 14,9% thị phần SYM ô tô Việt Nam.
- 7,0% thị phần Hyundai Việt Nam.



**Mục tiêu chiến lược của lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại với trọng tâm giữ vững, gia tăng thị phần, phát triển hoạt động dịch vụ làm nền tảng và nâng cao hiệu quả đầu tư.**

### Doanh thu - Lợi nhuận trước thuế

Doanh thu của toàn hệ thống ô tô SAVICO tăng trưởng bình quân 30%/năm, trong đó doanh thu dịch vụ tăng trưởng mạnh 54%/năm.

Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng bình quân 16%/năm.

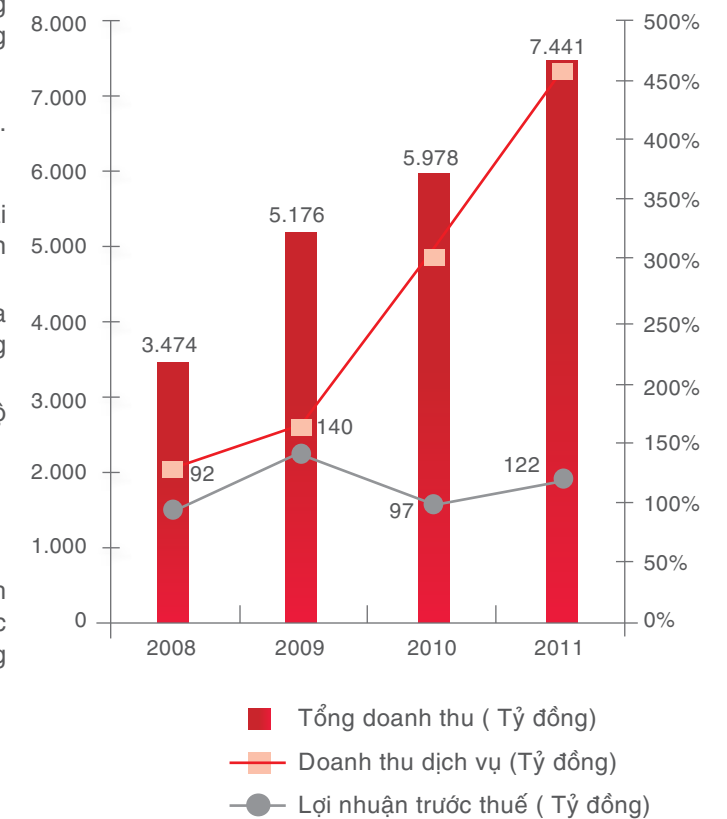
#### Mục tiêu chiến lược 2010 - 2015

- Giữ vững vị thế là Nhà phân phối Ôtô số 1 tại Việt Nam, phấn đấu đến 2015 sản lượng tiêu thụ toàn hệ thống tối thiểu chiếm 10% thị phần VAMA.
- Phát triển lĩnh vực dịch vụ ô tô, cùng các dịch vụ gia tăng tiện ích cho khách hàng; duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ từ 20% - 30%/năm.
- Tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư, duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận từ 20% - 30%/năm...

#### ➤ Hệ thống Dịch vụ - Thương mại ngành xe gắn máy:

Trong 03 năm 2009 - 2011, các chỉ tiêu kinh doanh của toàn hệ thống xe gắn máy SAVICO đều có mức tăng trưởng khá ấn tượng và đặc biệt vượt trội trong năm 2011, cụ thể:

- Lượng xe tiêu thụ tăng trưởng bình quân 29%/năm.
- Doanh thu tăng trưởng 36%/năm.
- Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 73%/năm.



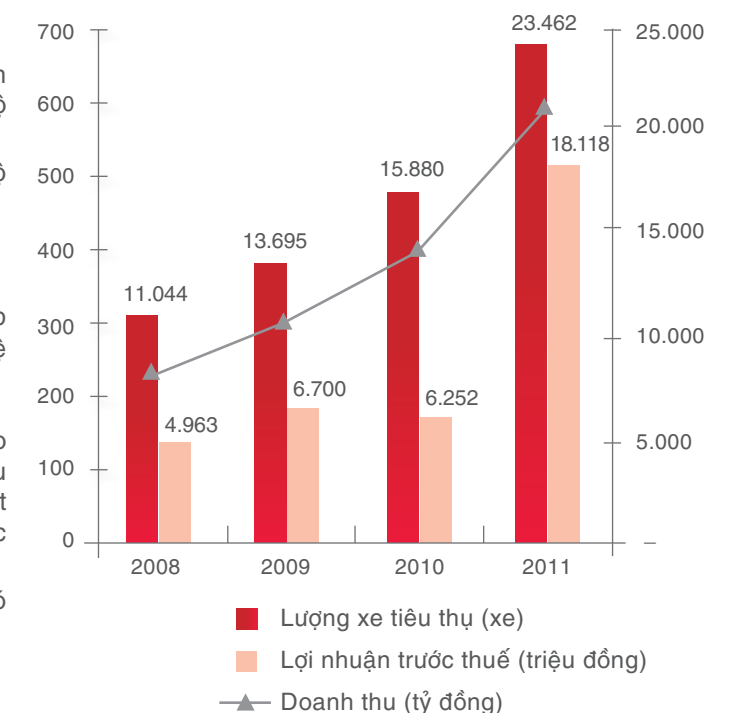
#### Mục tiêu chiến lược 2010 - 2015

- Nâng cao vị thế cạnh tranh, phát triển hệ thống đại lý với các thương hiệu lớn như: Yamaha, Suzuki, SYM,...
- Phát triển lĩnh vực dịch vụ xe gắn máy, cùng các dịch vụ gia tăng tiện ích cho khách hàng; duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ từ 30% - 35%/năm.
- Tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư, duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận từ 30% - 50%/năm.

#### ➤ Hệ thống Dịch vụ - Thương mại khác:

Liên tục trong các năm qua, Công ty đã tập trung sắp xếp, rà soát hiệu quả đầu tư tại các đơn vị trong hệ thống Dịch vụ - Thương mại khác, cụ thể:

- củng cố hoạt động của Công ty Comfort Delgro SAVICO Taxi, đầu tư đổi mới đầu xe, gia tăng hiệu quả kinh doanh, hình ảnh thương hiệu và chất lượng dịch vụ; năm 2011 hiệu quả đã bù đắp được phần lỗ lũy kế các năm trước.
- Kiên quyết giải thể đơn vị hiệu quả kém, không có tiềm năng phát triển như công ty CP Siêu Xe.



## Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản

### Khu Phức hợp SAVICO Plaza



SAVICO PLAZA 115 - 117 HỒ TÙNG MẬU, QUẬN 1

#### SAVICO PLAZA 115 - 117 HỒ TÙNG MẬU, QUẬN 1

Quy mô: Diện tích đất là 3.023 m<sup>2</sup>, 22 tầng cao và 3 tầng hầm, chức năng thương mại, khách sạn và căn hộ tổng vốn đầu tư 60 triệu USD.

SAVICO đầu tư: SAVICO 50,5% & VinaLand Investment Limited 49,5%.

Tiến độ Pháp lý:

- Sở QHKT đã chấp thuận các chỉ tiêu quy hoạch (theo văn bản số 2457/SQHKT-QHKTĐT).
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã thuận chủ trương đầu tư (theo văn bản số 6757/UBND-ĐT).
- Công ty Liên doanh SAVICO - Vinaland được thành lập để triển khai phát triển dự án (đã có Giấy chứng nhận đầu tư).
- Đã hoàn tất thủ tục để cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất.

Tiến độ thực hiện:

- Đã hoàn tất công tác giải phóng mặt bằng.
- Hoàn tất thực hiện khảo sát địa chất và thử tải.

#### SAVICO MEGA MALL HÀ NỘI

Quy mô: DT đất: 46.400 m<sup>2</sup>. Dự án được chia thành 02 khu: Khu A với chức năng Đại Siêu thị, Trung tâm Thương mại, Khu giải trí, Khu B với chức năng kinh doanh ô tô và Văn phòng cho thuê; với tổng vốn đầu tư 35 triệu USD. Tổng diện tích sàn kinh doanh hơn 63.000 m<sup>2</sup> gồm 01 tầng hầm và 03 tầng cao.

SAVICO đầu tư: SAVICO 100%

Tiến độ thực hiện:

- Đã hoàn tất toàn bộ công trình và chính thức khai trương vào ngày 16/12/2011.
- Trung Tâm Thương Mại SAVICO Mega Mall đạt công suất khai thác 85% vào ngày khai trương quy tụ các thương hiệu nổi tiếng: Big C, Giovanni, Bata, Adidas, Ninomaxx, Lotteria, KFC, Seafood One, Toyota Long Biên, Trần Anh,...



TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI SAVICO MEGA MALL

### Khu Phức hợp SAVICO Plaza



SAVICO PLAZA 104 PHỐ QUANG, QUẬN TÂN BÌNH

#### SAVICO PLAZA - 104 PHỐ QUANG, QUẬN TÂN BÌNH

Quy mô: DT đất: 9.028 m<sup>2</sup>, 2 tầng hầm và 13 tầng cao, khu phức hợp gồm chức năng: Căn hộ dịch vụ, Trung tâm Thương mại, Văn phòng cho thuê và Khách sạn.

SAVICO đầu tư: SAVICO 100%

Tiến độ thực hiện:

- Được phê duyệt chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc.
- Sở Tài Nguyên Môi Trường TP. HCM gia hạn thời gian sử dụng đất đến hết ngày 05/02/2059 theo Hợp Đồng số 473/HĐ-TNMT-ĐKKTD.

#### DỰ ÁN 66B-68 NAM KỲ KHỞI NGHĨA, QUẬN 1

Quy mô: DT đất: 582,2 m<sup>2</sup>, 2 tầng hầm, 14 tầng cao, chức năng: căn hộ dịch vụ và văn phòng cho thuê; với tổng vốn đầu tư dự kiến 10 triệu USD.

SAVICO đầu tư: SAVICO 100%

Tiến độ Pháp lý:

- Chủ trương chấp thuận UBNDTP về dự án đầu tư.
- CV 300/SQHKT - QHKT của Sở Quy Hoạch - Kiến Trúc ngày 27 tháng 01 năm 2011 về chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc.
- CV 2987/UBND - ĐTMT của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 06 năm 2011 về quy mô dân số của dự án.

Tiến độ thực hiện:

- Đang mời đối tác tham gia hợp tác đầu tư dự án.

#### DỰ ÁN NAM CẨM LỆ ĐÀ NẴNG

Quy mô: DT đất: 21.822 m<sup>2</sup>, với chức năng thương mại - dịch vụ và nhà ở.

SAVICO đầu tư: SAVICO 100%

Tiến độ Pháp lý:

- QH 1/500 đã được phê duyệt.
- Đã được cấp Giấy CN QSDĐ của từng khu và từng nền nhà liên kế.

Tiến độ thực hiện:

- Hoàn tất thiết kế hạ tầng và triển khai xây dựng.
- Đã triển khai bán nền nhà liên kế, năm 2012 sẽ tiếp tục bán các nền nhà liên kế còn lại.
- Khu đất thương mại dịch vụ đã được các đơn vị ô tô trong hệ thống thỏa thuận về nguyên tắc hợp tác kinh doanh.



DỰ ÁN 66B - 68 NAM KỲ KHỞI NGHĨA



DỰ ÁN NAM CẨM LỆ



Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản (tiếp theo)

## Cao ốc văn phòng



CAO ỐC VĂN PHÒNG 91 PASTEUR, QUẬN 1

### CAO ỐC VĂN PHÒNG 91 PASTEUR, QUẬN 1

Quy mô: DT đất: 1.604 m<sup>2</sup> với 2 hầm và 7 tầng cao, diện tích sàn xây dựng 8.030 m<sup>2</sup>.

SAVICO đầu tư:

SAVICO 51% & Công ty TNHH MTV quản lý Nhà TP. HCM 49%.

Tiến độ Pháp lý:

- Dự án hợp tác giữa Công ty cổ phần SAVICO và Công ty TNHH MTV Quản Lý & Kinh Doanh Nhà Thành Phố.

Tiến độ thực hiện:

- Tòa nhà đã được đưa vào khai thác kinh doanh ổn định từ 09/2010, công suất khai thác hiện nay là 100%.



TÒA NHÀ VĂN PHÒNG 95B - 97 - 99 TRẦN HƯNG ĐẠO, QUẬN 1

### TÒA NHÀ 95B - 97 - 99 TRẦN HƯNG ĐẠO, QUẬN 1

Quy mô: Gồm 01 trệt, 01 lửng, 04 tầng cao.

SAVICO đầu tư: SAVICO 100%.

Tiến độ thực hiện:

- Toà nhà hiện đã đưa vào sử dụng từ tháng 01/2006, công suất khai thác hiện nay là 100%.



TÒA NHÀ VĂN PHÒNG 555 TRẦN HƯNG ĐẠO, QUẬN 1

### TÒA NHÀ 555 TRẦN HƯNG ĐẠO, QUẬN 1

Quy mô: Gồm 01 trệt, 01 lửng và 05 tầng cao.

SAVICO đầu tư: SAVICO 100%.

Tiến độ Pháp lý:

- Toà nhà đã được đưa vào sử dụng từ tháng 06/2008, công suất khai thác hiện nay là 80%.

## Cao ốc văn phòng



TÒA NHÀ VĂN PHÒNG 35 ĐỒNG KHỞI

### TÒA NHÀ 35 ĐỒNG KHỞI, QUẬN 1

Quy mô: Gồm 01 hầm, 01 trệt và 06 tầng cao.

SAVICO đầu tư: SAVICO 100%.

Tiến độ thực hiện:

- Tòa nhà hoàn tất và chính thức đưa vào sử dụng trong Quý III/2009, công suất khai thác hiện nay là 100%.



CAO ỐC KHAHOMEX SAVICO TOWER, 56 BẾN VÂN ĐỒN, QUẬN 4

### CAO ỐC KHAHOMEX SAVICO TOWER, 56 BẾN VÂN ĐỒN, QUẬN 4

Quy mô: DT đất: 3.010 m<sup>2</sup>, với 02 hầm, 01 trệt, 01 lửng và 24 tầng cao, tổng diện tích sàn xây dựng 34.819 m<sup>2</sup>.

SAVICO đầu tư: SAVICO 49% & Công ty Cổ phần XNK Khánh Hội (Khahomex) 51%.

Tiến độ Pháp lý:

- Ngày 07/01/2010 Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội (SAVICO - Khahomex) đã được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh.

- Đã có chủ trương chấp thuận điều chỉnh sang căn hộ bán, điều chỉnh thiết kế cơ sở và xin giấy phép xây dựng.

Tiến độ thực hiện:

- Đã hoàn tất phần hầm 1 & 2, chuẩn bị xây phần thân.



CAO ỐC VĂN PHÒNG 277 - 279 LÝ TỰ TRỌNG, QUẬN 1

### CAO ỐC VĂN PHÒNG 277 - 279 LÝ TỰ TRỌNG, QUẬN 1

Quy mô: DT đất 476 m<sup>2</sup>, với 02 hầm, 01 trệt, 01 lửng và 09 tầng cao, tổng diện tích sàn xây dựng 4.098 m<sup>2</sup>.

Tiến độ thực hiện:

- Đã khởi công trong tháng 09/2011, dự kiến sẽ hoàn tất và khai thác kinh doanh vào Quý II/2013.

## Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản (tiếp theo)

### Khu nghỉ dưỡng và khách sạn



RESORT MERCURE SÓN TRÀ

#### MERCURE SÓN TRÀ RESORT

Quy mô: DT đất 57.650 m<sup>2</sup> chức năng gồm: 22 căn biệt thự bãi biển cao cấp, khách sạn Mercure Đà Nẵng có qui mô 120 phòng, chuẩn 4 sao cùng các tiện nghi giải trí khác như spa, thể thao bãi biển,...

SAVICO đầu tư: SAVICO 100%.

Tiến độ Pháp lý:

- Đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ.
- Quy hoạch 1/500 đã được phê duyệt.

Tiến độ thực hiện:

- Accor (Pháp) là nhà điều hành và quản lý khai thác dự án với thương hiệu khách sạn Mercure.
- Savills là đơn vị tiếp thị và bán hàng cho 22 Villas nghỉ dưỡng.
- Đã khởi công xây dựng hạ tầng công trình trong tháng 08/2010.
- Hiện đang triển khai công tác thi công san lấp mặt bằng, cơ sở hạ tầng & nhà Villas mẫu.

### Trung tâm thương mại



TTTM SAVICO - ĐÀ NẴNG

#### TTTM SAVICO - ĐÀ NẴNG

Quy mô: Gồm 01 trệt, 01 lửng 03 tầng cao với tổng diện tích sử dụng 4.739 m<sup>2</sup>.

SAVICO đầu tư: SAVICO 100%.

Tiến độ thực hiện:

- Tòa nhà đã được đưa vào khai thác kinh doanh ổn định từ 01/2007, công suất khai thác hiện nay là 82%.



TTTM SAVICO - CẦN THƠ

#### TTTM SAVICO - CẦN THƠ

Quy mô: gồm 01 trệt, 01 lửng với tổng diện tích sử dụng 2.333 m<sup>2</sup>.

SAVICO đầu tư: SAVICO 100%.

Tiến độ thực hiện:

- Trung tâm đã được đưa vào khai thác kinh doanh ổn định từ năm 2007, công suất khai thác hiện nay là 100%.

### Khu dân cư



DỰ ÁN KHU CĂN HỘ CAO TẦNG QUỐC LỘ 13, THỦ ĐỨC

#### DỰ ÁN KHU CĂN HỘ CAO TẦNG QUỐC LỘ 13, THỦ ĐỨC

Quy mô: DT đất 17.928 m<sup>2</sup> chức năng: chung cư cao tầng (17 tầng) kết hợp trung tâm thương mại.

SAVICO đầu tư: SAVICO 100%.

Tiến độ thực hiện:

- Đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Đang tìm đối tác phù hợp để hợp tác đầu tư.



DỰ ÁN KHU CĂN HỘ CAO TẦNG HIỆP BÌNH PHƯỚC - TAM BÌNH, THỦ ĐỨC

#### DỰ ÁN KHU CĂN HỘ CAO TẦNG HIỆP BÌNH PHƯỚC - TAM BÌNH, THỦ ĐỨC

Quy mô: DT đất 55.340 m<sup>2</sup>, được qui hoạch làm chung cư cao tầng (18 tầng) gồm hơn 1.666 căn hộ & nhà liên kế kết hợp trung tâm thương mại với tổng diện tích sàn xây dựng 170.000 m<sup>2</sup>.

SAVICO đầu tư: SAVICO 100%.

Tiến độ Pháp lý:

- Đã được phê duyệt Quy hoạch 1/500.
- Hoàn thành thiết kế hạ tầng.
- Đang thực hiện bản vẽ thiết kế thi công & tổng dự toán xây dựng.

Tiến độ thực hiện:

- Đã hoàn tất phần san lấp mặt bằng, hoàn tất hồ sơ chuẩn bị thi công hạ tầng nhà liên kế; tìm đối tác hợp tác từng phần hoặc toàn phần dự án.

## Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính

Trên cơ sở nhận định tình hình tài chính TTCK 2011 không thuận lợi, được sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc; hoạt động của lĩnh vực DVTC trong năm được tập trung chủ yếu vào công tác cắt giảm và cơ cấu lại danh mục, thu hồi vốn về cho công ty. Mục tiêu của hoạt động kinh doanh của lĩnh vực trong năm là đảm bảo cân đối thu đủ bù chi, không làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của Công ty.

Vốn đầu tư cho lĩnh vực dịch vụ tài chính đầu năm 2011 là 257 tỉ đồng, đến 31/12/2011 là 212 tỉ đồng, giảm 45 tỉ đồng so với đầu năm.



# *Vượt qua* **THÁCH THỨC**



Tình hình thị trường Bất động sản, Ôtô - Xe gắn máy, Tài chính trong năm 2011 có nhiều biến động trái chiều, tuy nhiên với sự nỗ lực của cả hệ thống, SAVICO đã gặt hái được những thành quả nhất định.





## HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2011

### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2011, Công ty đã tập trung triển khai nhiều giải pháp quyết liệt, chủ động ứng phó với biến động của thị trường, tăng cường công tác quản trị, hỗ trợ rà soát hoạt động các đơn vị; chủ động cắt giảm tài sản, vốn hóa một số dự án; tăng cường kiểm soát nguồn vốn, dòng tiền, nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, phấn đấu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra. Cụ thể như sau:

- Doanh thu toàn hệ thống đạt 8.101 tỷ đồng, tăng 24,5% so với cùng kỳ năm 2010.
- Lợi nhuận trước thuế toàn hệ thống đạt 150 tỷ đồng, bằng 94,3% so với cùng kỳ năm 2010.

Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận theo báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

| Chỉ tiêu                     | ĐVT | Kế hoạch năm 2011 | Thực hiện năm 2011 | TH so với KH (%) | TH so với 2010 (%) |
|------------------------------|-----|-------------------|--------------------|------------------|--------------------|
| Doanh thu Bán hàng & Dịch vụ | Trđ | 5.000.000         | 6.174.258          | 123,4            | 147,4              |
| Lợi nhuận trước thuế         | Trđ | 100.000           | 117.933            | 117,9            | 109,4              |
| Lợi nhuận sau thuế           | Trđ | 80.000            | 81.432             | 101,7            | 91,8               |
| Thu nhập Cổ đông Công ty mẹ  | Trđ | 65.000            | 44.623             | 68,6             | 62,2               |

### Về lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại

Năm 2011 được xem là năm cực kỳ khó khăn đối với các đơn vị Dịch vụ - Thương mại trong hệ thống SAVICO, khi các chính sách vĩ mô thay đổi bất ngờ, lãi suất cho vay kinh doanh và tiêu dùng tăng cao, đã tác động rất lớn đến hoạt động và hiệu quả của các đơn vị. Đặc biệt mặc dù chi phí sử dụng vốn trong năm 2011 ở mức cao tuy nhiên việc tiếp cận các nguồn vốn này vẫn rất hạn chế. Ngoài ra, việc chính sách cho vay tiêu dùng tại các ngân hàng bị siết chặt, tác động rất lớn đến khả năng thanh toán của khách hàng... nên hoạt động kinh doanh của các đơn vị rất khó khăn. Tuy nhiên, cùng với sự theo dõi và chỉ đạo sâu sát của Ban Điều hành và sự nỗ lực rất lớn của các đơn vị trong toàn hệ thống vượt qua những khó khăn, bổ sung hỗ trợ cho nhau để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh năm 2011.

| Chỉ tiêu                          | Toàn hệ thống |           | Hợp nhất về SAVICO |           |
|-----------------------------------|---------------|-----------|--------------------|-----------|
|                                   | 2010          | 2011      | 2010               | 2011      |
| Doanh thu (triệu đồng)            | 6.363.695     | 8.074.453 | 4.046.877          | 6.105.331 |
| Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng) | 88.261        | 126.353   | 48.633             | 82.498    |

### ➤ Ngành hàng ô tô:

Ngành ô tô năm nay gặp nhiều khó khăn, thách thức và biến động rất khó dự đoán; Trộn động đất, sóng thần tại Nhật Bản, lũ lụt tại Thái Lan đã làm giảm nguồn cung đến 70% trong một số tháng quý II và quý III của các đơn vị kinh doanh thương hiệu Toyota. Việc điều chỉnh tỷ giá trong quý I/2011 và liên tục điều chỉnh tăng trong năm đã làm cho giá bán xe ô tô tăng tương ứng, tác động rất lớn đến hoạt động kinh doanh của các đơn vị. Bên cạnh đó, chi phí tài chính tăng cao gấp 02 lần cùng với các chi phí đầu vào khác cũng tăng mạnh ảnh hưởng đến hiệu quả của các đơn vị.

Trước những khó khăn đó, các đơn vị kinh doanh ô tô toàn hệ thống đã chủ động trong công tác dự báo, thường xuyên có những giải pháp ứng phó kịp thời, quyết liệt thông qua các cuộc hội thảo định kỳ và đột xuất, cũng như việc triển khai công tác quản trị theo tuần đã phần nào hạn chế được những khó khăn và tận dụng tốt các cơ hội của thị trường, qua đó giành được những kết quả rất đáng tự hào.

**Lượng xe tiêu thụ - doanh thu bán hàng - hoạt động dịch vụ:**

Lượng xe các đơn vị trong toàn hệ thống SAVICO tiêu thụ được 10.998 xe, đạt 102% kế hoạch và tăng 11% so với năm 2010 trong khi toàn thị trường giảm khoảng 1% so với cùng kỳ. Trong đó, các đơn vị mới hoạt động như Toyota Pháp Vân, Toyota Long Biên, Bến Thành Ford, Ô tô Thành Phố, Hyundai Sông Hàn, Bến Thành SAVICO - Ô tô đóng góp 28% sản lượng bán ra của toàn hệ thống.

Thị phần của toàn hệ thống SAVICO chiếm 9,1% thị phần VAMA tăng 0,6 điểm % so với năm 2010, trong đó chiếm 21% thị phần của Toyota Việt Nam; 26,7% thị phần của Ford Việt Nam; 5,1% thị phần của GM Việt Nam; 16,2 % thị phần của Suzuki

Việt Nam; 14,9% thị phần của SYM ô tô Việt Nam; 7% của Hyundai Việt Nam. Tiếp tục giữ vững vị trí Nhà phân phối Ô tô số 1 tại Việt Nam và thực hiện theo đúng lộ trình chiến lược 2010 - 2015 đã xây dựng.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ toàn hệ thống đạt 7.441 tỷ đồng, đạt 96% kế hoạch và tăng 21% so với năm 2010. Hoạt động dịch vụ, phụ tùng phụ kiện tiếp tục phát triển nhanh và tăng trưởng liên tục, doanh thu đạt 464 tỷ đồng, tăng 15% so với kế hoạch và 70% so với cùng kỳ 2010; các đơn vị mới đóng góp rất lớn vào tỷ trọng doanh thu dịch vụ, chiếm 31% doanh thu chung. Điều này tiếp tục là minh chứng cho định hướng tập trung vào phát triển dịch vụ của toàn hệ thống.

**Lợi nhuận trước thuế:**

Toàn hệ thống thực hiện đạt 122 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, vượt 12% so với kế hoạch, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2010. Toyota và Ford tiếp tục là những đơn vị dẫn đầu mang lại hiệu quả cao. Đặc biệt các đơn vị mới thành lập năm 2010 đã xuất sắc vượt khó để kinh doanh có hiệu quả và đã đóng góp tới 22% trong hiệu quả chung của ngành.

**Phát triển mạng lưới:**

Công tác phát triển mạng lưới kinh doanh xe ô tô được thực hiện theo chiến lược thận trọng và chủ động kéo giãn tiến độ nhằm giảm thiểu những ảnh hưởng từ nguồn vốn và chi phí vốn cao. Do vậy đảm bảo được hiệu quả của toàn ngành cũng như duy trì được mạng lưới kinh doanh phù hợp. Trong năm chúng ta đã đưa vào hoạt động Trung tâm dịch vụ Ô tô SYM, Trung tâm dịch vụ Hyundai Auto Care, di dời địa điểm kinh doanh của Công ty Đông Đô Thành, giành được quyền phát triển thêm một số đại lý mới tại thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Bình Dương...



## HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2011 (tiếp theo)

### Về lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại

#### ➤ Ngành hàng xe gắn máy:

Thị trường xe gắn máy năm 2011 cũng đầy rủi ro, cơ hội và thách thức; 6 tháng đầu năm, thị trường tương đối thuận lợi với nguồn cung hạn chế, lợi nhuận gộp trên đầu xe đạt tỷ lệ khá cao. Tuy nhiên, thị trường đã bất ngờ đổi chiều trong 6 tháng cuối năm, đáng chú ý là sự gia tăng sản lượng của nhà sản xuất và sự thắt chặt vay tín dụng tiêu dùng đã đẩy nguồn cung tăng cao, tăng chi phí tồn kho gây áp lực buộc các đại lý phải giảm giá bán... Đặc biệt, hàng loạt các sự cố về cháy, nổ xe máy đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của một số đơn vị xe gắn máy trong hệ thống SAVICO.

Năm 2011 cũng là năm đánh dấu sự chuyển mình của các đơn vị kinh doanh xe Suzuki và Yamaha. Nhờ sự nhanh nhạy và tích cực tranh thủ được các chính sách từ nhà sản xuất, các đơn vị xe Suzuki như Sài Gòn Ngôi Sao, Chi nhánh Cần Thơ... đã mang lại hiệu quả rất tốt cho ngành xe máy. Kết quả cụ thể như sau:

#### Lượng xe tiêu thụ:

Toàn hệ thống SAVICO tiêu thụ được 23.466 xe, đạt 110% kế hoạch, tăng 48% so với năm 2010.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 598 tỷ đồng, vượt 5% kế hoạch và tăng 48% so với cùng kỳ năm 2010. Bên cạnh đó, hoạt động dịch vụ và kinh doanh phụ tùng phụ kiện của các đơn vị cũng phát triển nhanh, đạt 72 tỷ đồng, vượt 16% so với kế hoạch và tăng 71% so với năm 2010.

#### Lợi nhuận trước thuế:

Toàn hệ thống thực hiện được 18 tỷ đồng, tăng gấp 02 lần so với cùng kỳ 2010, và vượt 4% so với kế hoạch.

#### Phát triển mạng lưới:

Năm 2011, toàn hệ thống xe gắn máy tiếp tục thực hiện có hiệu quả và có chọn lựa việc phát triển hệ thống kinh doanh, trong đó ưu tiên phát triển những thương hiệu tốt như Yamaha. Cụ thể, SAVICO đã triển khai xây dựng thêm 02 đại lý 3S Yamaha tại TP. HCM và tỉnh Vĩnh Long; Tiếp tục củng cố các thương hiệu khác như: xây dựng cửa hàng điểm của SYM tại TP. HCM, di dời và xây dựng lại cửa hàng Suzuki thuộc Chi nhánh SAVICO Cần Thơ.

#### ➤ Ngành hàng Dịch vụ khác:

Comfort Delgro SAVICO Taxi đã tiến hành đầu tư đổi mới, thay thế những dòng xe cũ, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tăng sức cạnh tranh và nâng cao tỷ lệ khai thác; Chủ động đánh giá tình hình thị trường và kịp thời đưa ra các biện pháp ứng phó, kết quả đã mang lại hiệu quả cho Công ty đạt gần 14 tỷ đồng, vượt 14% so với kế hoạch và 56% so với cùng kỳ.

### Về lĩnh vực dịch vụ Bất động sản

Thị trường bất động sản năm 2011 vẫn đang trong giai đoạn cực kỳ khó khăn do chi phí vốn quá cao nhưng vẫn khó tiếp cận, sản phẩm đầu ra hầu như vẫn không bán được ở mọi phân khúc; khả năng hấp thụ của thị trường khá yếu ớt, khách hàng có tâm lý chờ đợi thị trường giảm tiếp...

Đứng trước tình hình thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn, ngay từ đầu năm Công ty đã xác định nhiệm vụ trọng tâm của lĩnh vực là tập trung cắt giảm tổng tài sản đầu tư của lĩnh vực từ 300 - 500 tỷ đồng nhằm thu hồi dòng tiền, giảm chi phí sử dụng vốn; đồng thời tập trung hoàn thiện cơ sở pháp lý, làm tiền đề cho việc phát triển khi có điều kiện thuận lợi. Lợi nhuận trước thuế đạt được 47,4 tỷ đồng, đạt 73,4% kế hoạch và 102,8% so với cùng kỳ 2010. Lợi nhuận trước thuế của lĩnh vực này không đạt được kết quả như mong muốn do tác động xấu của thị trường, bên cạnh đó việc cắt giảm tổng tài sản của lĩnh vực không thực hiện được như lộ trình đã đề ra đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động của lĩnh vực cũng như của Công ty.

#### Về phát triển các dự án:

Tính đến thời điểm hiện tại, SAVICO đã và đang đầu tư vào 21 dự án bất động sản, trong đó có 07 dự án đã đi vào hoạt động tạo nguồn thu ổn định cho Công ty; 10 dự án đang triển khai và 04 dự án tạm thời giãn tiến độ thực hiện.

Trong năm 2011, đã khởi công 01 dự án và đưa 01 dự án vào hoạt động chính thức; một số dự án khác được đẩy nhanh tiến độ thi công đồng thời hoàn tất khâu pháp lý, chuyển đổi công năng.

### Về lĩnh vực Dịch vụ Tài chính

Những biến động từ thị trường tài chính, việc tiếp cận nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng gặp khó khăn và sự suy giảm của thị trường chứng khoán tác động rất lớn đến hoạt động đầu tư tài chính của Công ty.

Trên cơ sở nhận định tình hình thị trường chứng khoán năm 2011 không được thuận lợi, trong năm Công ty đã chủ động không đầu tư mới mà tập trung cắt giảm giá trị danh mục đầu tư tài chính. Cụ thể, đã cắt giảm được 35,8 tỷ đồng, trong đó, cắt giảm danh mục đầu tư tài chính dài hạn là 25,8 tỷ đồng, danh mục đầu tư tài chính ngắn hạn là 10 tỷ đồng...

Công ty đã thành lập Hội đồng Đầu tư, Ban Đầu tư thường xuyên đánh giá tình hình, diễn biến giao dịch của thị trường chứng khoán. Trên cơ sở đó, đưa ra các quyết định, giải pháp cho hoạt động kinh doanh của lĩnh vực Dịch vụ Tài chính cũng như hoàn thiện quy chế quản lý hoạt động đầu tư cho phù hợp hơn với thực tế.

Trong năm 2011, Công ty chỉ tập trung cơ cấu và cắt giảm danh mục đầu tư, không đầu tư mới cho lĩnh vực

này. Bên cạnh đó, Công ty cũng theo dõi chặt chẽ, phân tích diễn biến giao dịch của cổ phiếu SAVICO, so sánh các chỉ tiêu tài chính của SAVICO đối với các công ty hoạt động trong ngành bán lẻ có cùng quy mô niêm yết và quy mô vốn chủ sở hữu, qua đó đưa ra các giải pháp phòng ngừa rủi ro và đảm bảo lợi ích của Cổ đông, Nhà Đầu tư.

### Về công tác quản trị tài chính

Tổ chức tốt công tác phân tích hoạt động kinh doanh và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vào 03 lĩnh vực; Tăng cường làm việc với các tổ chức tín dụng, ngân hàng để thực hiện công tác bảo lãnh, huy động vốn với số tiền hơn 444 tỷ đồng (trong đó tài trợ vốn lưu động là 229 tỷ đồng, tài trợ dự án là 215 tỷ đồng, luân chuyển vốn trong hệ thống là 82 tỷ đồng, bảo lãnh cho các đơn vị với số vốn trên 106 tỷ đồng) đảm bảo nguồn vốn hoạt động kinh doanh tại công ty và các đơn vị. Tích cực xây dựng lộ trình cắt giảm và cơ cấu nguồn vốn của Công ty với trọng tâm là danh mục Tài chính - Bất động sản.

Kiểm soát tình hình nợ vay của Công ty; Đề xuất các giải pháp tài chính cho toàn hệ thống và cơ cấu nguồn vốn của Công ty.

## 2. Công tác quản trị rủi ro

Ngay từ đầu năm, công tác quản trị rủi ro được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, Công ty đã thành lập các tổ công tác chuyên ngành nhằm hỗ trợ các đơn vị thành viên kiểm soát tình hình hoạt động kinh doanh. Thực hiện chính sách tiết kiệm chi phí tại các đơn vị/bộ phận góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh.

Tăng cường công tác kiểm soát trong nội bộ nhằm mục tiêu gia tăng hiệu quả sử dụng vốn, hạn chế rủi ro góp phần lành mạnh tình hình tài chính từng đơn vị và toàn hệ thống. Rà soát tình hình hoạt động kinh doanh của các đơn vị trong hệ thống và từng lĩnh vực, rà soát việc thực hiện chấp hành các văn bản chỉ đạo từ Ban Điều hành.

## 3. Đánh giá hoạt động kinh doanh 2011

Dưới sự chỉ đạo sát sao từ HĐQT, Ban Điều hành, cùng với sự nỗ lực của các công ty con, công ty LDLK và toàn thể cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống đã tập trung thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh do ĐHQĐ giao.

#### Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại:

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong bối cảnh nền kinh tế nhiều rủi ro nhưng các đơn vị trong hệ thống Dịch vụ - Thương mại đã có những giải pháp tích cực chủ động, hiệu quả để đạt kết quả tốt nhất và duy trì được tốc độ tăng trưởng cao so với cùng kỳ.

Đặc biệt chúng ta ghi nhận sự cố gắng, đoàn kết và tương trợ lẫn nhau của các đơn vị trong toàn hệ thống

thông qua việc thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch và không còn đơn vị nào lỗ trong năm 2011. Toàn hệ thống SAVICO vẫn tiếp tục duy trì và giữ vững vị trí là Nhà cung cấp Ôtô số 1 tại Việt Nam song song với việc gia tăng hiệu quả dịch vụ và thực hiện cắt giảm chi phí.

Tuy nhiên các đơn vị trong hệ thống vẫn chưa chú trọng giải pháp phát triển nguồn nhân lực, chuẩn bị đội ngũ để sẵn sàng cho công tác phát triển mạng lưới khi có điều kiện.

#### Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

Mặc dù tình hình thị trường bất động sản không thuận lợi trong năm 2011, nhưng với sự nỗ lực của đội ngũ CB-NV cùng với các giải pháp chỉ đạo tập trung, linh hoạt từ HĐQT, Ban điều hành Công ty đã mang lại hiệu quả tương đối cho lĩnh vực; Các Trung tâm thương mại, các mặt bằng cho thuê luôn đảm bảo tỷ lệ khai thác cao; Công tác phối hợp được thực hiện tốt nhờ đó giúp Công ty kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, chủ động cắt giảm tổng tài sản, vốn hóa các dự án, có các phương án và giải pháp hoàn thành thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch.

Bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại như: (i) Chưa tự cân đối được nguồn vốn để phát triển dự án; Các giải pháp chưa triệt để, chưa lường trước được các yếu tố khó khăn, tính phức tạp khi thị trường có diễn biến xoay chuyển; (ii) Chưa quyết liệt trong đề xuất tham mưu với Ban Điều hành nhằm vốn hóa dự án; (iii) Tốc độ xử lý pháp lý dự án vẫn chưa đạt được kỳ vọng của Ban Điều hành...

#### Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính:

Trước những khó khăn của thị trường, Công ty đã chủ động cắt giảm và tái cơ cấu danh mục đầu tư; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của tình hình thị trường, phối hợp với lĩnh vực Bất động sản xây dựng kế hoạch dòng tiền và chủ động tìm kiếm các nguồn vốn tín dụng cho Công ty. Tuy vậy công ty cũng chưa đạt được mục tiêu cắt giảm từ 300 đến 500 tỷ đồng tài sản theo mục tiêu đã đề ra và chi phí lãi vay tăng cao trong năm nay cũng là yếu tố chính làm ảnh hưởng đến hiệu quả và thu nhập cổ đông Công ty mẹ.

#### Công tác quản trị tham mưu

Công tác quản trị tham mưu ngày càng hoàn thiện và nâng dần về chất góp phần quản trị Công ty tốt hơn; thông qua việc tăng cường công tác phối hợp giữa các đơn vị/bộ phận công tác giám sát, quản trị rủi ro, quản trị chi phí... được chuyên môn hóa và đi vào chiều sâu, nâng cao hiệu quả quản trị trong toàn hệ thống. Để có được những kết quả trên là nhờ (i) Tăng cường bám sát thị trường để hoàn thiện công tác đánh giá, dự báo trên cơ sở đó có giải pháp điều hành linh hoạt vào từng thời điểm; (ii) Chú trọng công tác quản trị rủi ro, thường xuyên cảnh báo đến từng đơn vị thành viên đã nâng công tác quản trị trong toàn hệ thống lên một tầm mới; (iii) Tính đồng thuận, vượt khó của tập thể đội ngũ CB-NV toàn hệ thống phát huy kết quả của sự chăm sóc, đào tạo nguồn nhân lực trong hệ thống

## HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2011 (tiếp theo)

### 4. Cổ tức

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011, mức cổ tức năm 2011 dự kiến là 15%/vốn điều lệ. Ban Điều hành dự kiến đề xuất với Hội đồng Quản trị, ĐHĐCĐ phê duyệt mức chia cổ tức năm 2011 là 15%/vốn điều lệ.

## MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 2012

### 1. Mục tiêu - Nhiệm vụ cụ thể

Toàn hệ thống SAVICO tiếp tục thực hiện chiến lược kinh doanh 2010 - 2015 và tầm nhìn 2020. Cụ thể như sau:

- Đánh giá lại lộ trình chiến lược 2010 - 2015, tầm nhìn 2020 tại từng đơn vị và toàn hệ thống trên cơ sở đó tổ chức kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh, bảo toàn vốn và nâng cao hiệu quả đầu tư vốn theo từng lĩnh vực, đảm bảo hiệu quả Công ty luôn ổn định và bền vững;
- Tập trung đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chăm lo đội ngũ CB - NV đi đôi với việc tái cấu trúc bộ

máy tổ chức, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty trong những năm tiếp theo;

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, quản trị nội bộ, đẩy mạnh công tác Quan hệ Cổ đông để gia tăng hiệu quả kinh doanh, giảm thiểu rủi ro cho Công ty đảm bảo lợi ích Cổ đông, Nhà Đầu tư;
- Tiếp tục gia tăng đầu tư cho lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại trên cơ sở cắt giảm tổng tài sản, nguồn vốn từ lĩnh vực Bất động sản và Tài chính;
- Kiên quyết thoái vốn từ các danh mục đầu tư ngoài ngành để tập trung đầu tư trong hệ thống phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty và từng đơn vị...

### 2. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 (HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ phê duyệt)

| Chỉ tiêu                     | ĐVT | Thực hiện năm 2011 | Kế hoạch năm 2012 | KH 2012 so với KH 2011(%) |
|------------------------------|-----|--------------------|-------------------|---------------------------|
| Doanh thu bán hàng & dịch vụ | Trđ | 6.174.208          | 7.000.000         | 113,37                    |
| Lợi nhuận trước thuế         | Trđ | 117.933            | 120.000           | 101,75                    |
| Lợi nhuận sau thuế           | Trđ | 81.432             | 80.000            | 98,24                     |
| Thu nhập Cổ đông Công ty mẹ  | Trđ | 44.623             | 45.000            | 100,84                    |
| Cổ tức                       | %   | 15                 | 15                |                           |

(\*) Đây là kế hoạch kinh doanh năm 2012 dự kiến trình ĐHĐCĐ phê duyệt và ủy quyền cho HĐQT được điều chỉnh sau 06 tháng đầu năm 2012 cho phù hợp với tình hình thị trường.

### 3. Giải pháp thực hiện

#### Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại

Năm 2012 được dự báo là có rất nhiều khó khăn cho lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại của SAVICO, trong đó phải kể đến là việc áp dụng lệ phí trước bạ 20% ở Hà Nội, 15% ở TP. HCM và có thể ở một số tỉnh thành khác, ảnh hưởng đến kế hoạch bán hàng trong 06 tháng đầu năm 2012.

Sự gia tăng sản lượng của các nhà cung cấp xe máy sẽ không còn tình trạng bán hàng trên giá đề xuất, đồng thời gây ra áp lực cạnh tranh lớn, tồn kho có nguy cơ tăng cao.

Tín hiệu về giảm lãi suất và khả năng phục hồi của nền kinh tế còn chưa chắc chắn cũng sẽ tác động đến nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm ô tô, xe gắn máy.

Cơ hội của thị trường 2012 có thể sẽ rõ ràng hơn dự báo khi kết thúc quý II/2012. Trước tình hình này toàn lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại cần tập trung các công tác như sau:

- Theo dõi sát tình hình diễn biến thị trường ô tô - xe gắn máy và các chính sách vĩ mô của Nhà nước tác động đến hoạt động của lĩnh vực, chủ động đưa ra các phương án **phòng ngừa rủi ro** và tận dụng cơ hội khi thuận lợi.
- Kiểm soát một cách chặt chẽ và linh hoạt **“Hàng tồn kho bao gồm xe và phụ tùng”** ở mức độ phù hợp.
- Tiếp tục duy trì sản lượng bán hàng phù hợp đảm bảo **“giữ vững thị phần”** của các đơn vị trong từng nhà sản xuất cũng như gia tăng thị phần khi có cơ hội. Các đơn vị xe gắn máy duy trì tốc độ tăng trưởng tương đương bình quân của 3 năm liền kề.
- Tiếp tục đẩy mạnh **phát triển mảng dịch vụ ô tô - xe gắn máy**, phụ tùng phụ kiện, xe cũ cũng như các dịch vụ khác... nhằm hạn chế sự ảnh hưởng từ các chính sách vĩ mô, giảm bớt sự lệ thuộc vào sản lượng bán hàng, giảm thiểu các rủi ro và đảm bảo phát triển bền vững.
- Tiếp tục phát triển mở rộng mạng lưới kinh doanh trên quan điểm **“thận trọng và phù hợp”** với điều kiện kinh tế vĩ mô, khả năng của đơn vị.

- Tập trung công tác xây dựng **“chiến lược kinh doanh giai đoạn 2010-2012 và tầm nhìn 2020”** của từng đơn vị, trong đó chú trọng công tác tái cấu trúc bộ máy hoạt động của đơn vị và xây dựng, đào tạo đội ngũ nhân sự cho hoạt động kinh doanh trước mắt và kế hoạch phát triển lâu dài.
- Đánh giá và xem xét chiến lược phát triển các ngành thương mại khác phù hợp với định hướng chiến lược của công ty và hiệu quả sử dụng vốn...

#### Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản

- Duy trì và khai thác tối đa các mặt bằng, trung tâm thương mại hiện có. Tìm kiếm đối tác hợp tác cùng khai thác kinh doanh để thu hút nguồn vốn.
- Tập trung triển khai các dự án trọng điểm thực hiện đúng tiến độ, nhằm thu hồi vốn đầu tư giảm thiểu chi phí.

#### Các dự án trọng điểm năm 2012:

- Dự án 56 Bến Vân Đồn: Đẩy nhanh tiến độ thi công dự án, song song đó triển khai các công tác tiếp thị để tiến hành chào bán trong năm 2012.
- Dự án Mercure Sơn Trà: Tiếp tục triển khai thi công phần hạ tầng, tiếp tục tìm kiếm các đối tác và khách hàng để bán các căn biệt thự còn lại.
- Tiếp tục triển khai kinh doanh các nền nhà liên kế của dự án Nam Cẩm Lệ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện hợp tác đầu tư tại dự án Quốc lộ 13, 104 Phố Quang, Hiệp Bình Phước - Tam Bình và tìm kiếm đối tác phát triển dự án 66 - 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa... Cơ cấu lại danh mục Bất động sản, tiếp tục tìm kiếm đối tác hợp tác để thu hút nguồn vốn, phát triển nhanh dự án...

#### Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính

- Rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả vốn đầu tư từng đơn vị, từng lĩnh vực kinh doanh... Tiếp tục cơ cấu lại danh mục đầu tư, kiên quyết thanh khoản những danh mục đầu tư không hiệu quả nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả Công ty.
- Phối hợp chặt chẽ với lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản, chủ động xây dựng kế hoạch dòng tiền, xây dựng lộ trình cắt giảm tổng tài sản, vốn hóa các dự án, giảm các chi phí lãi vay cho Công ty; Phối hợp với lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại, đề xuất các chỉ tiêu và lịch trình thu cổ tức của các đơn vị trong năm 2012.
- Xác lập kế hoạch về tài chính cho công ty năm 2012, giai đoạn 2012 - 2015.

#### Công tác quản trị

- Xây dựng và thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch năm 2012 của các đơn vị/bộ phận; Kiểm soát cơ cấu nguồn vốn đầu tư, đánh giá hiệu quả vốn đầu tư vào 3 lĩnh vực, tiếp tục kiểm tra, rà soát chặt chẽ các khoản chi phí sử dụng tại Văn phòng Công ty;
- Tăng cường công tác Quan hệ cổ đông, đảm bảo công tác kế toán, tài chính Công ty minh bạch và đúng tiến độ;
- Thông qua việc xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ trong toàn hệ thống và việc tổ chức sinh hoạt theo ngành dọc trong công tác tài chính kế toán sẽ nâng cao công tác quản trị rủi ro từ công ty mẹ cho đến các đơn vị thành viên;
- Triển khai kế hoạch đào tạo, thu hút và bồi dưỡng nguồn nhân lực kết hợp hoàn thiện cơ cấu bộ máy hoạt động của Công ty theo chiến lược 2010 - 2015, tầm nhìn 2020.





## Kết quả hoạt động

### Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2011

- Hội đồng Quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2011 giao một cách cẩn trọng, tổ chức theo dõi tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị theo định kỳ hàng tháng, quý. Qua đó, giúp cho Hội đồng Quản trị có những phân tích, đánh giá, dự báo để chỉ đạo kịp thời cho Ban Điều hành tận dụng các cơ hội, khai thác những nguồn lực của Công ty một cách tốt nhất.
- (i)** Đối với lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại: mặc dù gặp không ít khó khăn khi các chính sách vĩ mô thay đổi bất ngờ. Tuy nhiên, với bản lĩnh của đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt cùng với truyền thống đoàn kết, hợp lực cùng phát triển, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên chỉ đạo Ban Điều hành và các đơn vị kinh doanh ô tô chủ động dự báo, bổ sung hỗ trợ cho nhau, thường xuyên có những giải pháp ứng phó kịp thời, chú trọng quản trị rủi ro đã góp phần hạn chế được những khó khăn và tận dụng tốt các cơ hội của thị trường gia tăng hiệu quả đầu tư, lĩnh vực ô tô, xe gắn máy đều đã đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch ngoài dự kiến, toàn hệ thống SAVICO vẫn tiếp tục duy trì và giữ vững vị trí mục tiêu là Nhà cung cấp Ô tô số 1 Việt Nam, lợi nhuận trước thuế các công ty thành viên đều hoàn thành vượt
- Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011, như sau:  
(Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 đã được kiểm toán)

| Chỉ tiêu                      | Kế hoạch năm 2011<br>(triệu đồng) | Thực hiện năm 2011<br>(triệu đồng) | So với<br>kế hoạch | So với<br>cùng kỳ |
|-------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Doanh thu bán hàng và dịch vụ | 5.000.000                         | 6.174.258                          | 123,4%             | 147,4%            |
| Lợi nhuận trước thuế          | 100.000                           | 117.933                            | 117,9%             | 109,4%            |
| Lợi nhuận sau thuế            | 80.000                            | 81.432                             | 101,7%             | 91,8%             |
| Thu nhập Cổ đông Công ty mẹ   | 65. 000                           | 44.623                             | 68,6%              | 62,2%             |

### Hoạt động của HĐQT

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức 11 phiên họp, và trung cầu trên 50 lần theo hình thức gửi Phiếu xin ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản, qua đó đã ban hành trên 80 quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty, cụ thể:
  - » 04 quyết định về việc thành lập Công ty và Chi nhánh;
  - » 22 quyết định liên quan đến lĩnh vực dịch vụ BĐS;
  - » 19 quyết định liên quan đến lĩnh vực dịch vụ Tài chính;
  - » 18 quyết định về nhân sự;
  - » 18 quyết định về một số vấn đề hoạt động của Công ty;
- Phối hợp với Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động và kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị giao;

mức kế hoạch năm 2011, giành nhiều giải thưởng lớn của các nhà cung cấp. Song song đó, Hội đồng Quản trị tập trung chỉ đạo kiểm tra, hỗ trợ, sắp xếp lại hoạt động kinh doanh một số đơn vị hoạt động không hiệu quả, đến nay không còn đơn vị nào có hiệu quả thấp hoặc thua lỗ; **(ii)** Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản trong bối cảnh thị trường vẫn đang trong giai đoạn cực kỳ khó khăn do chi phí vốn quá cao nhưng khó tiếp cận, sản phẩm đầu ra hầu như vẫn không bán được ở mọi phân khúc, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo quyết liệt tìm giải pháp để Dự án SAVICO Mega Mall đi vào hoạt động, các Trung tâm thương mại luôn đảm bảo tỷ lệ khai thác cao; **(iii)** Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính đã chủ động cắt giảm và tái cơ cấu danh mục đầu tư, theo dõi chặt chẽ diễn biến của tình hình thị trường, phối hợp với lĩnh vực Bất động sản xây dựng kế hoạch dòng tiền và chủ động tìm kiếm các nguồn vốn tín dụng cho Công ty, đồng thời đã thành lập Hội đồng Đầu tư, Ban Đầu tư thường xuyên đánh giá tình hình, diễn biến giao dịch của thị trường chứng khoán, đưa ra các quyết định, giải pháp cho hoạt động kinh doanh của lĩnh vực Dịch vụ Tài chính.

Hội đồng Quản trị đánh giá các chỉ tiêu hầu hết đều đạt và vượt so với Nghị quyết đề ra, nhưng kết quả trên vẫn chưa phản ánh đúng với nguồn lực Công ty. Song, trong bối cảnh kinh tế khó khăn, Công ty đạt được kết quả trên là do sự nỗ lực lớn của toàn thể người lao động trong hệ thống Công ty Cổ phần SAVICO.

- Hàng quý, Hội đồng Quản trị tiến hành xem xét việc thực hiện các quy chế quản trị và các quy định do Hội đồng Quản trị ban hành; Kiểm tra tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước và các cơ quan chức năng;
- Hội đồng Quản trị đã tổ chức nhiều phiên họp để chỉ đạo Ban Điều hành và cán bộ quản lý, người đại diện vốn tại các công ty trong hệ thống Công ty Cổ phần SAVICO tìm ra các giải pháp tích cực, đặc biệt tập trung chỉ đạo các công ty thành viên tận dụng các cơ hội phát triển như:
  - » Phát triển mạng lưới kinh doanh xe ô tô được thực hiện theo chiến lược thận trọng và không bị ảnh hưởng đến nguồn vốn của Công ty, chi phí đầu tư phát triển hợp lý đảm bảo được hiệu quả đối với các đơn vị mới đi vào hoạt động, thị phần Ô tô của toàn hệ thống SAVICO chiếm 9,1% thị phần VAMA.
  - » Ngành hàng xe gắn máy Suzuki và Yamaha đạt hiệu quả cao nhờ tranh thủ được các chính sách từ nhà sản xuất và chiến lược phát triển nguồn nhân lực.
  - » Công ty TNHH Comfort Delgro SAVICO Taxi tiến hành đầu tư đổi mới, thay thế những dòng xe cũ, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tăng sức cạnh tranh và nâng cao tỷ lệ khai thác.
  - » Khai trương trung tâm thương mại SAVICO Mega Mall lớn hàng đầu tại Việt Nam vào ngày 16/12/2011 có diện tích sàn cho thuê hơn 63.000 m<sup>2</sup>, đạt công suất khai thác xấp xỉ 85% ngay thời điểm khai trương với những khách hàng lớn như Big C, Điện máy Trần Anh, Seafood One, MegaFun và các thương hiệu nổi tiếng khác đã góp phần khẳng định vị thế SAVICO trong việc định hướng đầu tư vào các trung tâm Dịch vụ - Thương mại.
  - » Triển khai việc thi công hạ tầng, thi công biệt thự mẫu, phối hợp với công ty tư vấn để tiếp thị dự án Mercure Sơn Trà; Vốn hóa dự án Quốc lộ 13, Hiệp Bình Phước - Tam Bình, đã ký hợp đồng và thu được tiền cọc; hoàn tất pháp lý nhận quyền sử dụng đất 39 nền của dự án Nam Cẩm Lệ, Đà Nẵng,...
- Các Tiểu ban Hội đồng Quản trị triển khai các kế hoạch hành động theo các nghị quyết đã được Hội đồng Quản trị ban hành, tham mưu, giám sát, tư vấn và hỗ trợ các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện chiến lược phát triển các dự án đầu tư, hạn chế các rủi ro và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên, hoạt động của các tiểu ban vẫn chưa chủ động và đồng bộ.

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là công tác quy hoạch nhân sự cao cấp, cấp trung dự bị cho các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Kế toán trưởng của các công ty giai đoạn 2011 - 2015. Đồng thời đã thành lập “Quỹ chăm sóc tài năng trẻ hệ thống SAVICO” nhằm phát hiện những nhân tố có trình độ chuyên môn và có năng lực để đào tạo phát triển thành những quản trị viên cao cấp, đáp ứng yêu cầu chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty giai đoạn 2011 - 2015. Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành thành lập “Quỹ tương trợ CBNV” nhằm tạo điều kiện cho CB - NV toàn hệ thống an tâm, cống hiến cho sự nghiệp phát triển của Công ty.

### Giám sát quản lý điều hành

Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc, bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc và người đại diện phần vốn tại các công ty có vốn góp của SAVICO, phối hợp với Ban Kiểm soát của Công ty thực hiện kiểm tra các mặt hoạt động như:

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
- Các nội dung thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và báo cáo kết quả đã thực hiện các quyết định Hội đồng Quản trị đã ban hành.
- Hàng quý Hội đồng Quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời cho Ban Điều hành đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.
- Ban hành quy chế quản lý đầu tư lĩnh vực Tài chính nhằm tăng cường hiệu quả, tham mưu, đề xuất các giải pháp cho Tổng Giám đốc cơ cấu danh mục đầu tư tài chính và hạn chế rủi ro của các dự án đầu tư lĩnh vực dịch vụ tài chính.
- Công tác quản trị tham mưu ngày càng hoàn thiện và nâng dần về chất góp phần quản trị Công ty tốt hơn. Thông qua việc tăng cường công tác phối hợp giữa các Công ty thành viên với các bộ phận chức năng công tác giám sát, quản trị rủi ro, quản trị chi phí được chuyên môn hóa và đi vào chiều sâu, nâng cao hiệu quả quản trị trong toàn hệ thống.
- Kiểm tra tình hình chấp hành việc tuân thủ các qui định của Nhà nước và các cơ quan chức năng, các qui định hoạt động của Công ty.

### Mục tiêu và những giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm 2012

- Đánh giá lại việc thực hiện chiến lược 2010 - 2015, tầm nhìn 2020 tại từng doanh nghiệp thành viên và toàn hệ thống trên cơ sở đó tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh với mục tiêu bảo toàn vốn và nâng cao hiệu quả đầu tư vốn theo từng lĩnh vực, đảm bảo hiệu quả toàn hệ thống phát triển ổn định và bền vững;
- Tập trung đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chăm lo đội ngũ CB - NV đi đôi với việc tái cấu trúc bộ máy tổ chức, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty trong những năm tiếp theo;
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, quản trị nội bộ, tiếp tục hoàn thiện quản trị theo chiều sâu để gia tăng hiệu quả kinh doanh các mặt và giảm thiểu các rủi ro cho Công ty;
- Đẩy mạnh công tác Quan hệ Cổ đông, tổ chức thành công các chương trình trọng điểm trong năm: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012, Ngày hội gia đình trong toàn hệ thống, Lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Công ty.
- Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại: Tiếp tục duy trì sản lượng bán hàng đảm bảo giữ vững thị phần, tập trung mọi giải pháp gia tăng doanh thu và hiệu quả dịch vụ thông qua đẩy mạnh phát triển mảng dịch vụ xe ô tô - xe gắn máy, phụ tùng phụ kiện, xe cũ cũng như các dịch vụ khác,... phát triển mở rộng mạng lưới kinh doanh trên quan điểm thận trọng và phù hợp với điều kiện kinh tế vĩ mô, khả năng của từng doanh nghiệp thành viên, phát triển dịch vụ là nền tảng đảm bảo hiệu quả cho lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại; Theo dõi tình hình diễn biến thị trường xe ô tô - xe gắn máy và các chính sách vĩ mô của Nhà nước tác động đến hoạt động của lĩnh vực, chủ động đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp và tận dụng cơ hội khi thuận lợi; Kiểm soát một cách chặt chẽ và linh hoạt hàng hóa, công nợ, nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư sử dụng vốn; Tập trung công tác phát triển hệ thống trên cơ sở tập trung, đào tạo đội ngũ nhân sự cho hoạt động kinh doanh trước mắt và kế hoạch phát triển lâu dài, nhằm tiếp tục gia tăng thị phần.

- Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản: tiếp tục thực hiện việc cắt giảm tổng tài sản để cơ cấu lại nguồn vốn phù hợp với nguồn lực của Công ty. Nghiên cứu phát triển mô hình SAVICO Mega Mall tại các thành phố lớn, khai thác tối đa hiệu quả các mặt bằng, trung tâm thương mại hiện có, tìm kiếm đối tác hợp tác cùng khai thác kinh doanh để thu hút nguồn vốn, tập trung triển khai các dự án trọng điểm thực hiện đúng tiến độ, nhằm thu hồi vốn đầu tư giảm thiểu chi phí.
- Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính: rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả vốn đầu tư từng đơn vị, từng lĩnh vực kinh doanh,... Tiếp tục cơ cấu lại danh mục đầu tư, kiên quyết thanh khoản những danh mục đầu tư không hiệu quả nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả Công ty, xây dựng kế hoạch dòng tiền, xây dựng lộ trình cắt giảm tổng tài sản, vốn hóa các dự án. Lập kế hoạch tài chính năm 2012 và giai đoạn 2012 - 2015,...

Từ những mục tiêu định hướng trên, Hội đồng Quản trị đề ra các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 trình thông qua Đại hội đồng Cổ đông năm 2012, như sau:

|                              |               |
|------------------------------|---------------|
| Tổng doanh thu hợp nhất:     | 7.000 tỷ đồng |
| Lợi nhuận trước thuế:        | 120 tỷ đồng   |
| Lợi nhuận sau thuế:          | 80 tỷ đồng    |
| Thu nhập cổ đông công ty mẹ: | 45 tỷ đồng    |
| Cổ tức dự kiến:              | 15%           |

Thay mặt Hội đồng Quản trị, xin chân thành cảm ơn sự chia sẻ và đồng thuận của Quý Cổ đông, Nhà Đầu

tư, Khách hàng đã tích cực hỗ trợ và hợp tác đóng góp cho sự phát triển của Công ty trong thời gian vừa qua. Đặc biệt, xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến các cơ quan ban ngành Trung Ương, Lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ, các thành viên Hội đồng Quản trị, toàn thể Quý Cổ đông, Tổng Công ty Bến Thành, các đối tác, các đơn vị tư vấn, ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, nhất là sự đồng lòng quyết tâm từ phía Ban Điều hành, cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống đã giúp cho Hội đồng Quản trị thực hiện tốt nhiệm vụ của mình và sẽ thực hiện vượt mức kế hoạch do Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2012 giao với tốc độ tăng trưởng ổn định, xứng đáng với sự tin cậy của Quý Cổ đông, Khách hàng, Nhà Đầu tư.

Xin chân thành cảm ơn.



123,4%

Kế hoạch doanh thu bán hàng  
và dịch vụ năm 2011



Sau một năm hoạt động, nay Ban Kiểm soát kính báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) với những nội dung chính yếu như sau:

## PHẦN A - HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2011

### I. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Trong năm, Ban Kiểm soát đã tổ chức 4 lần họp chính thức và thường xuyên gặp nhau để bàn bạc, trao đổi về nội dung kế hoạch và các giải pháp thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ (quý, năm).

### II. Mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty

#### 1. Quan hệ với Hội đồng Quản trị (HĐQT)

Các cuộc họp của HĐQT:

- Trong năm, HĐQT đã tổ chức 11 lần họp chính thức và nhiều lần trung cầu ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản.
- Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT, xem xét các văn bản do HĐQT ban hành.
- Trưởng Ban Kiểm soát là thành viên trong việc xem xét tính hợp lệ của các phiếu trưng cầu ý kiến và các biên bản tổng hợp kết quả phiếu trưng cầu ý kiến của các Thành viên HĐQT.

HĐQT đã ban hành nhiều văn bản với những nội dung chủ yếu như sau:

- Xây dựng, hoàn thiện các chính sách quản lý và cơ chế vận hành trong hoạt động kinh doanh, đầu tư, chính sách nhân sự, quản lý phần vốn của SAVICO đầu tư vào các DN khác và các lĩnh vực hoạt động khác của Công ty.
- Đề xuất nhiều giải pháp và chỉ đạo Ban Điều hành trong việc :
  - Thực hiện những nội dung, nhiệm vụ kế hoạch do ĐHĐCĐ 2011 giao;
  - Cắt giảm một số danh mục tài sản bất động sản (như: Dự án trên Quốc lộ 13 Quận Thủ Đức, dự án BĐS Nam Cẩm Lệ, Dự án BĐS Mercure Sơn Trà tại Đà Nẵng) và các dự án khác, để tăng doanh thu và giảm thiểu chi phí lãi vay;
  - Hoàn thiện những danh mục đầu tư trọng yếu để đưa vào khai thác kinh doanh (đặc biệt là TTTM SAVICO Mega Mall tại SAVICO Hà Nội), thanh khoản danh mục đầu tư tài chính tại công ty SPT, cấu trúc lại danh mục tài sản và nguồn vốn và các giải pháp khác nhằm ổn định tài chính Công ty.

Ý kiến nhận xét của Ban Kiểm soát:

- Hoạt động lãnh đạo, giám sát của HĐQT trên tất cả các lĩnh vực hoạt động kinh doanh, đầu tư, thoái vốn, phát triển mạng lưới, thị phần, nguồn nhân lực. Phạm vi chỉ đạo trực tiếp tại Công ty mẹ và gián tiếp (thông qua người đại diện vốn của SAVICO) đối với các công ty thành viên thuộc hệ thống SAVICO.
- Hoạt động của HĐQT là tích cực và thường xuyên (bao gồm cả tổ chức các cuộc họp chính thức và hình thức gửi phiếu lấy ý kiến các thành viên) kịp thời, sát với tình hình thực tế và tạo sự đồng thuận cao, là nhân tố đảm bảo cho sự phát triển ổn định và bền vững trong toàn hệ thống SAVICO.
- Trình tự, thủ tục ban hành các văn bản quản lý của HĐQT Công ty là phù hợp với Quy định, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2011 và các quy định của pháp luật hiện hành.

#### 2. Quan hệ với Ban Điều hành

a. Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra các BCTC định kỳ (quý, năm) của Công ty mẹ. Chủ trì và mời các bộ phận chức năng thuộc Ban Điều hành (Bộ phận Kiểm soát nội bộ, Kế toán, bộ phận quản lý chuyên trách của Công ty) thực hiện khảo sát tình hình kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng, 09 tháng đầu năm 2011 và tình hình tài chính tại một số công ty con (như: Công ty TNHH Đông Đô Thành, Công ty TNHH Sài Gòn Ôtô, Công ty Cổ phần Ôtô Thành phố, Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao).

b. Kiểm tra tính tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và pháp luật hiện hành trong hoạt động đầu tư, kinh doanh. Xem xét và hỗ trợ hoạt động kiểm tra thuộc hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.

c. Ban Điều hành cung cấp đầy đủ các tài liệu và tạo các điều kiện tốt nhất cho hoạt động kiểm tra định kỳ của Ban Kiểm soát.

d. Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp sơ kết, tổng kết về kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ của Công ty, tham dự các cuộc hội thảo về các giải pháp thực hiện kế hoạch hàng năm của toàn hệ thống SAVICO do Ban Điều hành tổ chức.

e. Ý kiến nhận xét chung của Ban Kiểm soát về hoạt động của Ban Điều hành trong năm 2011:

- Luôn tuân thủ sự chỉ đạo của HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định của pháp luật hiện hành trong hoạt động kinh doanh, đầu tư và quản trị Công ty.
- Tổ chức thực hiện kiểm tra thường xuyên (do Bộ phận Kiểm soát nội bộ của Công ty đảm trách) hoạt động kinh doanh, đầu tư trên phạm vi Công ty mẹ, các công ty con và các công ty liên kết trọng yếu.
- Phân phối lợi nhuận năm 2010 của Công ty mẹ: Đã thực hiện phân phối theo đúng quy định của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011.
- Thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch do ĐHĐCĐ 2011 giao (trong đó: Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 117,93%, lợi nhuận sau thuế đạt 101,79%).

- Hầu hết các công ty con của SAVICO (hoạt động trên các lĩnh vực Thương mại, BĐS) đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận, phát triển thị phần và ổn định về tài chính.
- Thực hiện cắt giảm tài sản và tái cấu trúc các danh mục đầu tư:
  - Hoàn tất việc thanh khoản 2,751 triệu cổ phiếu SPT với tổng thu 39,2 tỷ đồng, thu hồi vốn và mang lại hiệu quả.
  - Hoàn tất thủ tục cắt giảm một số danh mục tài sản theo chỉ đạo của HĐQT, trong đó: Tài sản thuộc dự án quốc lộ 13 và dự án 115 - 117 Hồ Tùng Mậu với tổng trị giá khoảng 360 tỷ đồng. Tuy nhiên, do phía đối tác chưa thanh toán tiền theo đúng thời hạn của hợp đồng, nên Công ty vẫn chưa thực hiện được việc cắt giảm vốn đầu tư, giảm chi phí lãi vay của hai dự án này.

## PHẦN B - MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012 CỦA BAN KIỂM SOÁT

### I. Một số kiến nghị:

1. Trong năm 2012, Công ty cần tiếp tục thực hiện việc cắt giảm một số danh mục tài sản theo kế hoạch. Giải quyết dứt điểm các hợp đồng chuyển nhượng tài sản trong năm 2011, để thu vốn đầu tư và giảm chi phí lãi vay.

2. Hoàn thiện những hạng mục hạ tầng kỹ thuật cần thiết tại các dự án BĐS trọng điểm, để tạo điều kiện chuyển nhượng từng phần sản phẩm hoặc mời gọi hợp tác đầu tư.

### II. Kế hoạch hoạt động năm 2012 của Ban Kiểm soát:

1. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2012.

2. Chủ động có phối hợp với phòng Kiểm toán nội bộ, Kế toán và bộ phận quản lý chuyên trách của Công ty, để kiểm tra, xem xét tình hình thực hiện kết quả kinh doanh 06 tháng (hoặc 09 tháng) năm 2012 tại một số công ty thành viên (trong đó: chú trọng các công ty liên kết trọng yếu và các công ty con tại SAVICO Cần Thơ, SAVICO Đà Nẵng và SAVICO Hà Nội).

3. Các hoạt động kiểm tra khác khi thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của ĐHĐCĐ.

Kính thưa Đại hội đồng Cổ đông, trên đây là những nội dung chủ yếu nhất về kết quả hoạt động kiểm tra năm 2011 của Ban Kiểm soát. Kính báo cáo Đại hội và xin trân trọng tiếp thu ý kiến đóng góp của Đại hội.

Xin trân trọng cảm ơn Đại Hội và kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

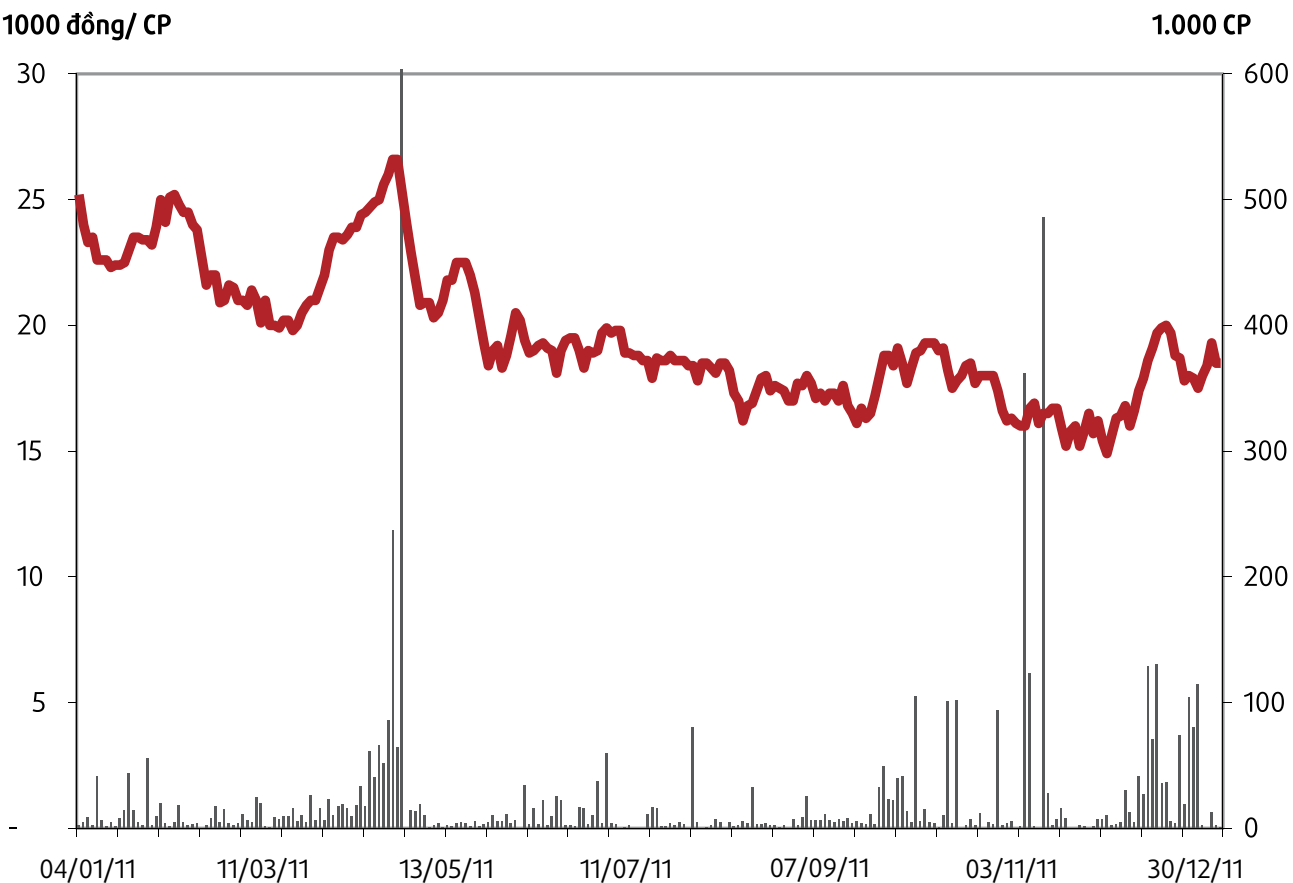


Việc ghi nhận doanh thu và chi phí để xác định KQKD trong kỳ là hợp lý, hợp lệ.

Thông tin về cổ phiếu SAVICO trong năm 2011

| Thông kê cổ phiếu trong năm 2011                    | ĐVT      | Số liệu    |
|-----------------------------------------------------|----------|------------|
| Giá ngày 30/12/2011                                 | đồng/CP  | 17.500     |
| Giá ngày 31/12/2010                                 | đồng/CP  | 25.000     |
| Giá cao nhất trong năm                              | đồng/CP  | 27.300     |
| Giá thấp nhất trong năm                             | đồng/CP  | 14.500     |
| Tổng khối lượng giao dịch                           | CP       | 5.448.806  |
| Khối lượng giao dịch bình quân/phiên                | CP/phiên | 22.060     |
| Khối lượng CP niêm yết                              | CP       | 24.995.573 |
| Khối lượng CP lưu hành                              | CP       | 24.975.507 |
| Tổng giá trị vốn hoá thị trường (ngày 30/12/2011)   | tỷ đồng  | 437,1      |
| Tổng giá trị sổ sách của Công ty (ngày 31/12/2011)  | tỷ đồng  | 741,0      |
| Giá trị sổ sách ngày 31/12/2011                     | đồng/CP  | 29.668     |
| EPS (2011)                                          | đồng/CP  | 1.787      |
| P/E (31/12/2011)                                    | lần      | 9,79       |
| P/B (31/12/2011)                                    | lần      | 0,59       |
| Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (30/12/2011) | %        | 8,43%      |
| Tỷ lệ sở hữu của Cổ đông Nhà nước (30/12/2011)      | %        | 40,78%     |

Diễn biến giá và khối lượng giao dịch cổ phiếu SAVICO trong năm 2011



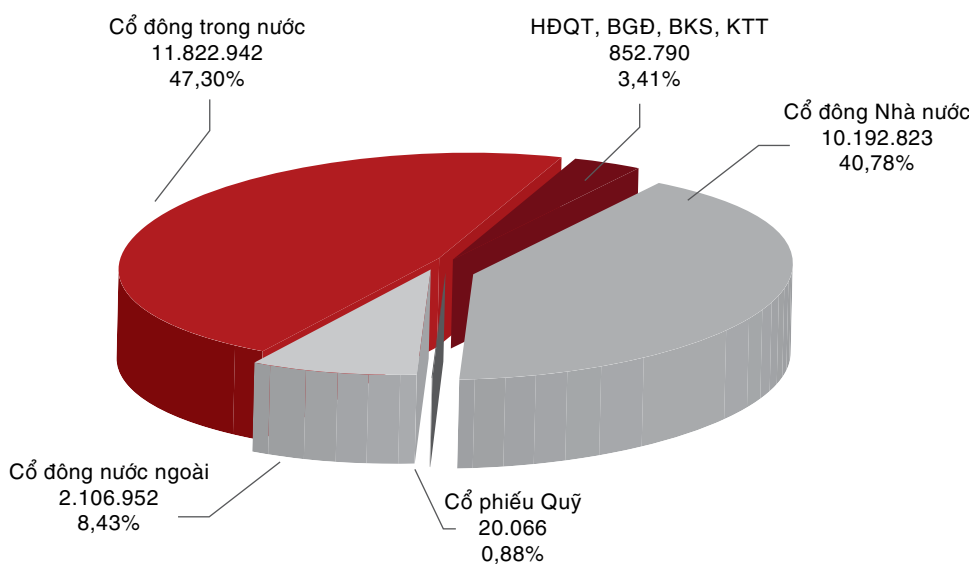
Cơ cấu sở hữu

Tính đến thời điểm chốt danh sách Cổ đông ngày 09/03/2012, SAVICO có 1.835 Cổ đông trên tổng số 24.975.507 cổ phiếu lưu hành. Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán Trưởng và người có liên quan sở hữu 852.790 cổ phiếu, tương đương 3,41% tổng số cổ phiếu lưu hành. Một số Cổ đông lớn phải kể đến như Tổng Công ty Bến Thành nắm giữ 10.192.823 cổ phiếu (chiếm 40,78%); Quỹ tâm nhìn SSI và Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI sở hữu tổng cộng 4.198.700 cổ phiếu (16,80%). SAVICO có 46 Cổ đông nước ngoài sở hữu 2.106.952 cổ phiếu chiếm 8,43% số cổ phiếu lưu hành. Trong đó, hai quỹ nước ngoài là VOF Investment Limited và Bridger Horizon Vietnam Partners L.P sở hữu 2.001.170 cổ phiếu.

Cơ cấu Cổ đông của Công ty

| STT       | Phân loại Cổ đông   | Khối lượng (cổ phiếu) | Tỷ lệ nắm giữ | Số lượng Cổ đông | Cơ cấu Cổ đông |         |
|-----------|---------------------|-----------------------|---------------|------------------|----------------|---------|
|           |                     |                       |               |                  | Tổ chức        | Cá nhân |
| 1         | Cổ đông Nhà nước    | 10.192.823            | 40,78%        | 1                | 1              | -       |
| 2         | HĐQT, BGĐ, BKS, KTT | 852.790               | 3,41%         | 10               | -              | 10      |
| 3         | Cổ đông trong nước  | 11.822.942            | 47,30%        | 1.778            | 61             | 1.717   |
| 4         | Cổ đông nước ngoài  | 2.106.952             | 8,43%         | 46               | 8              | 38      |
| 5         | Cổ phiếu Quỹ        | 20.066                | 0,88%         | 1                | 1              | -       |
| Tổng cộng |                     | 24.995.573            | 100%          | 1.836            | 71             | 1.765   |

Đồ thị cơ cấu Cổ đông theo danh sách chốt ngày 09/03/2012



Danh sách Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên)

| STT | Cổ đông                      | Địa chỉ                                       | Số lượng CP sở hữu | Tỷ trọng |
|-----|------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------|----------|
| 1   | Tổng Công ty Bến Thành       | 27 Nguyễn Trung Trực, Q.1, TP. HCM            | 10.192.823         | 40,78%   |
| 2   | Quỹ tâm nhìn SSI             | Tầng 5, số 1C, Ngõ Quyển, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội | 2.854.050          | 11,42%   |
| 3   | Công ty TNHH quản lý quỹ SSI | Tầng 5, số 1C, Ngõ Quyển, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội | 1.344.650          | 5,38%    |



Tỷ lệ sở hữu của các thành viên HĐQT, BKS, BTGD, KTT

| STT | Họ và tên          | Chức vụ                                | Số CP sở hữu | %     |
|-----|--------------------|----------------------------------------|--------------|-------|
| 1   | Nguyễn Vĩnh Thọ    | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc       | 550.062      | 2,201 |
| 2   | Nguyễn Bình Minh   | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 67.900       | 0,272 |
| 3   | Tạ Phước Đạt       | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 27.726       | 0,111 |
| 4   | Tê Trí Dũng        | Thành viên HĐQT                        | -            | 0,000 |
| 5   | Võ Hiến            | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 77.673       | 0,311 |
| 6   | Lê Hùng            | Thành viên HĐQT                        | -            | 0,000 |
| 7   | Lương Quang Hiến   | Thành viên HĐQT                        | -            | 0,000 |
| 8   | Mai Việt Hà        | Phó Tổng Giám đốc                      | 7.800        | 0,031 |
| 9   | Phan Tuấn Dũng     | Phó Tổng Giám đốc                      | 88.300       | 0,353 |
| 10  | Hoàng Thị Thảo     | Kế toán Trưởng                         | 28.473       | 0,114 |
| 11  | Lê Xuân Đức        | Trưởng BKS                             | 4.693        | 0,019 |
| 12  | Nguyễn Công Bình   | Thành viên BKS                         | 156          | 0,001 |
| 13  | Nguyễn Phương Loan | Thành viên BKS                         | 7            | 0,000 |

Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ và người có liên quan

| STT | Tên tổ chức/<br>người giao dịch | Phân loại<br>Cổ đông | Số lượng CP<br>trước ngày<br>giao dịch | Số lượng CP<br>giao dịch |        | Số lượng CP<br>sau ngày<br>giao dịch | Thời gian<br>thực hiện    |
|-----|---------------------------------|----------------------|----------------------------------------|--------------------------|--------|--------------------------------------|---------------------------|
|     |                                 |                      |                                        | Mua                      | Bán    |                                      |                           |
| 1   | Quỹ tâm nhìn SSI                | Cổ đông lớn          | 2.120.650                              | 119.640                  | 42.590 | 2.197.700                            | 21/12/2010 đến 17/02/2011 |
| 2   | Quỹ tâm nhìn SSI                | Cổ đông lớn          | 2.197.700                              | 132.000                  | 23.200 | 2.306.500                            | 28/02/2011 đến 28/04/2011 |
| 3   | Tổng công ty Bến Thành          | Cổ đông lớn          | 8.830.723                              | 1.250.000                | -      | 10.080.723                           | 31/03/2011 đến 26/05/2011 |
| 4   | Quỹ tâm nhìn SSI                | Cổ đông lớn          | 2.306.500                              | 63.280                   | -      | 2.369.780                            | 10/05/2011 đến 10/07/2011 |
| 5   | Nguyễn Vĩnh Thọ                 | Chủ tịch HĐQT        | 250.012                                | 250.050                  | -      | 500.062                              | 16/05/2011 đến 16/07/2011 |
| 6   | Quỹ tâm nhìn SSI                | Cổ đông lớn          | 2.369.780                              | 88.250                   | 2.880  | 2.455.150                            | 15/07/2011 đến 15/09/2011 |
| 7   | Tê Trí Dũng                     | Thành viên HĐQT      | 28.500                                 | -                        | 28.500 | -                                    | 11/08/2011 đến 16/08/2011 |
| 8   | Nguyễn Vĩnh Thọ                 | Chủ tịch HĐQT        | 500.062                                | 52.910                   | 2.910  | 550.062                              | 01/08/2011 đến 30/09/2011 |
| 9   | Quỹ tâm nhìn SSI                | Cổ đông lớn          | 2.455.150                              | 236.860                  | -      | 2.692.010                            | 21/09/2011 đến 21/11/2011 |
| 10  | Quỹ tâm nhìn SSI                | Cổ đông lớn          | 2.692.010                              | 398.060                  | -      | 3.090.070                            | 25/11/2011 đến 20/12/2011 |
| 11  | Quỹ tâm nhìn SSI                | Cổ đông lớn          | 3.090.070                              | 68.920                   | -      | 3.158.990                            | 26/12/2011                |

Việc mua bán Cổ phiếu quỹ

Trong năm qua, Công ty không thực hiện mua/bán cổ phiếu quỹ, tổng số cổ phiếu quỹ đến thời điểm 31/12/2011 của công ty là 20.066 cổ phiếu.

| Số lượng cổ phiếu quỹ |        |
|-----------------------|--------|
| Số dư đầu năm         | 20.066 |
| Phát sinh trong kỳ    | 0      |
| Dư cuối năm           | 20.066 |

Công tác quan hệ nhà đầu tư (IR) luôn được SAVICO xem là nhiệm vụ quan trọng trong việc xây chiến lược hoạt động và phát triển lâu dài, giúp tăng cường niềm tin của nhà đầu tư, khách hàng, cổ đông đối với Công ty.

Trong năm 2011, với mục tiêu tăng cường công tác chăm sóc cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng của Công ty, công tác quan hệ nhà đầu tư (IR) ngày càng được cải thiện, nâng cao chất lượng. Ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo qui định của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty cũng đã cố gắng cập nhật trên nhiều kênh thông tin khác nhau nhằm chia sẻ với Cổ đông, Nhà Đầu tư những hoạt động đang triển khai, những kết quả mà Công ty đã đạt được.

Ban Quan hệ cổ đông đã đón tiếp nhiều Tổ chức, Cá nhân, Cổ đông, Nhà Đầu tư trong và ngoài nước trong năm qua, trả lời các câu hỏi, lắng nghe những quan tâm, mong muốn của họ về chiến lược phát triển Công ty.

Từ đó chúng tôi hiểu rằng giá trị của doanh nghiệp có được không chỉ dừng lại ở kết quả kinh doanh hàng năm mà còn là những gì chúng tôi sẽ làm được trong tương lai cho Cổ đông, Khách hàng, người lao động và cho Cộng đồng Xã hội.

Báo cáo thường niên của Công ty liên tục 3 năm liền (2008-2010) được bình chọn là một trong những báo cáo thường niên tốt nhất; và SAVICO là một trong những doanh nghiệp có hoạt động IR tốt nhất năm 2011 là kết quả của sự nỗ lực không ngừng của tập thể SAVICO. Nhưng hơn hết, nó đã minh chứng cho nỗ lực của Công ty luôn hướng đến sự minh bạch - trung thực - kịp thời trong mọi hoạt động của mình đối với Cổ đông, Nhà Đầu tư.



Hội nghị Nhà Đầu tư tháng 10/2011



*Tạo dựng*  
**GIÁ TRỊ MỚI**



Đồng hành với chiến lược kinh doanh, chiến lược phát triển thương hiệu của SAVICO luôn được quan tâm xây dựng và phát triển



CÁC GIẢI THƯỞNG ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2011:

Với những thành quả đã đạt được, năm 2011 SAVICO và một số các đơn vị thành viên trong hệ thống đã đạt được như sau:

SAVICO được UBND TP. HCM công nhận đơn vị thi đua xuất sắc năm 2011; Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh tiêu biểu.

➤ Các giải thưởng thương hiệu do các tổ chức uy tín trao tặng:

- SAVICO đạt Giải báo cáo thường niên tốt nhất liên tiếp 3 năm (2009 -2011) do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM và Báo Đầu tư CK tổ chức.
- Giải Sao Vàng Đất Việt SAVICO (Top 100) và Toyota Đông Sài Gòn (Top 200) do Hội Doanh nhân trẻ VN phối hợp Phòng Công nghiệp VN (VCCI) tổ chức.
- Giải doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu năm 2011 do Hiệp hội Doanh nghiệp TP. HCM tổ chức (SAVICO; Sài Gòn Ford, Toyota Đông Sài Gòn).
- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất và tăng trưởng nhanh nhất VN (SAVICO, Toyota Đông Sài Gòn, LD Toyota Giải Phóng).

➤ Đồng thời, các đơn vị trong hệ thống thuộc lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại còn đạt được các giải thưởng khác do hiệp hội hoặc các tập đoàn ngành nghề công nhận như:

- Công ty TNHH Sài Gòn ô tô (Sài Gòn Ford) được bình chọn là Đại lý xuất sắc nhất Toàn quốc đồng thời là đại lý có doanh số trên 1.000 xe và có doanh số phụ tùng cao nhất.
- Các đơn vị như Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn ngoài danh hiệu hoàn thành chỉ tiêu bán hàng còn tham gia Hội thi kỹ năng Toyota Toàn Quốc đạt giải Nhì (bán hàng), giải Ba (phần sơn); Đơn vị Toyota Long Biên đạt giải Ba bán hàng)
- Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao đạt Giải nhất bán hàng (ngành ô tô) và giải nhì bán hàng (xe gắn máy) toàn quốc.

Ngoài ra một số các đơn vị khác thuộc ngành ô tô, xe gắn máy trong hệ thống cũng đã đạt nhiều danh hiệu, giải thưởng khác do các tổ chức uy tín trao tặng...

SAVICO VÀ CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Đồng hành với chiến lược kinh doanh, chiến lược phát triển thương hiệu của SAVICO luôn được quan tâm xây dựng và phát triển. Năm 2011 với áp lực cạnh tranh của thị trường, sự cạnh tranh giữa các thương hiệu trong từng ngành hàng và giữa các ngành hàng với nhau ngày càng gay gắt, SAVICO vẫn tạo được bước đột phá mạnh mẽ trên 03 lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại, Dịch vụ Bất động sản, Dịch vụ Tài chính. Cốt lõi sự thành công năm 2011 là công ty tập trung công tác Quản trị doanh nghiệp minh bạch thông qua các tổ công tác kiểm tra để làm việc hàng tháng với tất cả các đơn vị thành viên trong hệ thống. Thương hiệu SAVICO tiếp tục được đánh giá trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất và tăng trưởng nhanh nhất VN. Đặc biệt ở lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại tiếp tục giữ vững vị trí là Nhà phân phối Ôtô số 1 tại VN; Tập trung phát triển mảng dịch vụ ô tô, xe máy, phát triển thêm các đại lý mới mở rộng mạng lưới kinh doanh để nâng cao sức cạnh tranh cũng như vị thế của SAVICO

trên thị trường. Bên cạnh đó, dù tình hình thị trường bất động sản khá trầm lắng nhưng SAVICO đã hoàn thành và đưa dự án Trung tâm Thương mại SAVICO Mega Mall, Trung tâm Thương mại mua sắm, vui chơi, giải trí có qui mô lớn nhất VN tại Thủ đô Hà Nội đi vào hoạt động đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân tại địa phương... Không dành nhiều chi phí cho quảng cáo, sức cạnh tranh của SAVICO nằm ở chính chất lượng sản phẩm, dịch vụ, phong cách làm việc, tận tâm chuyên nghiệp của đội ngũ CBNV với những giá trị cốt lõi nhằm gia tăng lợi ích cho Khách hàng, Đối tác, Cổ đông... trên nền tảng văn hóa Công ty.

Và trong quá trình hoạt động đó, bên cạnh việc chú trọng, duy trì sức mạnh của thương hiệu, việc bảo vệ thương hiệu có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Công ty; SAVICO đã tiến hành đăng ký bảo hộ thương hiệu SAVICO ở thị trường trong và ngoài nước...



Giải Sao Vàng Đất Việt



SAVICO đạt giải danh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu 2011



Top 500 doanh nghiệp lớn nhất





Chương trình mổ mắt cho người mù nghèo



Chào mừng ngày hội gia đình hệ thống SAVICO lần 9



Trao tặng Quỹ xóa đói giảm nghèo quận Long Biên, Hà Nội

## SAVICO HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG:

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội luôn được Lãnh đạo và toàn thể CBNV hệ thống SAVICO quan tâm như chăm sóc các gia đình chính sách, tham gia các chương trình xóa đói giảm nghèo... Năm 2011, toàn hệ thống đã ủng hộ, đóng góp vào công tác xã hội như Quỹ bảo trợ bệnh nhân nghèo TP. HCM để thực hiện 700 ca phẫu thuật mắt cho bệnh nhân nghèo, Quỹ người nghèo Quận Long Biên Hà Nội; Ủng hộ đồng bào bão lụt miền Trung... với số tiền trên 3 tỷ đồng; Trong đó, đã ủng hộ nạn nhân sóng thần tại Nhật Bản với số tiền trên 1 tỷ đồng.

Mặt khác, Quỹ chăm sóc tài năng trẻ SAVICO đã được thành lập và đi vào hoạt động ngày 29/04/2011 vừa qua nhằm tập trung đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, Đoàn viên thanh niên trẻ... có năng lực, phẩm chất đạo đức, tâm huyết, gắn bó với sự nghiệp phát triển của Công ty. Quỹ đã nhận được sự đóng góp ban đầu từ các cá nhân, tổ chức, mạnh thường quân với số tiền 524 triệu đồng; Trong đợt 1/2012, Hội đồng thẩm định của Quỹ đã xét chọn 8/20 cá nhân được giới thiệu từ các đơn vị thành viên trong hệ thống để tham gia các khóa đào tạo... Đồng thời, công ty đã tiếp tục nâng cấp, mở rộng qui mô Quỹ tương trợ SAVICO vào ngày thành lập công ty 01/09/2011, CBNV hệ thống đã tham gia đóng góp số tiền trên 630 triệu đồng. Mục tiêu của Quỹ tạo sự an tâm cho người lao động hiện đang làm việc và các cá nhân đã nghỉ hưu có hoàn cảnh khó khăn.



Lễ ra mắt Quỹ chăm sóc tài năng trẻ SAVICO

2011



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG



THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

KPMG Limited  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax + 84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

Quyết định số

3448/QĐ-UB  
3449/QĐ-UB

ngày 09 tháng 07 năm 2004  
ngày 09 tháng 07 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Kinh doanh

4103002955

ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 15 tháng 10 năm 2009. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ  
Ông Nguyễn Bình Minh  
Ông Tạ Phước Đạt  
Ông Võ Hiễn  
Ông Tề Trí Dũng  
Ông Lương Quang Hiễn  
Ông Lê Hùng

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ  
Ông Nguyễn Bình Minh  
Ông Tạ Phước Đạt  
Ông Võ Hiễn  
Ông Phan Tuấn Dũng  
Ông Mai Việt Hà

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Lê Xuân Đức  
Bà Nguyễn Phương Loan  
Ông Nguyễn Công Bình

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

Trụ sở đăng ký

68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 19 tháng 03 năm 2012. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam  
Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345  
Báo cáo kiểm toán số: 11-01-259



Chang Hung Chun  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV  
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2012



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

|                                     | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|-------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| TÀI SẢN                             |       |             |                   |                   |
| Tài sản ngắn hạn                    | 100   |             | 206.827.484.139   | 245.185.119.780   |
| Tiền và các khoản tương đương tiền  | 110   | 3           | 10.048.378.526    | 13.741.019.930    |
| Tiền                                | 111   |             | 9.598.378.526     | 13.741.019.930    |
| Các khoản tương đương tiền          | 112   |             | 450.000.000       | -                 |
| Đầu tư ngắn hạn                     | 120   | 4           | 31.174.899.000    | 36.127.095.400    |
| Đầu tư ngắn hạn                     | 121   |             | 65.730.739.308    | 49.090.316.928    |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn   | 129   |             | (34.555.840.308)  | (12.963.221.528)  |
| Phải thu ngắn hạn                   | 130   | 5           | 150.573.389.206   | 186.906.965.760   |
| Phải thu khách hàng                 | 131   |             | 11.413.308.057    | 19.002.865.773    |
| Trả trước cho người bán             | 132   |             | 40.631.312.832    | 145.796.801.016   |
| Các khoản phải thu khác             | 135   |             | 98.528.768.317    | 22.107.298.971    |
| Hàng tồn kho                        | 140   | 6           | 10.030.892.733    | 5.060.331.163     |
| Tài sản ngắn hạn khác               | 150   |             | 4.999.924.674     | 3.349.707.527     |
| Chi phí trả trước ngắn hạn          | 151   |             | 108.636.367       | 138.532.726       |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152   |             | 1.092.864.564     | 308.071.359       |
| Thuế phải thu ngân sách Nhà nước    | 154   |             | -                 | 59.524.442        |
| Tài sản ngắn hạn khác               | 158   |             | 3.798.423.743     | 2.843.579.000     |
| Tài sản dài hạn                     | 200   |             | 1.314.184.455.466 | 1.273.422.566.530 |
| Phải thu dài hạn                    | 210   |             | 4.345.621.247     | 4.345.621.247     |
| Các khoản phải thu khác             | 218   |             | 4.345.621.247     | 4.345.621.247     |
| Tài sản cố định                     | 220   |             | 491.961.809.424   | 394.325.714.869   |
| Tài sản cố định hữu hình            | 221   | 7           | 3.914.990.931     | 4.029.379.210     |
| Nguyên giá                          | 222   |             | 11.376.771.945    | 10.660.793.925    |
| Giá trị hao mòn lũy kế              | 223   |             | (7.461.781.014)   | (6.631.414.715)   |
| Tài sản cố định vô hình             | 227   | 8           | 44.747.675.028    | 45.534.272.700    |
| Nguyên giá                          | 228   |             | 47.084.099.490    | 47.084.099.490    |
| Giá trị hao mòn lũy kế              | 229   |             | (2.336.424.462)   | (1.549.826.790)   |
| Xây dựng cơ bản dở dang             | 230   | 9           | 443.299.143.465   | 344.762.062.959   |
| Bất động sản đầu tư                 | 240   | 10          | 192.660.607.952   | 96.391.944.455    |
| Nguyên giá                          | 241   |             | 224.224.251.966   | 115.808.292.204   |
| Giá trị hao mòn lũy kế              | 242   |             | (31.563.644.014)  | (19.416.347.749)  |
| Đầu tư dài hạn                      | 250   | 11          | 616.331.064.926   | 763.364.701.768   |
| Đầu tư vào công ty con              | 251   |             | 128.263.107.279   | 125.236.222.000   |
| Đầu tư vào công ty liên kết         | 252   |             | 141.080.309.000   | 223.800.194.279   |
| Đầu tư dài hạn khác                 | 258   |             | 371.311.265.631   | 459.159.303.316   |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn    | 259   |             | (24.323.616.984)  | (44.831.017.827)  |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

|                                   | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|-----------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| TÀI SẢN (tiếp theo)               |       |             |                   |                   |
| Tài sản dài hạn khác              | 260   |             | 8.885.351.917     | 14.994.584.191    |
| Chi phí trả trước dài hạn         | 261   |             | 1.791.093.605     | 1.885.383.091     |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại    | 262   | 12          | 5.163.758.312     | 11.771.701.100    |
| Tài sản dài hạn khác              | 268   |             | 1.930.500.000     | 1.337.500.000     |
| TỔNG TÀI SẢN                      | 270   |             | 1.521.011.939.605 | 1.518.607.686.310 |
| NGUỒN VỐN                         |       |             |                   |                   |
| NỢ PHẢI TRẢ                       | 300   |             | 870.823.688.655   | 872.956.127.008   |
| Nợ ngắn hạn                       | 310   |             | 460.063.931.289   | 389.968.441.209   |
| Vay ngắn hạn                      | 311   | 13          | 235.127.329.526   | 245.801.391.579   |
| Phải trả người bán                | 312   |             | 4.959.773.687     | 2.351.587.714     |
| Người mua trả tiền trước          | 313   |             | 44.268.042.953    | 637.254.784       |
| Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước  | 314   | 14          | 5.714.417.145     | 10.635.913.181    |
| Phải trả người lao động           | 315   |             | 29.864.621.225    | 29.494.880.550    |
| Chi phí phải trả                  | 316   | 15          | 9.771.535.695     | 10.329.524.697    |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319   | 16          | 126.244.948.661   | 86.082.769.159    |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi       | 323   | 17          | 4.113.262.397     | 4.635.119.545     |
| Nợ dài hạn                        | 330   |             | 410.759.757.366   | 482.987.685.799   |
| Nợ dài hạn khác                   | 333   | 18          | 111.707.395.567   | 110.688.392.021   |
| Vay dài hạn                       | 334   | 19          | 194.281.092.890   | 217.741.830.000   |
| Doanh thu chưa thực hiện          | 338   | 20          | 104.771.268.909   | 154.557.463.778   |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU                    | 400   |             | 650.188.250.950   | 645.651.559.302   |
| Vốn chủ sở hữu                    | 410   |             | 650.188.250.950   | 645.651.559.302   |
| Vốn cổ phần                       | 411   | 21          | 249.955.730.000   | 249.955.730.000   |
| Thặng dư vốn cổ phần              | 412   |             | 317.064.858.303   | 317.064.858.303   |
| Cổ phiếu quỹ                      | 414   | 21          | (690.474.358)     | (690.474.358)     |
| Quỹ đầu tư và phát triển          | 417   |             | 12.469.151.903    | 14.731.614.307    |
| Quỹ dự phòng tài chính            | 418   |             | 12.469.151.903    | 5.218.459.791     |
| Lợi nhuận chưa phân phối          | 420   |             | 58.919.833.199    | 59.371.371.259    |
| TỔNG NGUỒN VỐN                    | 440   |             | 1.521.011.939.605 | 1.518.607.686.310 |

Người lập:



Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Ngày 19 tháng 03 năm 2012

Người duyệt:



Nguyễn Vinh Thọ  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

|                                                       | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 2011<br>VND      | 2010<br>VND       |
|-------------------------------------------------------|-------|-------------|------------------|-------------------|
| Tổng doanh thu                                        | 01    | 22          | 140.176.007.609  | 190.697.616.483   |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                          | 02    |             | (90.679.715)     | (74.584.806)      |
| Doanh thu thuần                                       | 10    | 22          | 140.085.327.894  | 190.623.031.677   |
| Giá vốn hàng bán                                      | 11    | 23          | (93.939.257.096) | (134.686.834.325) |
| Lợi nhuận gộp                                         | 20    |             | 46.146.070.798   | 55.936.197.352    |
| Doanh thu hoạt động tài chính                         | 21    | 24          | 73.617.980.990   | 63.526.069.234    |
| Chi phí tài chính                                     | 22    | 25          | (84.203.213.243) | (37.844.849.727)  |
| Chi phí bán hàng                                      | 24    |             | (3.035.294.894)  | (2.653.250.279)   |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                          | 25    |             | (31.817.075.018) | (26.824.926.163)  |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh               | 30    |             | 708.468.633      | 52.139.240.417    |
| Kết quả từ các hoạt động khác                         | 40    |             |                  |                   |
| Thu nhập khác                                         | 31    | 26          | 49.573.994.078   | 8.622.797.715     |
| Chi phí khác                                          | 32    |             | (917.886.917)    | (847.489.865)     |
| Lợi nhuận trước thuế                                  | 50    |             | 49.364.575.794   | 59.914.548.267    |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành          | 51    | 27          | (5.173.950.000)  | (5.358.816.548)   |
| (Chi phí)/Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52    | 27          | (6.607.942.788)  | 869.042.813       |
| Lợi nhuận thuần                                       | 60    |             | 37.582.683.006   | 55.424.774.532    |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                              | 70    | 28          | 1.505            | 2.218             |

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 03 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

|                                                                 | VỐN CỔ PHẦN<br>VND | THẶNG DỰ<br>VỐN CỔ PHẦN<br>VND | CỔ PHIẾU<br>QUỸ<br>VND | QUỸ ĐẦU<br>TƯ VÀ PHÁT<br>TRIỂN<br>VND | QUỸ DỰ<br>PHÒNG TÀI<br>CHÍNH<br>VND | LỢI NHUẬN<br>CHƯA PHÂN<br>PHỐI<br>VND | TỔNG<br>VND      |
|-----------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------|------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|------------------|
| Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2010                             | 249.955.730.000    | 317.064.858.303                | (16.000)               | 14.731.614.307                        | 5.218.459.791                       | 47.831.195.917                        | 634.801.842.318  |
| Mua lại cổ phiếu quỹ                                            | -                  | -                              | (690.458.358)          | -                                     | -                                   | -                                     | (690.458.358)    |
| Lợi nhuận thuần trong năm                                       | -                  | -                              | -                      | -                                     | -                                   | 55.424.774.532                        | 55.424.774.532   |
| Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi                               | -                  | -                              | -                      | -                                     | -                                   | (5.604.490.192)                       | (5.604.490.192)  |
| Cổ tức                                                          | -                  | -                              | -                      | -                                     | -                                   | (37.483.325.500)                      | (37.483.325.500) |
| Thù lao và quỹ thưởng cho Hội đồng<br>Quản trị và Ban Kiểm soát | -                  | -                              | -                      | -                                     | -                                   | (796.783.498)                         | (796.783.498)    |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010                             | 249.955.730.000    | 317.064.858.303                | (690.474.358)          | 14.731.614.307                        | 5.218.459.791                       | 59.371.371.259                        | 645.651.559.302  |
| Lợi nhuận thuần trong năm                                       | -                  | -                              | -                      | -                                     | -                                   | 37.582.683.006                        | 37.582.683.006   |
| Phân bổ vào các quỹ                                             | -                  | -                              | -                      | -                                     | 4.988.229.708                       | (4.988.229.708)                       | -                |
| Chuyển sang quỹ dự phòng tài chính                              | -                  | -                              | -                      | (2.262.462.404)                       | 2.262.462.404                       | -                                     | -                |
| Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi                               | -                  | -                              | -                      | -                                     | -                                   | (5.542.477.453)                       | (5.542.477.453)  |
| Cổ tức (thuyết minh số 29)                                      | -                  | -                              | -                      | -                                     | -                                   | (24.975.507.000)                      | (24.975.507.000) |
| Thù lao và quỹ thưởng cho Hội đồng<br>Quản trị và Ban Kiểm soát | -                  | -                              | -                      | -                                     | -                                   | (2.528.006.905)                       | (2.528.006.905)  |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011                             | 249.955.730.000    | 317.064.858.303                | (690.474.358)          | 12.469.151.903                        | 12.469.151.903                      | 58.919.833.199                        | 650.188.250.950  |

Người lập:

Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Ngày 19 tháng 03 năm 2012

Người duyệt:

Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

|                                                                     | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 2011 VND          | 2010 VND         |
|---------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH                             |       |             |                   |                  |
| Lợi nhuận trước thuế                                                | 01    |             | 49.364.575.794    | 59.914.548.267   |
| Điều chỉnh cho các khoản                                            |       |             |                   |                  |
| Khấu hao và phân bổ                                                 | 02    |             | 10.228.514.797    | 5.514.053.105    |
| Các khoản dự phòng                                                  | 03    |             | 1.085.217.937     | (39.695.285.871) |
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định                                     | 05    |             | -                 | (3.032.215.099)  |
| Lãi từ thanh lý một phần đầu tư vào công ty liên kết                | 05    |             | (20.695.800.000)  | -                |
| Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức                                     | 05    |             | (39.516.115.567)  | (23.848.916.913) |
| (Lãi)/lỗ từ kinh doanh chứng khoán                                  | 05    |             | (7.654.448.170)   | 22.592.172.160   |
| Chi phí lãi vay                                                     | 06    |             | 76.549.443.949    | 43.338.721.673   |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08    |             | 69.361.388.740    | 64.783.077.322   |
| Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác               | 09    |             | 36.486.177.477    | (82.397.540.142) |
| Biến động hàng tồn kho                                              | 10    |             | (4.970.561.570)   | 2.701.876.954    |
| Biến động các khoản phải trả và nợ khác                             | 11    |             | 46.574.296.874    | 20.767.704.217   |
|                                                                     |       |             | 147.451.301.521   | 5.855.118.351    |
| Tiền lãi vay đã trả                                                 | 13    |             | (75.635.108.723)  | (40.193.822.842) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                   | 14    |             | (5.358.816.548)   | (9.237.419.136)  |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                              | 16    |             | (8.592.341.506)   | (6.634.999.375)  |
| Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động kinh doanh                | 20    |             | 57.865.034.744    | (50.211.123.002) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ                             |       |             |                   |                  |
| Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác                | 21    |             | (153.716.937.698) | (74.859.256.008) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định                                | 22    |             | -                 | 3.797.040.000    |
| Biến động tài sản dài hạn khác                                      |       |             | (593.000.000)     | (1.032.657.818)  |
| Tiền thu từ kinh doanh chứng khoán                                  |       |             | 48.454.142.290    | 90.611.108.000   |
| Tiền thu từ thanh lý một phần đầu tư vào công ty liên kết           |       |             | 105.202.800.000   | -                |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác                         | 25    |             | (27.639.251.074)  | (81.223.561.846) |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức                                     | 27    |             | 37.713.297.497    | 25.852.442.672   |
| Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động đầu tư                    | 30    |             | 10.014.051.015    | (36.854.885.000) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

|                                                     | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 2011 VND          | 2010 VND          |
|-----------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH          |       |             |                   |                   |
| Mua lại cổ phiếu quỹ                                | 32    |             | -                 | (690.458.358)     |
| Tiền thu từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn       | 33    |             | 291.919.108.626   | 337.245.527.299   |
| Tiền chi trả nợ gốc vay                             | 34    |             | (326.053.907.789) | (343.193.428.674) |
| Tiền thu từ phát hành trái phiếu                    | 33    |             | -                 | 100.000.000.000   |
| Tiền trả cổ tức                                     | 36    |             | (37.436.928.000)  | (37.425.544.000)  |
| Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động tài chính | 40    |             | (71.571.727.163)  | 55.936.096.267    |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm                     | 50    |             | (3.692.641.404)   | (31.129.911.735)  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm          | 60    |             | 13.741.019.930    | 44.870.931.665    |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm         | 70    | 3           | 10.048.378.526    | 13.741.019.930    |

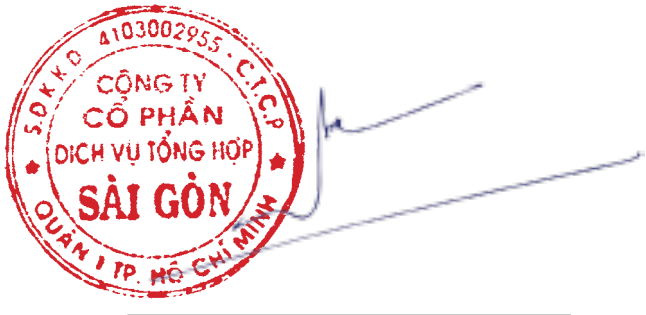
Người lập:

Người duyệt:



Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Ngày 19 tháng 03 năm 2012



Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

### Quyết định số

3448/QĐ-UB  
3449/QĐ-UB

ngày 09 tháng 07 năm 2004  
ngày 09 tháng 07 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### Giấy phép Kinh doanh

4103002955

ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 15 tháng 10 năm 2009. Giấy phép kinh doanh của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ  
Ông Nguyễn Bình Minh  
Ông Tạ Phước Đạt  
Ông Võ Hiễn  
Ông Tê Trí Dũng  
Ông Lương Quang Hiễn  
Ông Lê Hùng

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ  
Ông Nguyễn Bình Minh  
Ông Tạ Phước Đạt  
Ông Võ Hiễn  
Ông Phan Tuấn Dũng  
Ông Mai Việt Hà

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

### Ban Kiểm soát

Ông Lê Xuân Đức  
Bà Nguyễn Phương Loan  
Ông Nguyễn Công Bình

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

### Trụ sở đăng ký

68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

### Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 19 tháng 03 năm 2012. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam  
Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345  
Báo cáo kiểm toán số: 11-01-259



Chang Hung Chun  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2012

|                                         | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|-----------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| TÀI SẢN                                 |       |             |                   |                   |
| Tài sản ngắn hạn                        | 100   |             | 718.944.048.040   | 842.423.184.682   |
| Tiền và các khoản tương đương tiền      | 110   | 4           | 112.173.337.974   | 106.497.794.903   |
| Tiền                                    | 111   |             | 68.164.867.974    | 81.661.803.123    |
| Các khoản tương đương tiền              | 112   |             | 44.008.470.000    | 24.835.991.780    |
| Đầu tư ngắn hạn                         | 120   | 5           | 31.176.951.543    | 36.129.147.943    |
| Đầu tư ngắn hạn                         | 121   |             | 65.732.791.851    | 49.092.369.471    |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn       | 129   |             | (34.555.840.308)  | (12.963.221.528)  |
| Phải thu ngắn hạn                       | 130   | 6           | 227.356.980.724   | 379.880.146.892   |
| Phải thu khách hàng                     | 131   |             | 101.414.572.508   | 139.074.302.004   |
| Trả trước cho người bán                 | 132   |             | 40.455.215.942    | 217.116.916.044   |
| Các khoản phải thu khác                 | 138   |             | 86.169.126.713    | 25.180.835.030    |
| Dự phòng phải thu khó đòi               | 139   |             | (681.934.439)     | (1.491.906.186)   |
| Hàng tồn kho                            | 140   | 7           | 317.575.947.668   | 275.187.718.365   |
| Hàng tồn kho                            | 141   |             | 322.287.800.439   | 280.012.761.428   |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho          | 149   |             | (4.711.852.771)   | (4.825.043.063)   |
| Tài sản ngắn hạn khác                   | 150   |             | 30.660.830.131    | 44.728.376.579    |
| Chi phí trả trước ngắn hạn              | 151   |             | 3.425.135.195     | 2.374.397.828     |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ     | 152   |             | 6.276.805.374     | 27.882.758.189    |
| Thuế phải thu ngân sách Nhà nước        | 154   |             | 140.000           | 59.971.924        |
| Tài sản ngắn hạn khác                   | 158   |             | 20.958.749.562    | 14.411.248.638    |
| Tài sản dài hạn                         | 200   |             | 2.005.705.337.523 | 1.514.908.308.812 |
| Phải thu dài hạn                        | 210   |             | 4.345.621.247     | 4.345.621.247     |
| Tài sản cố định                         | 220   |             | 629.960.488.823   | 645.846.282.524   |
| Tài sản cố định hữu hình                | 221   | 8           | 135.179.405.270   | 128.930.789.242   |
| Nguyên giá                              | 222   |             | 177.048.103.836   | 158.682.468.657   |
| Giá trị hao mòn lũy kế                  | 223   |             | (41.868.698.566)  | (29.751.679.415)  |
| Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính | 224   | 9           | 5.081.567.819     | 6.891.006.551     |
| Nguyên giá                              | 225   |             | 8.099.678.641     | 8.099.678.641     |
| Giá trị hao mòn lũy kế                  | 226   |             | (3.018.110.822)   | (1.208.672.090)   |
| Tài sản cố định vô hình                 | 227   | 10          | 46.919.685.181    | 48.143.363.719    |
| Nguyên giá                              | 228   |             | 52.977.326.840    | 52.842.326.840    |
| Giá trị hao mòn lũy kế                  | 229   |             | (6.057.641.659)   | (4.698.963.121)   |
| Xây dựng cơ bản dở dang                 | 230   | 11          | 442.779.830.553   | 461.881.123.012   |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

|                                  | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|----------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| TÀI SẢN (tiếp theo)              |       |             |                   |                   |
| Bất động sản đầu tư              | 240   | 12          | 745.445.006.731   | 96.391.944.455    |
| <i>Nguyên giá</i>                | 241   |             | 783.175.706.816   | 115.808.292.204   |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>    | 242   |             | (37.730.700.085)  | (19.416.347.749)  |
| Đầu tư dài hạn                   | 250   | 13          | 537.792.105.185   | 687.287.495.371   |
| Đầu tư vào công ty liên kết      | 252   |             | 169.375.402.896   | 245.139.975.519   |
| Đầu tư dài hạn khác              | 258   |             | 382.552.961.223   | 466.032.998.908   |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 259   |             | (14.136.258.934)  | (23.885.479.056)  |
| Tài sản dài hạn khác             | 260   |             | 88.162.115.537    | 81.036.965.215    |
| Chi phí trả trước dài hạn        | 261   | 14          | 48.861.518.233    | 35.562.523.169    |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại   | 262   | 31          | 5.582.297.781     | 12.223.926.796    |
| Ký quỹ dài hạn                   | 268   |             | 33.544.361.562    | 33.250.515.250    |
| Lợi thế thương mại               | 269   |             | 173.937.961       | -                 |
| TỔNG TÀI SẢN                     | 270   |             | 2.724.649.385.563 | 2.357.331.493.494 |

NGUỒN VỐN

|                                   |     |    |                   |                   |
|-----------------------------------|-----|----|-------------------|-------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ                       | 300 |    | 1.828.102.659.059 | 1.477.197.357.737 |
| Nợ ngắn hạn                       |     |    |                   |                   |
| Vay ngắn hạn                      | 311 | 15 | 410.985.178.557   | 473.247.112.341   |
| Phải trả người bán                | 312 |    | 184.400.476.892   | 114.418.935.802   |
| Người mua trả tiền trước          | 313 |    | 124.179.037.603   | 111.393.088.034   |
| Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước  | 314 | 16 | 23.358.608.046    | 21.967.183.272    |
| Phải trả người lao động           | 315 |    | 53.872.350.956    | 43.204.415.801    |
| Chi phí phải trả                  | 316 | 17 | 24.051.813.003    | 21.624.749.389    |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | 18 | 105.624.966.630   | 92.172.575.618    |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi       | 323 | 19 | 7.853.501.673     | 6.853.594.274     |
| Nợ dài hạn                        | 330 |    | 893.776.725.699   | 592.315.703.206   |
| Nợ dài hạn khác                   | 333 | 20 | 166.197.375.962   | 125.519.831.624   |
| Vay dài hạn                       | 334 | 21 | 537.153.278.135   | 354.845.761.678   |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc        | 336 |    | 2.689.325.256     | 2.257.175.844     |
| Doanh thu chưa thực hiện          | 338 | 22 | 187.736.746.346   | 109.692.934.060   |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

|                            | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|----------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| NGUỒN VỐN (tiếp theo)      |       |             |                   |                   |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU             | 400   |             | 740.977.942.031   | 732.725.216.830   |
| Vốn chủ sở hữu             |       |             |                   |                   |
| Vốn cổ phần                | 410   |             | 740.977.942.031   | 732.725.216.830   |
| Thặng dư vốn cổ phần       | 411   | 23          | 249.955.730.000   | 249.955.730.000   |
| Cổ phiếu quỹ               | 412   |             | 317.064.858.303   | 317.064.858.303   |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 413   | 23          | (690.474.358)     | (690.474.358)     |
| Quỹ đầu tư và phát triển   | 416   |             | 5.093.483.305     | 5.093.483.305     |
| Quỹ dự phòng tài chính     | 417   |             | 18.684.019.711    | 19.159.016.653    |
| Lợi nhuận chưa phân phối   | 418   |             | 17.685.506.194    | 9.067.519.041     |
|                            | 419   |             | 133.184.818.876   | 133.075.083.886   |
| LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ   | 439   | 24          | 155.568.784.473   | 147.408.918.927   |
| TỔNG NGUỒN VỐN             | 440   |             | 2.724.649.385.563 | 2.357.331.493.494 |

Người lập:

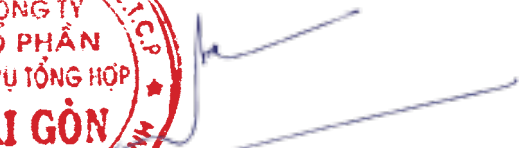
Người duyệt:



Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Ngày 19 tháng 03 năm 2012





Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

|                                                       | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 2011<br>VND         | 2010<br>VND         |
|-------------------------------------------------------|-------|-------------|---------------------|---------------------|
| Tổng doanh thu                                        | 01    | 25          | 6.174.258.672.347   | 4.188.214.039.064   |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                          | 02    |             | (18.946.646.398)    | (14.664.942.778)    |
| Doanh thu thuần                                       | 10    | 25          | 6.155.312.025.949   | 4.173.549.096.286   |
| Giá vốn hàng bán                                      | 11    | 26          | (5.749.106.306.446) | (3.906.776.474.941) |
| Lợi nhuận gộp                                         | 20    |             | 406.205.719.503     | 266.772.621.345     |
| Doanh thu hoạt động tài chính                         | 21    | 27          | 58.884.858.683      | 58.878.449.709      |
| Chi phí tài chính                                     | 22    | 28          | (145.892.638.681)   | (59.282.011.340)    |
| Chi phí bán hàng                                      | 24    |             | (146.918.029.452)   | (100.125.954.398)   |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                          | 25    |             | (142.144.553.505)   | (90.779.612.815)    |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh               | 30    |             | 30.135.356.548      | 75.463.492.501      |
| Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết           |       | 13          | 8.852.824.930       | 8.699.578.380       |
| Kết quả các hoạt động khác                            | 40    |             |                     |                     |
| Thu nhập khác                                         | 31    | 29          | 84.189.220.658      | 26.235.529.594      |
| Chi phí khác                                          | 32    | 30          | (5.243.693.705)     | (2.665.995.490)     |
| Lợi nhuận trước thuế                                  | 50    |             | 117.933.708.431     | 107.732.604.985     |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành          | 51    | 31          | (29.859.630.230)    | (20.020.353.135)    |
| (Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52    | 31          | (6.641.629.015)     | 940.384.837         |
| Lợi nhuận thuần                                       |       |             | 81.432.449.186      | 88.652.636.687      |
| Phân bổ cho:                                          |       |             |                     |                     |
| Các Cổ đông thiểu số                                  | 61    | 24          | 36.808.986.590      | 16.923.063.523      |
| Các Cổ đông của Công ty                               | 62    |             | 44.623.462.596      | 71.729.573.164      |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                              | 70    | 32          | 1.787               | 2.871               |

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 03 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

|                                                              | VỐN CỔ PHẦN<br>VND | THẶNG DƯ<br>VỐN<br>CỔ PHẦN<br>VND | CỔ PHIẾU<br>QUỸ<br>VND | CHÉNH LỆCH<br>TỶ GIÁ HỐI<br>ĐOÁI<br>VND | QUỸ ĐẦU<br>TƯ VÀ PHÁT<br>TRIỂN<br>VND | QUỸ DỰ<br>PHÒNG<br>TÀI CHÍNH<br>VND | LỢI NHUẬN<br>CHƯA PHẦN<br>PHỐI<br>VND | TỔNG<br>VND      |
|--------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|------------------|
| Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2010                          | 249.955.730.000    | 317.064.858.303                   | (16.000)               | 2.590.491.459                           | 18.409.006.477                        | 8.193.091.918                       | 109.262.073.027                       | 705.475.235.184  |
| Mua lại cổ phiếu quỹ                                         | -                  | -                                 | (690.458.358)          | -                                       | -                                     | -                                   | -                                     | (690.458.358)    |
| Lợi nhuận thuần trong năm                                    | -                  | -                                 | -                      | -                                       | -                                     | -                                   | 71.729.573.164                        | 71.729.573.164   |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                   | -                  | -                                 | -                      | 761.112.955                             | -                                     | -                                   | -                                     | 761.112.955      |
| Chênh lệch tỷ giá do góp vốn vào công ty liên kết            | -                  | -                                 | -                      | 1.741.878.891                           | -                                     | -                                   | -                                     | 1.741.878.891    |
| Trích các quỹ                                                | -                  | -                                 | -                      | -                                       | 894.000.671                           | 874.427.123                         | (1.768.427.794)                       | -                |
| Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi                            | -                  | -                                 | -                      | -                                       | -                                     | -                                   | (6.705.908.489)                       | (6.705.908.489)  |
| Cổ tức                                                       | -                  | -                                 | -                      | -                                       | -                                     | -                                   | (37.483.325.500)                      | (37.483.325.500) |
| Thù lao và quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | -                  | -                                 | -                      | -                                       | -                                     | -                                   | (831.975.841)                         | (831.975.841)    |
| Sử dụng các quỹ                                              | -                  | -                                 | -                      | -                                       | (143.990.495)                         | -                                   | -                                     | (143.990.495)    |
| Các khoản giảm trừ khác                                      | -                  | -                                 | -                      | -                                       | -                                     | -                                   | (1.126.924.681)                       | (1.126.924.681)  |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010                          | 249.955.730.000    | 317.064.858.303                   | (690.474.358)          | 5.093.483.305                           | 19.159.016.653                        | 9.067.519.041                       | 133.075.083.886                       | 732.725.216.830  |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

|                                                              | VỐN CỔ PHẦN<br>VND | THẶNG DƯ<br>VỐN<br>CỔ PHẦN<br>VND | CỔ PHIẾU<br>QUỸ<br>VND | CHÉNH LỆCH<br>TỶ GIÁ HỐI<br>ĐOẠI<br>VND | QUỸ ĐẦU<br>TƯ VÀ PHÁT<br>TRIỂN<br>VND | QUỸ DỰ<br>PHÒNG<br>TÀI CHÍNH<br>VND | LỢI NHUẬN<br>CHƯA PHÂN<br>PHỐI<br>VND | TỔNG<br>VND      |
|--------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|------------------|
| Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2011                          | 249.955.730.000    | 317.064.858.303                   | (690.474.358)          | 5.093.483.305                           | 19.159.016.653                        | 9.067.519.041                       | 133.075.083.886                       | 732.725.216.830  |
| Lợi nhuận thuần trong năm                                    | -                  | -                                 | -                      | -                                       | -                                     | -                                   | 44.623.462.596                        | 44.623.462.596   |
| Trích các quỹ                                                | -                  | -                                 | -                      | -                                       | 1.787.465.462                         | 6.355.524.749                       | (8.142.990.211)                       | -                |
| Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi                            | -                  | -                                 | -                      | -                                       | -                                     | -                                   | (8.294.025.081)                       | (8.294.025.081)  |
| Chuyển sang quỹ dự phòng tài chính                           | -                  | -                                 | -                      | -                                       | (2.262.462.404)                       | 2.262.462.404                       | -                                     | -                |
| Cổ tức (thuyết minh 33)                                      | -                  | -                                 | -                      | -                                       | -                                     | -                                   | (24.975.507.000)                      | (24.975.507.000) |
| Thù lao và quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | -                  | -                                 | -                      | -                                       | -                                     | -                                   | (3.101.205.314)                       | (3.101.205.314)  |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011                          | 249.955.730.000    | 317.064.858.303                   | (690.474.358)          | 5.093.483.305                           | 18.684.019.711                        | 17.685.506.194                      | 133.184.818.876                       | 740.977.942.031  |

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ

Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 03 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

|                                                                     | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 2011<br>VND       | 2010<br>VND       |
|---------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH                             |       |             |                   |                   |
| Lợi nhuận trước thuế                                                | 01    |             | 117.933.708.431   | 107.732.604.985   |
| Điều chỉnh cho các khoản                                            |       |             |                   |                   |
| Khấu hao và phân bổ                                                 | 02    |             | 46.132.711.007    | 18.682.998.508    |
| Các khoản dự phòng                                                  | 03    |             | 11.852.627.980    | (42.601.022.864)  |
| Lãi từ thanh lý tài sản                                             | 05    |             | (1.200.770.707)   | (3.428.295.074)   |
| Lãi từ thanh lý một phần đầu tư vào công ty liên kết                | 05    |             | (26.236.344.546)  | -                 |
| (Lãi)/lỗ từ kinh doanh chứng khoán                                  | 05    |             | (7.654.448.170)   | 22.592.172.160    |
| Xóa sổ tài sản cố định                                              | 05    |             | -                 | 45.835.000        |
| Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức                                     | 05    |             | (11.983.181.170)  | (15.476.132.477)  |
| Thu nhập từ các công ty liên kết                                    |       |             | (8.852.824.930)   | (8.699.578.380)   |
| Chi phí lãi vay                                                     | 06    |             | 120.072.307.725   | 65.548.226.608    |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08    |             | 240.063.785.620   | 144.396.808.466   |
| Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác               | 09    |             | 166.850.020.981   | (191.513.481.921) |
| Biến động hàng tồn kho                                              | 10    |             | (42.397.458.625)  | (180.686.134.198) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ khác                             | 11    |             | 226.003.904.756   | 187.683.638.380   |
| Biến động chi phí trả trước                                         | 12    |             | -                 | (8.616.476.326)   |
|                                                                     |       |             | 590.520.252.732   | (48.735.645.599)  |
| Tiền lãi vay đã trả                                                 | 13    |             | (104.743.224.748) | (62.277.557.193)  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                   | 14    |             | (26.995.074.419)  | (31.262.208.999)  |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                              | 16    |             | (11.452.951.287)  | (8.196.578.049)   |
| Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động kinh doanh                | 20    |             | 447.329.002.278   | (150.471.989.840) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ                             |       |             |                   |                   |
| Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác                | 21    |             | (643.945.821.823) | (250.964.741.104) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định                                | 22    |             | 3.471.818.179     | 4.909.494.545     |
| Tiền thu thuần từ kinh doanh chứng khoán                            |       |             | 48.454.142.290    | 90.611.108.000    |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác                         | 25    |             | (29.283.111.566)  | (54.047.807.729)  |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức                                     | 27    |             | 17.368.840.396    | 15.476.132.477    |
| Tiền chi mua tài sản dài hạn khác                                   |       |             | (293.846.312)     | (5.762.235.887)   |
| Tiền thu từ thanh lý một phần đầu tư vào công ty liên kết           |       |             | 105.202.800.000   | -                 |
| Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư                                 | 30    |             | (499.025.178.836) | (199.778.049.698) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

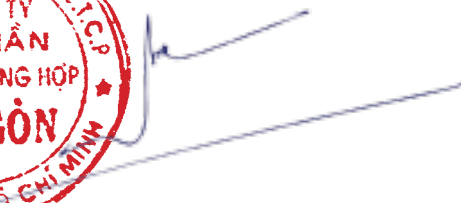
|                                                                | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 2011<br>VND         | 2010<br>VND         |
|----------------------------------------------------------------|-------|-------------|---------------------|---------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH                     |       |             |                     |                     |
| Mua lại cổ phiếu quỹ                                           | 32    |             | -                   | (690.458.358)       |
| Tiền thu từ các khoản vay                                      | 33    |             | 2.054.533.123.027   | 1.823.336.852.905   |
| Tiền thu từ phát hành trái phiếu                               | 33    |             | -                   | 100.000.000.000     |
| Tiền chi trả nợ gốc vay                                        | 34    |             | (1.931.008.374.754) | (1.613.860.469.645) |
| Tiền thu từ vốn phát hành bởi công ty con cho Cổ đông thiểu số |       |             | 1.650.000.000       | 30.733.500.000      |
| Tiền chi trả cho nợ thuê tài chính                             | 35    |             | (1.679.165.600)     | (1.521.084.113)     |
| Tiền trả cổ tức cho Cổ đông của Công ty                        | 36    |             | (37.436.928.000)    | (37.425.544.000)    |
| Tiền trả cổ tức cho Cổ đông thiểu số của công ty con           |       |             | (28.686.935.044)    | (5.694.093.828)     |
| Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính                      | 40    |             | 57.371.719.629      | 294.878.702.961     |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm                                | 50    |             | 5.675.543.071       | (55.371.336.577)    |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm                     | 60    |             | 106.497.794.903     | 161.869.131.480     |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm                    | 70    | 4           | 112.173.337.974     | 106.497.794.903     |

| GIAO DỊCH ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ                                    | 2011<br>VND | 2010<br>VND   |
|-----------------------------------------------------------------|-------------|---------------|
| Nguyên giá tài sản cố định mua bởi Tập đoàn bằng thuê tài chính | -           | 5.436.271.894 |

Người lập:

Người duyệt:





Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 03 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: tổ chức hệ thống kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì ô tô, xe gắn máy và linh kiện phụ tùng các loại, với các nhãn hiệu như Toyota, Ford, GM, Suzuki, Hyundai, SYM, Yamaha; cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, cung cấp dịch vụ taxi;
- Dịch vụ bất động sản: đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ, khu biệt thự, khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vốn vào những lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty như thương mại và dịch vụ, bất động sản, đầu tư cơ sở hạ tầng, tài chính và ngân hàng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có 1.455 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.055 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế thống Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng một cách nhất quán.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(ii) Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

(ii) Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc có ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả thay cho công ty liên kết.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Tập đoàn. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do áp dụng phi hồi tố.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(f) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Tập đoàn phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Tập đoàn với những công ty là đối tượng đầu tư.

(f) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn (tiếp theo)

(ii) Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

(iii) Xác định giá trị

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.

(iv) Giảm giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(v) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với hàng hóa và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

## 2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

### (i) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

|                                                                                                                                                         |            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <i>(ii) Khấu hao</i>                                                                                                                                    |            |
| Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau: |            |
| • Nhà cửa                                                                                                                                               | 6 - 42 năm |
| • Máy móc và thiết bị                                                                                                                                   | 4 - 8 năm  |
| • Thiết bị văn phòng                                                                                                                                    | 2 - 10 năm |
| • Phương tiện vận chuyển                                                                                                                                | 5 - 6 năm  |
| • Khác                                                                                                                                                  | 3 - 5 năm  |

### (j) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(i).

### (k) Tài sản cố định vô hình

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| <i>(i) Quyền sử dụng đất</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
| Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 20 đến 50 năm. |  |
| <i>(ii) Phần mềm máy vi tính</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |
| Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 - 04 năm.                                                                                                                                           |  |

### (l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng chưa được hoàn thành. Không trích khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

### (m) Bất động sản đầu tư

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| <i>(i) Nguyên giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm mà các |  |

chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

### *(ii) Khấu hao*

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn có được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm. Khấu hao của các bất động sản khác được theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 05 đến 36 năm.

### (n) Chi phí trả trước dài hạn

#### *(i) Chi phí trước hoạt động*

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

#### *(ii) Chi phí đất trả trước*

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 08 năm.

#### *(iii) Công cụ và dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ sử dụng hơn một năm được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ từ 02 đến 03 năm.

### (o) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

### (p) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

### (q) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

## 2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

### (r) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

### (s) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các Cổ đông quyết định trong Đại hội Cổ đông thường niên.

### (t) Doanh thu

#### (i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

#### (ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

#### (iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

### (u) Doanh thu hoạt động tài chính

#### (i) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

#### (ii) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

### (v) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

### (w) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

### (x) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

### (y) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

### (z) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính hợp nhất này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

3. Báo cáo bộ phận

|                                  | DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI  |                     | DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN |                    | DỊCH VỤ TÀI CHÍNH  |                    | TỔNG                |
|----------------------------------|---------------------|---------------------|----------------------|--------------------|--------------------|--------------------|---------------------|
|                                  | 2011<br>VND         | 2010<br>VND         | 2011<br>VND          | 2010<br>VND        | 2011<br>VND        | 2010<br>VND        |                     |
| Doanh thu bộ phận                | 6.133.398.793.382   | 4.029.880.897.364   | 139.200.099.054      | 191.377.580.109    | 19.977.167.568     | 19.868.646.902     | 6.292.576.060.004   |
| Chi phí trực tiếp của bộ phận    | (6.064.375.828.265) | (3.999.930.772.004) | (83.548.416.898)     | (152.037.968.831)  | (36.867.283.474)   | (4.995.312.659)    | (4.156.964.053.494) |
| Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh | 69.022.965.117      | 29.950.125.360      | 55.651.682.156       | 39.339.611.278     | (16.890.115.906)   | 14.873.334.243     | 107.784.531.367     |
| Thu nhập không phân bổ           |                     |                     |                      |                    |                    |                    | 84.163.070.881      |
| Chi phí không phân bổ            |                     |                     |                      |                    |                    |                    | 14.662.870.216      |
|                                  |                     |                     |                      |                    |                    |                    | (4.513.693.152)     |
|                                  |                     |                     |                      |                    |                    |                    | (2.665.995.490)     |
|                                  |                     |                     |                      |                    |                    |                    | 117.933.708.431     |
|                                  |                     |                     |                      |                    |                    |                    | 107.732.604.985     |
|                                  | DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI  |                     | DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN |                    | DỊCH VỤ TÀI CHÍNH  |                    | TỔNG                |
|                                  | 31/12/2011<br>VND   | 31/12/ 2010<br>VND  | 31/12/ 2011<br>VND   | 31/12/ 2010<br>VND | 31/12/ 2011<br>VND | 31/12/ 2010<br>VND |                     |

Tài sản

|                       |                 |                 |                   |                 |                 |                 |                   |                   |
|-----------------------|-----------------|-----------------|-------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------------|
| Tài sản ngắn hạn      | 466.721.372.771 | 426.413.889.847 | 221.045.723.726   | 379.880.146.892 | 31.176.951.543  | 36.129.147.943  | 718.944.048.040   | 842.423.184.682   |
| Tài sản dài hạn       | 612.815.201.358 | 208.980.455.459 | 1.042.330.127.832 | 832.547.780.412 | 344.977.710.552 | 461.156.146.145 | 2.000.123.039.742 | 1.502.684.382.016 |
| Tài sản không phân bổ | -               | -               | -                 | -               | -               | -               | 5.582.297.781     | 12.223.926.796    |

Nợ phải trả

|                     |                 |                 |                   |                  |                |                  |                   |                   |
|---------------------|-----------------|-----------------|-------------------|------------------|----------------|------------------|-------------------|-------------------|
| Nợ ngắn hạn         | 511.553.030.564 | 577.212.332.844 | 378.217.918.994   | 145.748.293.652  | 44.554.983.802 | 161.921.028.035  | 934.325.933.360   | 884.881.654.531   |
| Nợ dài hạn          | 42.732.732.810  | 150.691.509.050 | 823.750.526.619   | 441.624.194.156  | 27.293.466.270 | -                | 893.776.725.699   | 592.315.703.206   |
|                     | 554.285.763.374 | 727.903.841.894 | 1.201.968.445.613 | 587.372.487.808  | 71.848.450.072 | 161.921.028.035  | 1.828.102.659.059 | 1.477.197.357.737 |
| Khấu hao và phân bổ | 30.953.900.979  | 14.724.060.406  | 15.178.810.028    | 3.958.938.102    | -              | -                | 46.132.711.007    | 18.682.998.508    |
| Các khoản dự phòng  | (9.229.322)     | (634.534.926)   | -                 | (11.843.398.658) | 43.235.557.790 | (11.852.627.980) | (11.852.627.980)  | 42.601.022.864    |
| Mua tài sản cố định | 50.900.834.467  | 220.504.534.269 | 593.338.833.668   | -                | -              | 35.896.478.729   | 644.239.668.135   | 256.401.012.998   |

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                            | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền đang chuyển           | -                 | 84.431.349        |
| Tiền mặt                   | 6.257.567.567     | 5.141.765.517     |
| Tiền gửi ngân hàng         | 61.907.300.407    | 76.435.606.257    |
| Các khoản tương đương tiền | 44.008.470.000    | 24.835.991.780    |
|                            | 112.173.337.974   | 106.497.794.903   |

5. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh.

|                                   | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Đầu tư ngắn hạn vào:              |                   |                   |
| • Cổ phiếu niêm yết               | 42.432.791.851    | 20.886.466.928    |
| • Cổ phiếu OTC                    | 23.300.000.000    | 28.205.902.543    |
|                                   | 65.732.791.851    | 49.092.369.471    |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | (34.555.840.308)  | (12.963.221.528)  |
|                                   | 31.176.951.543    | 36.129.147.943    |

Các khoản đầu tư sau dự kiến được nắm giữ cho mục đích kinh doanh:

|                                                          | 31/12/2011 |                |
|----------------------------------------------------------|------------|----------------|
|                                                          | SỐ LƯỢNG   | VND            |
| Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu của:                        |            |                |
| • Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông                | 2.400.000  | 31.500.000.000 |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam | 500.000    | 14.000.000.000 |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Thủ Đức       | 331.010    | 10.059.213.808 |
| • Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu                              | 180.000    | 6.300.000.000  |
| • Công ty Cổ phần Merufa                                 | 110.000    | 3.000.000.000  |
| • Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Khánh Hội               | 62.850     | 628.035.500    |
| • Công ty Cổ phần TIE                                    | 31.390     | 243.490.000    |
| • Khác                                                   | 205        | 2.052.543      |
|                                                          | 3.615.455  | 65.732.791.851 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu dựa trên giá niêm yết trên thị trường của công cụ tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 31.176.951.543 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

5. Đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

|                                                                           | 2011<br>VND    | 2010<br>VND     |
|---------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|
| Số dư đầu năm                                                             | 12.963.221.528 | 17.289.000.000  |
| Tăng dự phòng trong năm                                                   | 11.452.618.780 | -               |
| Phân loại lại từ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (thuyết minh số 13) (*) | 10.140.000.000 | -               |
| Hoàn nhập                                                                 | -              | (4,325,778,472) |
| Số dư cuối năm                                                            | 34.555.840.308 | 12.963.221.528  |

(\*) Đây là khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, được phân loại lại từ đầu tư dài hạn sang ngắn hạn theo mục đích kinh doanh ngắn hạn đã dự kiến của Ban Tổng Giám đốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 các khoản đầu tư ngắn hạn với giá trị ghi sổ là 26.660 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 13.294 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

6. Phải thu ngắn hạn

Trong các khoản phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 70.762 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 11.627 triệu VNĐ) phải thu từ các bên liên quan.

Trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 21.694 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 153.532 triệu VND).

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

|                            | 2011<br>VND   | 2010<br>VND   |
|----------------------------|---------------|---------------|
| Số dư đầu năm              | 1.491.906.186 | 1.042.257.591 |
| Tăng dự phòng trong năm    | -             | 449.648.595   |
| Sử dụng dự phòng trong năm | (809.971.747) | -             |
| Số dư cuối năm             | 681.934.439   | 1.491.906.186 |

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.  
Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

|                          | GỘP<br>31/12/2011<br>VND | DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI<br>31/12/2011<br>VND |
|--------------------------|--------------------------|------------------------------------------------|
| Trong hạn                | 170.865.687.619          | -                                              |
| Quá hạn từ 0 - 30 ngày   | 4.698.640.861            | -                                              |
| Quá hạn từ 31 - 180 ngày | 10.245.984.767           | -                                              |
| Quá hạn trên 180 ngày    | 1.773.385.974            | 681.934.439                                    |
|                          | 187.583.699.221          | 681.934.439                                    |

7. Hàng tồn kho

|                                | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|
| Hàng mua đang đi đường         | 3.269.256.171     | 7.494.652.908     |
| Vật tư và phụ tùng thay thế    | 6.941.927.038     | 4.251.254.476     |
| Sản phẩm dở dang               | 2.061.221.630     | 1.211.899.666     |
| Thành phẩm                     | 359.449.103       | -                 |
| Hàng hóa                       | 309.351.155.455   | 266.350.163.336   |
| Hàng gửi đi bán                | 304.791.042       | 704.791.042       |
|                                | 322.287.800.439   | 280.012.761.428   |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (4.711.852.771)   | (4.825.043.063)   |
|                                | 317.575.947.668   | 275.187.718.365   |

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

|                            | 2011<br>VND   | 2010<br>VND   |
|----------------------------|---------------|---------------|
| Số dư đầu năm              | 4.825.043.063 | 4.660.249.164 |
| Tăng dự phòng trong năm    | -             | 184.886.331   |
| Sử dụng dự phòng trong năm | (103.960.970) | (20.092.432)  |
| Hoàn nhập                  | (9.229.322)   | -             |
| Số dư cuối năm             | 4.711.852.771 | 4.825.043.063 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 59.413 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 23.530 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.



Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

8. Tài sản cố định hữu hình

|                        | NHÀ CỬA<br>VND  | MÁY MÓC<br>VÀ THIẾT BỊ<br>VND | THIẾT BỊ<br>VĂN PHÒNG<br>VND | PHƯƠNG TIỆN<br>VẬN CHUYỂN<br>VND | KHÁC<br>VND   | TỔNG<br>VND     |
|------------------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|----------------------------------|---------------|-----------------|
| Nguyên giá             |                 |                               |                              |                                  |               |                 |
| Số dư đầu năm          | 112.269.443.628 | 18.916.140.464                | 7.735.956.179                | 14.967.260.892                   | 4.793.667.494 | 158.682.468.657 |
| Tăng trong năm         | 3.823.673.636   | 8.753.969.163                 | 2.261.497.127                | 8.973.075.361                    | 942.698.473   | 24.754.913.760  |
| Thanh lý               | (3.081.562.339) | (71.380.777)                  | (18.582.190)                 | (3.217.753.275)                  | -             | (6.389.278.581) |
| Phân loại lại          | -               | 1.187.216.479                 | (280.352.759)                | (906.863.720)                    | -             | -               |
| Số dư cuối năm         | 113.011.554.925 | 28.785.945.329                | 9.698.518.357                | 19.815.719.258                   | 5.736.365.967 | 177.048.103.836 |
| Giá trị hao mòn lũy kế |                 |                               |                              |                                  |               |                 |
| Số dư đầu năm          | 15.077.329.617  | 6.624.017.742                 | 3.151.389.433                | 4.363.626.228                    | 535.316.395   | 29.751.679.415  |
| Khấu hao trong năm     | 7.191.512.978   | 3.660.225.354                 | 1.796.048.989                | 2.771.521.257                    | 832.581.710   | 16.251.890.288  |
| Thanh lý               | (3.081.562.339) | (69.034.268)                  | (13.420.472)                 | (970.854.058)                    | -             | (4.134.871.137) |
| Phân loại lại          | -               | 270.850.663                   | (172.598.399)                | 14.143.526                       | (112.395.790) | -               |
| Số dư cuối năm         | 19.187.280.256  | 10.486.059.491                | 4.761.419.551                | 6.178.436.953                    | 1.255.502.315 | 41.868.698.566  |
| Giá trị còn lại        |                 |                               |                              |                                  |               |                 |
| Số dư đầu năm          | 97.192.114.011  | 12.292.122.722                | 4.584.566.746                | 10.603.634.664                   | 4.258.351.099 | 128.930.789.242 |
| Số dư cuối năm         | 93.824.274.669  | 18.299.885.838                | 4.937.098.806                | 13.637.282.305                   | 4.480.863.652 | 135.179.405.270 |

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 13.779 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 5.859 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 3.468 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 8.030 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

9. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

|                                 | THIẾT BỊ<br>VĂN PHÒNG<br>VND |
|---------------------------------|------------------------------|
| Nguyên giá                      |                              |
| Số dư đầu năm và số dư cuối năm | 8.099.678.641                |
| Giá trị hao mòn lũy kế          |                              |
| Số dư đầu năm                   | 1.208.672.090                |
| Khấu hao trong năm              | 1.809.438.732                |
|                                 | 3.018.110.822                |
| Giá trị còn lại                 |                              |
| Số dư đầu năm                   | 6.891.006.551                |
| Số dư cuối năm                  | 5.081.567.819                |

Vào ngày kết thúc hợp đồng thuê Tập đoàn có quyền chọn mua thiết bị với giá ưu đãi. Các thiết bị thuê đảm bảo nghĩa vụ thuê.

10. Tài sản cố định vô hình

|                        | QUYỀN SỬ<br>DỤNG ĐẤT VÔ<br>THỜI HẠN<br>VND | QUYỀN SỬ<br>DỤNG ĐẤT CÓ<br>THỜI HẠN<br>VND | PHẦN MỀM<br>MÁY VI TÍNH<br>VND | TỔNG<br>VND    |
|------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------|----------------|
| Nguyên giá             |                                            |                                            |                                |                |
| Số dư đầu năm          | 14.634.054.300                             | 36.486.639.190                             | 1.721.633.350                  | 52.842.326.840 |
| Tăng trong năm         | -                                          | -                                          | 185.000.000                    | 185.000.000    |
| Thanh lý               | -                                          | -                                          | (50.000.000)                   | (50.000.000)   |
| Số dư cuối năm         | 14.634.054.300                             | 36.486.639.190                             | 1.856.633.350                  | 52.977.326.840 |
| Giá trị hao mòn lũy kế |                                            |                                            |                                |                |
| Số dư đầu năm          | -                                          | 4.315.660.492                              | 383.302.629                    | 4.698.963.121  |
| Khấu hao trong năm     | -                                          | 876.700.512                                | 515.337.998                    | 1.392.038.510  |
| Thanh lý               | -                                          | -                                          | (33.359.972)                   | (33.359.972)   |
| Số dư cuối năm         | -                                          | 5.192.361.004                              | 865.280.655                    | 6.057.641.659  |
| Giá trị còn lại        |                                            |                                            |                                |                |
| Số dư đầu năm          | 14.634.054.300                             | 32.170.978.698                             | 1.338.330.721                  | 48.143.363.719 |
| Số dư cuối năm         | 14.634.054.300                             | 31.294.278.186                             | 991.352.695                    | 46.919.685.181 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 44.457 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 45.098 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

11. Xây dựng cơ bản dở dang

|                                      | 2011<br>VND       | 2010<br>VND      |
|--------------------------------------|-------------------|------------------|
| Số dư đầu năm                        | 461.881.123.012   | 314.705.368.869  |
| Tăng trong năm                       | 555.385.131.668   | 188.921.342.498  |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư      | (574.486.424.127) | (2.548.841.876)  |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | -                 | (36.791.621.878) |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình  | -                 | (435.870.000)    |
| Chuyển sang đầu tư dài hạn           | -                 | (1.158.394.700)  |
| Xóa sổ                               | -                 | (45.835.000)     |
| Thanh lý                             | -                 | (765.024.901)    |
| Số dư cuối năm                       | 442.779.830.553   | 461.881.123.012  |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 226.141 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 417.734 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 48.413 triệu VND (năm 2010: 23.933 triệu VND).

12. Bất động sản đầu tư

|                                   | QUYỀN SỬ DỤNG<br>ĐẤT<br>VND | NHÀ CỬA<br>VND  | TỔNG<br>VND     |
|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------|-----------------|
| <b>Nguyên giá</b>                 |                             |                 |                 |
| Số dư đầu năm                     | 57.306.554.900              | 58.501.737.304  | 115.808.292.204 |
| Tăng trong năm                    | 37.953.702.000              | -               | 37.953.702.000  |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 15.534.969.277              | 558.951.454.850 | 574.486.424.127 |
| Chuyển từ đầu tư dài hạn          | 21.241.382.731              | 33.685.905.754  | 54.927.288.485  |
| Số dư cuối năm                    | 132.036.608.908             | 651.139.097.908 | 783.175.706.816 |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>     |                             |                 |                 |
| Số dư đầu năm                     | -                           | 19.416.347.749  | 19.416.347.749  |
| Khấu hao trong năm                | 4.237.389.780               | 10.064.719.736  | 14.302.109.516  |
| Chuyển từ chi phí phải trả        | 1.551.607.365               | 2.460.635.455   | 4.012.242.820   |
| Số dư cuối năm                    | 5.788.997.145               | 31.941.702.940  | 37.730.700.085  |
| <b>Giá trị còn lại</b>            |                             |                 |                 |
| Số dư đầu năm                     | 57.306.554.900              | 39.085.389.555  | 96.391.944.455  |
| Số dư cuối năm                    | 126.247.611.763             | 619.197.394.968 | 745.445.006.731 |

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá 7.198 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 4.893 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 619.193 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 78.115 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

13. Đầu tư dài hạn

|                                     | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết | 169.375.402.896   | 245.139.975.519   |
| Đầu tư dài hạn khác                 | 382.552.961.223   | 466.032.998.908   |
|                                     | 551.928.364.119   | 711.172.974.427   |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn    | (14.136.258.934)  | (23.885.479.056)  |
|                                     | 537.792.105.185   | 687.287.495.371   |

Trong đầu tư dài hạn khác có các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các đơn vị khác (niêm yết và chưa được niêm yết) với giá trị ghi sổ là 189.738.566.590 VND, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này, dựa trên giá niêm yết trên thị trường của công cụ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 175.602.307.656 VND.

Trong đầu tư dài hạn khác có các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa được niêm yết hay giao dịch phổ biến trên thị trường với giá trị ghi sổ là 141.080 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 223.799 triệu VND); giá thị trường của các cổ phiếu này chưa được định giá chắc chắn và chưa có thông tin tin cậy để xem xét về việc giảm giá cổ phiếu; do đó, khoản đầu tư vào các cổ phiếu này được thể hiện theo nguyên giá.

Biến động giá trị đầu tư vào công ty liên kết như sau:

|                                                                                   | 2011<br>VND      | 2010<br>VND     |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm                                                                     | 245.139.975.519  | 237.921.906.002 |
| Đầu tư mới                                                                        | 3.314.000.000    | 2.940.000.000   |
| Thu nhập từ lợi nhuận thuần của công ty liên kết (sau thuế thu nhập doanh nghiệp) | 8.852.824.930    | 8.699.578.380   |
| Cổ tức từ công ty liên kết                                                        | (5.644.967.591)  | (4.611.727.358) |
| Thanh lý một phần khoản đầu tư vào công ty liên kết                               | (78.966.455.454) | -               |
| Công ty liên kết được mua trở thành công ty con                                   | (1.407.232.099)  | -               |
| Loại bỏ lỗ chưa thực hiện                                                         | -                | 257.821.844     |
| Khác                                                                              | (1.912.742.409)  | (67.603.349)    |
|                                                                                   | 169.375.402.896  | 245.139.975.519 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 các khoản đầu tư vào công ty liên kết với giá trị ghi sổ là 16.798 triệu VND và các khoản đầu tư dài hạn khác với giá trị ghi sổ là 123.848 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: lần lượt là 20.571 triệu VND và 138.724 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

13. Đầu tư dài hạn (tiếp theo)

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

|                                                                         | 2011<br>VND      | 2010<br>VND      |
|-------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm                                                           | 23.885.479.056   | 62.795.258.374   |
| Tăng dự phòng trong năm                                                 | 390.779.878      | -                |
| Phân loại lại sang dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (thuyết minh số 5) | (10.140.000.000) | -                |
| Hoàn nhập                                                               | -                | (38.909.779.318) |
| Số dư cuối năm                                                          | 14.136.258.934   | 23.885.479.056   |

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

| TÊN                                                             | HOẠT ĐỘNG CHÍNH                                                                          | GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ                                                                                                                                              | % VỐN SỞ HỮU | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|-------------------|
| Công ty TNHH Siêu xe                                            | Chuyên cung cấp phụ tùng, phụ kiện, trang trí nội thất xe ô tô.                          | Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 06 tháng 03 năm 2008. | 37,5%        | 1.059.599.897     | 1.213.115.573     |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico (SYM) | Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu SYM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 01 năm 2006.                                              | 37,33%       | 2.415.799.210     | 2.074.885.332     |
| Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)                                | Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.        | Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 06 năm 1998 và được điều chỉnh ngày 25 tháng 06 năm 2007.         | 40,27%       | 6.976.104.179     | 5.832.530.022     |
| Công ty Liên doanh Comfort Delgro Savico Taxi                   | Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.       | Giấy phép Kinh doanh số 824/GP-HCM do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 03 năm 2005.                                                    | 40%          | 31.534.378.130    | 27.010.164.401    |

| TÊN                                                        | HOẠT ĐỘNG CHÍNH                                                                                 | GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ                                                                                                                                                                       | % VỐN SỞ HỮU | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|-------------------|
| Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (SSC) (*)                     | Xây dựng dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ giải trí.      | Giấy phép Đầu tư số 4102003457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 01 năm 2001.                                                                           | 99%          | -                 | 1.407.232.099     |
| Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)                 | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.        | Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 11 năm 2003, được điều chỉnh ngày 14 tháng 07 năm 2005, ngày 14 tháng 11 năm 2007. | 35,16%       | 47.443.892.923    | 45.756.025.752    |
| Công ty TNHH Savico - Vinaland (**)                        | Xây dựng và quản lý trung tâm thương mại, cung cấp văn phòng cho thuê và các dịch vụ liên quan. | Giấy phép Đầu tư số 411022000214 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 10 năm 2008.                                                                               | 25%          | 76.603.904.624    | 158.711.092.883   |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội | Kinh doanh, tư vấn và đấu thầu bất động sản, quảng cáo.                                         | Giấy phép Kinh doanh số 0309535441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 01 năm 2010.                                                                       | 49%          | 3.341.723.933     | 3.134.929.457     |
|                                                            |                                                                                                 |                                                                                                                                                                                        |              | 169.375.402.896   | 245.139.975.519   |

(\*) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011, Công ty mua thêm 50% vốn góp vào Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (SSC) và có quyền kiểm soát SSC kể từ ngày đó.

(\*\*) Trong năm, Công ty mua thêm 1% vốn góp và thanh lý 25.5% vốn góp vào Công ty TNHH Savico - Vinaland lần lượt vào các ngày 10 tháng 09 và ngày 16 tháng 09 năm 2011. Việc thanh lý một phần khoản đầu tư vào Công ty TNHH Savico - Vinaland chi tiết như sau:

| VND                                                                               |                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm                                                                     | 158.711.092.883  |
| Mua thêm 1% vốn góp vào công ty liên kết                                          | 3.314.000.000    |
| Lỗ phát sinh trong năm đến ngày thanh lý                                          | (5.862.254.313)  |
| Tài sản thuần của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày thanh lý             | 156.162.838.570  |
| Giá trị ghi sổ của 25.5% khoản đầu tư được thanh lý                               | (78.966.455.454) |
|                                                                                   | 77.196.383.116   |
| Lỗ phát sinh từ ngày thanh lý đến ngày 31 tháng 12 năm 2011                       | (592.478.492)    |
| Tài sản thuần của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 76.603.904.624   |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

13. Đầu tư dài hạn (tiếp theo)

Lãi từ thanh lý một phần khoản đầu tư vào công ty liên kết, đã bao gồm trong doanh thu hoạt động tài chính trong năm, như sau:

|                                                                 | 2011<br>VND      |
|-----------------------------------------------------------------|------------------|
| Tiền thu từ thanh lý một phần khoản đầu tư vào công ty liên kết | 105.202.800.000  |
| Giá trị ghi sổ của 25.5% khoản đầu tư được thanh lý             | (78.966.455.454) |
|                                                                 | 26.236.344.546   |

14. Chi phí trả trước dài hạn

|                                      | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí trước hoạt động              | 28.014.767.745    | 9.411.395.359     |
| Chi phí đất trả trước                | 2.610.731.488     | 17.132.704.879    |
| Công cụ và dụng cụ                   | 7.334.771.242     | 3.596.832.023     |
| Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định | 6.609.468.814     | -                 |
| Các chi phí khác                     | 4.291.778.944     | 5.421.590.908     |
|                                      | 48.861.518.233    | 35.562.523.169    |

15. Vay ngắn hạn

|                                            | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|--------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Vay ngắn hạn bằng Đô la Mỹ                 | -                 | 28.000.000.000    |
| Vay ngắn hạn bằng VND                      | 371.544.697.299   | 334.614.848.741   |
|                                            | 371.544.697.299   | 362.614.848.741   |
| Nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 21) | 39.440.481.258    | 110.632.263.600   |
|                                            | 410.985.178.557   | 473.247.112.341   |

Trong các khoản vay ngắn hạn có 102.538 triệu VND không đảm bảo (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 30.356 triệu VND) và 269.007 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 332.258 triệu VND) được đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ là 185.880 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 104.296 triệu VND).

Vay ngắn hạn chịu lãi suất từ 12% đến 22% (2010: từ 3.6% đến 19%) một năm.

16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

|                            | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| Thuế giá trị gia tăng      | 3.974.695.040     | 6.159.149.333     |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 16.213.529.435    | 13.348.973.624    |
| Thuế khác                  | 3.170.383.571     | 2.459.060.315     |
|                            | 23.358.608.046    | 21.967.183.272    |

17. Chi phí phải trả

|                                        | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|----------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí lãi vay                        | 5.639.358.124     | 4.348.934.191     |
| Chi phí thuê                           | 5.098.814.561     | 3.762.749.089     |
| Phí kiểm toán                          | 1.213.270.369     | 674.750.000       |
| Chi phí lương và các chi phí liên quan | 5.055.290.912     | 3.398.957.612     |
| Chi phí phải trả cho xây dựng          | -                 | 68.000.000        |
| Các chi phí khác                       | 7.045.079.037     | 9.371.358.497     |
|                                        | 24.051.813.003    | 21.624.749.389    |

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Trong các khoản phải trả, phải nộp khác có các khoản vay từ các bên liên quan là 44.146 triệu VND, chịu lãi suất 17% một năm.

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

|                                             | 2011<br>VND     | 2010<br>VND     |
|---------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Số dư đầu năm                               | 6.853.594.274   | 8.344.263.834   |
| Trích từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm | 9.351.653.372   | 6.705.908.498   |
| Sử dụng quỹ trong năm                       | (8.351.745.973) | (8.196.578.058) |
| Số dư cuối năm                              | 7.853.501.673   | 6.853.594.274   |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

20. Nợ dài hạn khác

|                          | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|--------------------------|-------------------|-------------------|
| Ký quỹ dài hạn nhận được | 64.530.279.091    | 11.882.492.630    |
| Phải trả dài hạn khác    | 101.667.096.871   | 113.637.338.994   |
|                          | 166.197.375.962   | 125.519.831.624   |

Phải trả dài hạn khác thể hiện số tiền nhận góp vốn của các đối tác tham gia các dự án bất động sản của Tập đoàn.

21. Vay dài hạn

|                                                  | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|--------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Vay dài hạn bằng VND                             | 472.103.161.028   | 359.308.261.313   |
| Trái phiếu dài hạn                               | 100.000.000.000   | 100.000.000.000   |
|                                                  | 572.103.161.028   | 459.308.261.313   |
| Nợ thuê tài chính (*)                            | 4.490.598.365     | 6.169.763.965     |
|                                                  | 576.593.759.393   | 465.478.025.278   |
| Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh số 15) | (39.440.481.258)  | (110.632.263.600) |
| Hoàn trả sau 12 tháng                            | 537.153.278.135   | 354.845.761.678   |

Trong các khoản vay dài hạn có 86.818 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 34.435 triệu VND) vay không đảm bảo và 385.284 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 431.043 triệu VND) vay có đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ là 877.745 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 461.061 triệu VND). Các khoản vay dài hạn chịu lãi suất từ 14% đến 24% (2010: từ 5.2% đến 20.5%) một năm.

Trái phiếu dài hạn được phát hành vào tháng 07 năm 2010 theo mệnh giá. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào tháng 07 năm 2015 và được hoàn trả theo mệnh giá. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ 60.126 triệu VND và chịu lãi suất là 19% một năm (2010: 15.5% một năm).

(\*) Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

|                    | TỔNG KHOẢN THANH TOÁN TIỀN THUẾ TÀI CHÍNH | 31/12/2011<br>VND |               | TỔNG KHOẢN THANH TOÁN TIỀN THUẾ TÀI CHÍNH | 31/12/2010<br>VND |               |
|--------------------|-------------------------------------------|-------------------|---------------|-------------------------------------------|-------------------|---------------|
|                    |                                           | TRẢ TIỀN LÃI      | TRẢ NỢ GỐC    |                                           | TRẢ TIỀN LÃI      | TRẢ NỢ GỐC    |
| Trong vòng một năm | 2.424.342.576                             | 745.176.976       | 1.679.165.600 | 2.677.797.134                             | 998.631.534       | 1.679.165.600 |
| Từ hai đến năm năm | 3.419.353.009                             | 607.920.244       | 2.811.432.765 | 5.782.216.895                             | 1.291.618.530     | 4.490.598.365 |
|                    | 5.843.695.585                             | 1.353.097.220     | 4.490.598.365 | 8.460.014.029                             | 2.290.250.064     | 6.169.763.965 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

21. Vay dài hạn (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

|                                     | GIÁ TRỊ GHI SỔ<br>VND | DÒNG TIỀN THEO HỢP ĐỒNG<br>VND | TRONG VÒNG 1 NĂM<br>VND | 1 - 2 NĂM<br>VND | 2 - 5 NĂM<br>VND | HƠN 5 NĂM<br>VND |
|-------------------------------------|-----------------------|--------------------------------|-------------------------|------------------|------------------|------------------|
| Phải trả người bán và phải trả khác | 290.025.443.522       | 293.537.539.412                | 293.537.539.412         | -                | -                | -                |
| Vay ngắn hạn                        | 371.544.697.299       | 383.228.498.165                | 383.228.498.165         | -                | -                | -                |
| Phải trả người lao động             | 53.872.350.956        | 53.872.350.956                 | 53.872.350.956          | -                | -                | -                |
| Trái phiếu dài hạn                  | 100.000.000.000       | 167.150.684.932                | 19.000.000.000          | 19.000.000.000   | 129.150.684.932  | -                |
| Vay dài hạn và nợ thuê tài chính    | 476.593.759.393       | 585.905.347.164                | 74.890.420.901          | 357.742.444.629  | 119.182.796.206  | 34.089.685.428   |
| Nợ dài hạn khác                     | 166.197.375.962       | 166.197.375.962                | -                       | 128.272.461.055  | -                | 37.924.914.907   |
|                                     | 1.458.233.627.132     | 1.649.891.796.591              | 824.528.809.434         | 505.014.905.684  | 248.333.481.138  | 72.014.600.335   |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

21. Vay dài hạn (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả dài hạn dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền trả gốc và lãi trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

|                                  | GIÁ TRỊ GHI SỔ<br>VND | GIÁ TRỊ HỢP LÝ<br>VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Trái phiếu dài hạn               | 100.000.000.000       | 100.000.000.000       |
| Vay dài hạn và nợ thuê tài chính | 476.593.759.393       | 476.593.759.393       |
| Nợ dài hạn khác                  | 166.197.375.962       | 111.707.395.567       |
|                                  | 742.791.135.355       | 688.301.154.960       |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, 476.593.759.393 VND nợ dài hạn và 371.544.697.299 VND vay ngắn hạn của Tập đoàn chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm giảm lợi nhuận thuần đi 2.215.649.427 VND.

22. Doanh thu chưa thực hiện

|                                                                                            | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Doanh thu từ Dự án Savico-Vinaland thể hiện chênh lệch trên đánh giá quyền khai thác dự án | 47.046.852.000    | 94.275.090.000    |
| Doanh thu từ thuê văn phòng                                                                | 130.273.899.149   | 2.129.040.454     |
| Doanh thu từ dịch vụ bảo hành và chăm sóc khách hàng                                       | 9.624.911.608     | 13.288.803.606    |
| Khác                                                                                       | 791.083.589       | -                 |
|                                                                                            | 187.736.746.346   | 109.692.934.060   |

23. Vốn cổ phần

|                                       | 31/12/2011        |                 | 31/12/2010        |                 |
|---------------------------------------|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
|                                       | SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU | VND             | SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU | VND             |
| Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành | 24.995.573        | 249.955.730.000 | 24.995.573        | 249.955.730.000 |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành       | 24.995.573        | 249.955.730.000 | 24.995.573        | 249.955.730.000 |
| Cổ phiếu quỹ                          | (20.066)          | (690.474.358)   | (20.066)          | (690.474.358)   |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành      | 24.975.507        | 249.265.255.642 | 24.975.507        | 249.265.255.642 |

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

|                      | 2011              |                 | 2010              |                 |
|----------------------|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
|                      | SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU | VND             | SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU | VND             |
| Số dư đầu năm        | 24.975.507        | 249.265.255.642 | 24.995.572        | 249.955.714.000 |
| Cổ phiếu quỹ mua lại | -                 | -               | (20.065)          | (690.458.358)   |
| Số dư cuối năm       | 24.975.507        | 249.265.255.642 | 24.975.507        | 249.265.255.642 |

24. Lợi ích cổ đông thiểu số

|                                                                  | 2011<br>VND      | 2010<br>VND     |
|------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm                                                    | 147.408.918.927  | 106.301.838.442 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông thiểu số trong năm                 | 36.808.986.590   | 16.923.063.523  |
| Vốn góp trong năm                                                | 1.650.000.000    | 30.733.500.000  |
| Cổ tức                                                           | (28.686.935.044) | (5.694.093.828) |
| Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi phân bổ cho cổ đông thiểu số | (1.057.628.291)  | (1.999.419.704) |
| Thanh lý một công ty con                                         | -                | 760.507.027     |
| Khác                                                             | (554.557.709)    | 383.523.467     |
| Số dư cuối năm                                                   | 155.568.784.473  | 147.408.918.927 |

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

|                              | 2011<br>VND       | 2010<br>VND       |
|------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Tổng doanh thu</b>        |                   |                   |
| Bán hàng                     | 5.795.498.490.153 | 3.938.934.250.841 |
| Dịch vụ                      | 375.221.193.407   | 195.316.332.904   |
| Dịch vụ bất động sản đầu tư  | 3.538.988.787     | 53.963.455.319    |
|                              | 6.174.258.672.347 | 4.188.214.039.064 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | (18.946.646.398)  | (14.664.942.778)  |
| Doanh thu thuần              | 6.155.312.025.949 | 4.173.549.096.286 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

26. Giá vốn hàng bán

|                                      | 2011<br>VND       | 2010<br>VND       |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Hàng hóa đã bán                      | 5.488.396.131     | 3.776.653.093.518 |
| Dịch vụ đã cung cấp                  | 246.417.030.121   | 93.614.319.788    |
| Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư | 14.302.109.516    | 3.958.938.102     |
| Giá vốn bất động sản đã bán          | -                 | 32.528.189.129    |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho       | (9.229.322)       | 21.934.404        |
|                                      | 5.749.106.306.446 | 3.906.776.474.941 |

27. Doanh thu hoạt động tài chính

|                                       | 2011<br>VND    | 2010<br>VND    |
|---------------------------------------|----------------|----------------|
| Thu nhập lãi tiền gửi                 | 7.949.481.655  | 4.199.322.932  |
| Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán    | 13.404.147.750 | 9.705.311.000  |
| Thu nhập từ các khoản đầu tư khác     | -              | 29.859.559.115 |
| Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư | 26.236.344.546 | -              |
| Cổ tức                                | 4.033.699.515  | 11.276.809.545 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái        | 2.323.535.944  | 2.386.483.391  |
| Doanh thu tài chính khác              | 4.937.649.273  | 1.450.963.726  |
|                                       | 58.884.858.683 | 58.878.449.709 |

28. Chi phí tài chính

|                                                                   | 2011<br>VND     | 2010<br>VND      |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|
| Chi phí lãi vay                                                   | 120.072.307.725 | 65.548.226.608   |
| Lỗ từ kinh doanh chứng khoán                                      | 5.749.699.580   | 32.297.483.160   |
| Chi phí kinh doanh chứng khoán                                    | 280.344.246     | 1.669.681.988    |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái                                     | 3.823.349.375   | 2.258.980.518    |
| Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn | 11.843.398.658  | (43.235.557.790) |
| Chi phí tài chính khác                                            | 4.123.539.097   | 743.196.856      |
|                                                                   | 145.892.638.681 | 59.282.011.340   |

29. Thu nhập khác

|                                          | 2011<br>VND    | 2010<br>VND    |
|------------------------------------------|----------------|----------------|
| Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình | 3.471.818.179  | 4.909.494.545  |
| Thu hoa hồng từ các đơn vị khác          | 11.419.308.452 | 1.344.860.605  |
| Hỗ trợ từ nhà cung cấp                   | 11.296.825.818 | 14.594.877.398 |
| Thu nhập từ Dự án Savico-Vinaland        | 47.228.238.000 | -              |
| Thu từ đền bù do giải tỏa đất            | 4.499.560.000  | -              |
| Thu từ vi phạm hợp đồng                  | 1.947.923.309  | -              |
| Thu nhập khác                            | 4.325.546.900  | 5.386.297.046  |
|                                          | 84.189.220.658 | 26.235.529.594 |

Thu nhập từ Dự án Savico-Vinaland liên quan đến thu nhập do đánh giá lại quyền khai thác dự án đem góp vốn vào Công ty TNHH Savico-Vinaland, một công ty liên kết, như một phần vốn góp của Tập đoàn vào công ty liên kết.

30. Chi phí khác

|                                                   | 2011<br>VND   | 2010<br>VND   |
|---------------------------------------------------|---------------|---------------|
| Giá trị còn lại của tài sản cố định được thanh lý | 2.271.047.472 | 1.481.199.471 |
| Giá trị còn lại của tài sản xóa sổ                | -             | 45.835.000    |
| Các chi phí khác                                  | 2.972.646.233 | 1.138.961.019 |
|                                                   | 5.243.693.705 | 2.665.995.490 |

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán

|                                                  | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|--------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>            |                   |                   |
| Các khoản dự phòng                               | 4.745.384         | -                 |
| Doanh thu chưa thực hiện                         | -                 | 7.535.296.722     |
| Chi phí phải trả                                 | 719.234.857       | 942.670.920       |
| Giá trị của các khoản lỗ mang sang được ghi nhận | 4.858.317.540     | 3.745.959.154     |
|                                                  | 5.582.297.781     | 12.223.926.796    |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

|                                                 | 2011<br>VND     | 2010<br>VND     |
|-------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| <b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>          |                 |                 |
| Năm hiện hành                                   | 29.585.178.008  | 20.032.108.116  |
| Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước     | 274.452.222     | (11.754.981)    |
|                                                 | 29.859.630.230  | 20.020.353.135  |
| <b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b> |                 |                 |
| Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời         | (7.520.992.886) | (8.101.829.354) |
| Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời         | 8.135.515.581   | 487.773.802     |
| Lỗi tính thuế mang sang được (ghi nhận)/sử dụng | (1.188.445.794) | 6.673.670.715   |
| Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại           | 7.215.552.114   | -               |
|                                                 | 6.641.629.015   | (940.384.837)   |
| Chi phí thuế thu nhập                           | 36.501.259.245  | 19.079.968.298  |

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

|                                                                        | 2011<br>VND     | 2010<br>VND     |
|------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                            |                 |                 |
| Lợi nhuận trước thuế                                                   | 117.933.708.431 | 107.732.604.985 |
| Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty                  | 29.483.427.108  | 26.933.151.246  |
| Chi phí không khấu trừ thuế                                            | 2,779,965,333   | 2.230.675.839   |
| Thu nhập không chịu thuế                                               | (1,411,241,898) | (7.015.731.747) |
| Ảnh hưởng của ưu đãi thuế                                              | (610.654.102)   | (4.250.794.434) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận tại các công ty con | -               | 1.416.660.842   |
| Lỗi tính thuế được sử dụng tại các công ty con                         | (1.230.241.532) | (222.238.467)   |
| Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại                                  | 7.215.552.114   | -               |
| Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước                            | 274.452.222     | (11.754.981)    |
| Chi phí thuế thu nhập                                                  | 36.501.259.245  | 19.079.968.298  |

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được một số công ty con ghi nhận trên số lỗi tính thuế vì các công ty con này không chắc chắn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng lợi ích của các khoản lỗi tính thuế này.

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất phổ biến được áp dụng cho các doanh nghiệp tại Việt Nam, hiện nay bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập trong năm 2005 và năm 2006 và được giảm 50% thuế thu nhập cho năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2011).

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

|                                                                                                          | 2011<br>VND    | 2010<br>VND    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn | 44.623.462.596 | 71.729.573.164 |

Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

|                                                                               | 2011<br>SỐ CỔ PHIẾU | 2010<br>SỐ CỔ PHIẾU |
|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm                                       | 24.975.507          | 24.995.572          |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 06 năm 2010                              | -                   | (7.263)             |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 07 năm 2010                              | -                   | (882)               |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 08 năm 2010                              | -                   | (1.903)             |
| Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm | 24.975.507          | 24.985.524          |

33. Cổ tức

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 16 tháng 04 năm 2011 đã quyết định chia cổ tức của năm 2010 là 24.976 triệu VND (đây là lần chia cổ tức thứ hai cho năm 2010 và bằng 10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức).

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Tập đoàn có mối quan hệ liên quan với các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt. Tập đoàn có các công ty con sau:

| CÁC CÔNG TY CON                        | HOẠT ĐỘNG CHÍNH                                                                   | GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ                                                                                                                                                                         | % VỐN SỞ HỮU |
|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| Công ty TNHH Sài Gòn Ôtô (SAIGON FORD) | Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | Giấy phép Kinh doanh số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 03 năm 2003, được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và ngày 26 tháng 04 năm 2005. | 52,05%       |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo)

| Các bên liên quan (tiếp theo)                            |                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                               |              |
|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| CÁC CÔNG TY CON                                          | HOẠT ĐỘNG CHÍNH                                                                                                                                                                                                                              | GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ                                                                                                                                              | % VỐN SỞ HỮU |
| Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)               | Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.                                                                                                                                                          | Giấy phép Kinh doanh số 14/GP-HN do Ủy ban Nhân dân Hà Nội cấp ngày 22 tháng 01 năm 1998.                                                                     | 51%          |
| Công ty TNHH Đông Đô Thành (GM)                          | Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.                                                                                                                                                              | Giấy phép Kinh doanh số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 03 năm 2003 và được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003. | 55%          |
| Công ty Cổ phần Ôtô Thành phố (HYUNDAI)                  | Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.                                                                                                                                                         | Giấy phép Kinh doanh số 0309553786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 11 năm 2009.                                              | 51%          |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ) | Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.                                                                                                                                                  | Giấy phép Kinh doanh số 5702001169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 11 tháng 08 năm 2006.                                                  | 63,64%       |
| Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao                         | Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.                                                                                                                      | Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 07 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 05 năm 2008. | 55%          |
| Công ty Cổ phần Savico Hà Nội                            | Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe hơi, cho thuê máy, dịch vụ vận chuyển và đậu xe. | Giấy phép Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 06 năm 2007 và ngày 12 tháng 09 năm 2007.                      | 70%          |
| Công ty TNHH Toyota Cần Thơ                              | Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.                                                                                                                                                          | Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 04 năm 2007.                                                          | 51%          |
| Công ty Cổ phần Ôtô Sông Hàn (HYUNDAI)                   | Kinh doanh và bảo trì xe hơi, xe gắn máy, phụ tùng thay thế; kinh doanh thiết bị điện, vật liệu xây dựng, đại lý ký gửi, cung cấp dịch vụ cho thuê xe hơi, vận chuyển.                                                                       | Giấy phép Kinh doanh số 0401337755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08 tháng 02 năm 2010.                                                  | 51%          |
| Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (SSC)                       | Xây dựng dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ giải trí.                                                                                                                                                   | Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 01 năm 2001.                                              | 99%          |

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

|                              | 2011<br>VND   | 2010<br>VND   |
|------------------------------|---------------|---------------|
| Thành viên Hội đồng Quản trị | 3.234.000.000 | 2.900.355.000 |
| Thành viên Ban Tổng Giám đốc | 970.857.000   | 689.063.000   |
| Ban Kiểm soát                | 126.000.000   | 122.800.000   |
|                              | 4.330.857.000 | 3.712.218.000 |

Các giao dịch với bên liên quan khác

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| BÊN LIÊN QUAN                                                | MỐI QUAN HỆ      | TÍNH CHẤT GIAO DỊCH                | 2011<br>VND    | 2010<br>VND    |
|--------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------|----------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn                          | Công ty liên kết | Cổ tức nhận từ công ty liên kết    | 4.113.720.000  | 3.428.100.000  |
|                                                              |                  | Mua khoản đầu tư                   | 3.314.000.000  | -              |
|                                                              |                  | Vay từ công ty liên kết            | 15.000.000.000 | 20.000.000.000 |
|                                                              |                  | Lãi vay                            | 201.452.055    | -              |
| Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi                 | Công ty liên kết | Tiền thuê thu từ công ty liên kết  | 2.297.918.400  | 2.438.455.970  |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico | Công ty liên kết | Cổ tức nhận từ công ty liên kết    | 403.687.591    | 400.565.332    |
|                                                              |                  | Hoa hồng nhận từ công ty liên kết  | 1.367.454.106  | 1.330.595.500  |
| Công ty Cổ phần Dana                                         | Công ty liên kết | Cổ tức nhận từ công ty liên kết    | 1.127.560.000  | 783.062.026    |
|                                                              |                  | Tiền thuê thu từ công ty liên kết  | 333.447.292    | -              |
| Công ty TNHH Savico-Vinaland                                 | Công ty liên kết | Phí tư vấn thu từ công ty liên kết | -              | 1.713.986.163  |
|                                                              |                  | Tiền thuê thu từ công ty liên kết  | -              | 1.342.925.760  |
|                                                              |                  | Trả thay công ty liên kết          | 12.703.892.137 | 15.023.473.560 |
|                                                              |                  | Vay từ công ty liên kết            | 5.000.000.000  | -              |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

35. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

|                    | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2010<br>VND |
|--------------------|-------------------|-------------------|
| Trong vòng một năm | 41.842.198.406    | 20.113.029.195    |
| Từ hai đến năm năm | 118.094.381.803   | 53.838.046.119    |
| Trên năm năm       | 226.363.962.341   | 59.235.244.970    |
|                    | 386.300.542.550   | 133.186.320.284   |

36. Tài sản thuần bằng ngoại tệ

|                                                                                          |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty có các khoản tài sản thuần bằng ngoại tệ như sau: | USD       |
| Tiền                                                                                     | 703       |
| Tài sản tiền tệ khác                                                                     | 2.730.000 |
| Nợ phải trả tiền tệ khác                                                                 | (910.000) |
|                                                                                          | 1.820.703 |

|                                                        |                               |
|--------------------------------------------------------|-------------------------------|
| Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng: | VND                           |
|                                                        | TỶ GIÁ TẠI NGÀY<br>31/12/2011 |
| USD                                                    | 20.828                        |

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

|                     |                                                             |
|---------------------|-------------------------------------------------------------|
|                     | VND                                                         |
|                     | ẢNH HƯỞNG<br>TRÊN LỢI NHUẬN<br>THUẦN TẠI NGÀY<br>31/12/2011 |
| USD (tăng thêm 10%) | 3.323.047.637                                               |

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

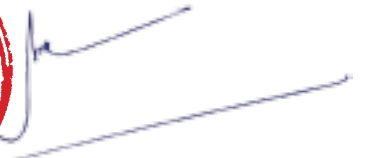
|                                          | 2011<br>VND       | 2010<br>VND       |
|------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí mua hàng hóa                     | 5.638.343.770.631 | 3.884.702.101.384 |
| Chi phí nhân công và nhân viên văn phòng | 163.993.241.177   | 94.666.360.840    |
| Chi phí khấu hao và phân bổ              | 46.132.711.007    | 18.682.998.508    |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                | 127.183.097.226   | 109.991.232.724   |
| Chi phí khác                             | 59.771.227.870    | 41.703.431.486    |

Người lập:

  
Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Ngày 19 tháng 3 năm 2012

Người duyệt:

  
  
Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc



Chào mừng kỉ niệm 30 năm ngày thành lập  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn - SAVICO



**01/09/1982 - 01/09/2012**

*Đoàn kết*  
**PHÁT TRIỂN**

## HỆ THỐNG CÁC CHI NHÁNH VÀ ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN:

01 chi nhánh

12 công ty con

06 công ty liên doanh liên kết.



### CHI NHÁNH:

#### 1. Chi nhánh SAVICO Đà Nẵng

Địa chỉ: 66 Võ Văn Tần, Q.Thanh Khê, TP. Đà Nẵng  
Tel/Fax: (84.511) 364 7858 - 364 6517

### CÁC CÔNG TY CON:

#### 1. Công ty Cổ Phần SAVICO Hà Nội - Chủ đầu tư Dự án TTTM SAVICO Mega Mall

Địa chỉ: 7 - 9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy, Q.Long Biên, TP. Hà Nội  
ĐT: (84.4) 6288 8555 - Fax: (84.4) 6288 8556  
Email: info@savicothanoi.com  
Web: www.savicomegamall.com

#### Công ty TNHH Toyota Long Biên

Địa chỉ: 7 - 9 Nguyễn Văn Linh, Q.Long Biên, TP. Hà Nội  
ĐT: (84.4) 6277 7999  
Fax: (84.4) 6277 7990/(84.4) 6277 7998  
Email: info@toyotalongbien.vn

#### 2. Công ty Liên Doanh Toyota Giải Phóng

Địa chỉ: 807 Giải Phóng, Q.Hoàng Mai, TP. Hà Nội  
ĐT: (84.4) 3664 0124 - Fax: (84.4) 3664 0127  
Email: tgp@fpt.vn  
Web: www.toyotagialiphong.com.vn

#### Chi nhánh Pháp Vân

Địa chỉ: Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP. Hà Nội  
ĐT: (84.4) 3642 5588 - Fax: (84.4) 3642 5599

#### 3. Công ty TNHH Toyota Cần Thơ

Địa chỉ: Lô 20, Khu Đô Thị Phú An, Quang Trung, P. Phú Thứ, Q.Cái Răng, T. Cần Thơ  
ĐT: (84.710) 391 9919 - Fax: (84.710) 391 8899  
Web: www.toyotacantho.savico.com.vn/toyotacantho.com.vn

#### 4. Công ty TNHH Đồng Đô Thành

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, P. 22, Q.Bình Thạnh, TP. HCM  
ĐT: (84.8) 3898 9878 - Fax: (84.8) 3898 9876  
Web: www.dongdothanh.savico.com.vn/dongdothanh.com

#### 5. Công ty TNHH Sài Gòn Ôtô (Sài Gòn Ford)

Địa chỉ: 61A Cao Thắng, P. 3, Q.3, TP. HCM  
ĐT: (84.8) 3818 1458 - Fax: (84.8) 3818 1466  
Email: saigonford@saigonford.com.vn  
Web: www.saigonford.savico.com.vn  
www.saigonford.com.vn

#### Hệ thống:

- Chi nhánh Phố Quang: Trung tâm kinh doanh xe cũ & xưởng dịch vụ sửa chữa Đồng Sơn  
Địa chỉ: 104 Phố Quang, P. 2, Q.Tân Bình, TP. HCM  
Điện Thoại: (84.4) 3844 2947 - (84.8) 3844 2948  
Fax: (84.8) 3844 2896  
Email: phoquang@saigonford.com.vn
- Chi nhánh tại Cần Thơ:  
Địa chỉ: 41A đường 3 tháng 2, P. Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
Điện Thoại: (84.710) 373 0720/373 0719  
Fax: (84.710) 373 0716  
Email: cantho@saigonford.com.vn

#### Sài Gòn Automax:

Địa chỉ: 72 Trần Đình Xu, Q.1, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3838 9508 - Fax: (84.8) 3838 9521  
Website: www.mazdabenthanh.com.vn

#### Sài Gòn Automax:

Địa chỉ: 295 Bến Chương Dương, Q.1, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3920 4392 - Fax: (84.8) 3920 4394  
Website: www.saigonautomax.bonbanh.com

#### 6. Công ty Cổ Phần Bến Thành Ôtô (Ben Thanh Ford)

Địa chỉ: 831 Trường Chinh, Quận Tân Phú, TP. HCM  
ĐT: (84.8) 3815 7979 - Fax: (84.8) 3815 8989  
Email: benthanhford@benthanhford.com.vn  
Web: benthanhford.savico.com.vn / benthanhford.com.vn

#### 7. Công ty Cổ Phần Ôtô Thành Phố

Địa chỉ: 06 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP. HCM  
ĐT: (84.8) 3915 3247 - Fax: (84.8) 3915 3248  
Web: www.hyundaitranhungdao.com.vn

#### Chi nhánh:

Địa chỉ: 56A An Dương Vương, P. 16, Q.8, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3755 8577 - Fax: (84.8) 3755 8578

#### 8. Công ty Cổ Phần Ôtô Sông Hàn

Địa chỉ: 86 Duy Tân, P. Hòa Thuận Tây, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng  
ĐT: (84.511) 383 3555 - Fax: (84.511) 383 3868

#### 9. Công ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 14 - 16 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP. HCM  
ĐT: (84.8) 3837 8390 - Fax: (84.8) 3838 6146  
Web: saigonngoisao.savico.com.vn/saigonngoisao.com.vn

#### Hệ thống:

##### Các showroom Ôtô:

- Showroom & Trạm bảo hành:  
Địa chỉ: 510 Quốc lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3726 3022 - (84.8) 3726 3023  
Fax: (84.8) 3727 3133
- Phòng trưng bày:  
Địa chỉ: 331C Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Q.1, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3920 9497 - (84.8) 3920 9498  
Fax: (84.8) 3920 9496

#### Các cửa hàng gần máy:

- Cửa hàng 14 - 16 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3837 8390 - Fax: (84.8) 3838 6146
- Cửa hàng: 3/9 Kha Vạn Cân, P. Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3897 9022
- Cửa hàng: 182 Trần Quốc Thảo, Q.3, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3931 1142 - Fax: (84.8) 3931 2613
- Cửa hàng: 379 Quang Trung, Q.Gò Vấp, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 6257 9143

#### Công ty TNHH MTV Sài Gòn Phương Nam

Địa chỉ: 325 Lý Tự Trọng, Q.1, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3822.2615 - Fax: (84.8) 6291 0324  
Web: www.yamahaphuongnam.savico.com.vn

#### 10. Công ty TNHH TMDV Sài Gòn (Yamaha Cần Thơ) TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 164 - 166C, Đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
ĐT: (84.710) 378 0164 - Fax: (84.710) 378 0166  
Web: www.yamahasaigon.savico.com.vn  
www.yamahasaigon.com

#### Hệ thống:

- Cửa hàng: 164 - 166C, Đường 3/2, Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
Điện thoại: (84.710) 378 0164 - Fax: (84.710) 378 0166
- Cửa hàng: 164/1B Trần Ngọc Quế, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
Điện thoại: (84.710) 378 2982
- Cửa hàng: 45 (Kios 15 - 17 - 21 CVVH Miền Tây) Cách Mạng Tháng Tám, P. An Thới, Q.Bình Thủy, TP. Cần Thơ.  
Điện thoại: (84.710) 378 3979 - Fax: (84.710) 378 3839

#### 11. Công ty TNHH TMDV TH SAVICO Me Kong TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 55 - 55B Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
Điện thoại: (84.710) 382 7308 - Fax: (84.710) 382 0205

#### Hệ thống:

- Cửa hàng: 55 - 55B Cách Mạng Tháng Tám, P. An Hòa, Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
Điện thoại: (84.710) 382 7308 - Fax: (84.710) 382 0205
- Cửa hàng: 1263/6 Khu vực 4, P. Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ  
Điện thoại: (84.710) 366 1200
- Chi nhánh: 349/30B Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Điện thoại: (84.76) 393 5198 - Fax: (84.76) 393 5098



Công ty TNHH Sài Gòn Ôtô (Sai Gon Ford)





Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)



Công ty TNHH Đông Đô Thành



Công ty TNHH MTV Sài Gòn Phương Nam

#### 12. Công ty TNHH SAVICO Vĩnh Long

Địa chỉ: 291 ấp An Nhơn, Xã Trung Thành, H. Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long  
Điện thoại: (84.070) 397 6888 - Fax: (84.070) 397 6777

### CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT:

#### 1. Công ty Cổ Phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)

Showroom và văn phòng chính:

Địa chỉ: 507 Xa Lộ Hà Nội, An Phú, Q.2, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3898 9242 - Fax: (84.8) 3898 9243  
Email: tesc@toyotasaigon.com  
Website: www.toyotasaigon.savico.com.vn

Hệ thống:

- Chi Nhánh Gò Vấp: Địa chỉ: 18 Phan Văn Trị, P. 7, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3989 6636 - Fax: (84.8) 3989 6637
- Trung tâm xe đã qua sử dụng: 18 Phan Văn Trị, P. 10, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
Điện Thoại: (84.8) 3921 2808 - Fax: (84.8) 3921 2809  
Hotline: 0918 33 5050  
Email: usedcar@toyotasaigon.com  
Website: www.toyotadaquasudung.com

#### 2. Công ty Cổ Phần Dana - Danaford

Trụ sở chính

56 Điện Biên Phủ - Q. Thanh Khê - TP. Đà Nẵng  
ĐT: (84.511) 3646555 - Fax: (84.511) 3646746  
Email: danaford@danaford.com.vn  
Website: www.dana.com.vn

Chi nhánh:

- Tại Bình Định:  
Địa chỉ: 73 Tây Sơn, Qui Nhơn, Bình Định  
Điện thoại: (84.56) 354 6555 - Fax: (84.56) 354 6488

#### 3. Công ty TNHH TMDV Tổng Hợp Bến Thành - SAVICO

Trụ sở chính

Địa chỉ: 17 - 19 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP. HCM  
ĐT: (84.8) 3914 3826 - Fax: (84.8) 3914 2899

Showroom ô tô:

- Showroom & Trạm bảo hành: Địa chỉ: 48B Phan Văn Trị, Phường 7, Q. Gò Vấp, TP. HCM.
- Điện thoại: (84.8) 3989 9789 - Fax: (84.8) 3989 9448

Các cửa hàng gắn máy:

- Cửa hàng: 1 Nguyễn Trãi, TP. HCM  
Điện Thoại: (84.8) 3839 3687 - 3925 7322
- Cửa hàng: 17-19 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3914 3826 - 3914 2432
- Cửa hàng: 598 - 600 Cách Mạng Tháng Tám, P.11, Q.3, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3846 4124 - 3846 4135

- Cửa hàng: 144 Lê Văn Việt, Q.9, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3730 9550
- Cửa hàng: 58 - 59 Nguyễn Thị Định, Q.2, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3847 1120 - 3747 1151
- Cửa hàng: 66 Cách Mạng Tháng Tám, P. 6, Q.3, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3933 3633

#### 4. Công ty TNHH ComfortDelgro SAVICO Taxi

Địa chỉ: 325 Hồ Văn Huê, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM  
ĐT: (84.8) 3842 4400 - Fax: (84.8) 3842 4400  
Web: comfortsavico.com.vn/comfortsavico@vnn.vn

#### 5. Công ty TNHH SAVICO - Vinaland

Địa chỉ: 115 Hồ Tùng Mậu, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM  
ĐT: (84.8) 3822 3093 - Fax: (84.8) 3821 7548

#### 6. Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội

Địa chỉ: 56 Bến Vân Đồn, Q.4, TP. HCM  
ĐT: (84.8) 3943 3430 - Fax: (84.8) 3943 3429

### CÔNG TY SAVICO GÓP VỐN

#### KINH DOANH:

##### 1. Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB)

Địa chỉ: 45 Lê Duẩn, Q.1, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3822 0960 - Fax: (84.8) 3822 0963

##### 2. Công ty Cổ phần chứng khoán Phương Đông (ORS)

Địa chỉ: 194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3914 4290 - Fax: (84.8) 3914 2295

##### 3. Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Bến Thành (TSC)

Địa chỉ: 120 - 121 Bến Chương Dương, Q.1, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3823 6724 - Fax: (84.8) 3822 3390

##### 4. Công ty Cổ Phần Du lịch Bến Thành Non Nước (Sandy Beach)

Địa chỉ: 255 Huyện Trần Công Chứa, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại: (84.511) 383 6216 - Fax: (84.511) 383 6335

##### 5. Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải (Tropicana)

Địa chỉ: Tỉnh lộ 44A, Xã Phước Hải, H. Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
Điện thoại: (84.64) 679 999 - Fax: (84.64) 678 888

##### 6. Công ty Cổ Phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. HCM

Địa chỉ: 29 đường số 41, P.6, Q.4, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 2211 7898 - Fax: (84.8) 3826 4051

##### 7. Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Lạnh Searefico

Địa chỉ: 2149B Trương Định, Q.3, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3875 2116

